

(4b)

TC. 1  
H1.01.01.23

DC

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA H  
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN



# BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT

GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

NĂM 2020

Hà Nội, 2021



## BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIẢNG VIÊN, NHÂN VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NĂM 2020

### I. Giới thiệu

#### *1.1. Mục tiêu của khảo sát*

Khảo sát giảng viên và nhân viên về chất lượng đào tạo là một trong những kênh quan trọng giúp Học viện đảm bảo chất lượng đào tạo, là một trong những quy định bắt buộc trong kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục. Kết quả khảo sát được phản hồi tới các bên liên quan, làm cơ sở để Học viện có các biện pháp, chủ trương, chính sách cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo trong nhà trường.

#### *1.2. Phạm vi, đối tượng khảo sát*

Đối tượng tham gia khảo sát là toàn bộ giảng viên và nhân viên đang tham gia giảng dạy và công tác tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền năm 2020. Tổng số 272 lượt giảng viên và nhân viên đã tham gia khảo sát.

#### *1.3. Nội dung và phương pháp khảo sát*

Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên, nhân viên về chất lượng đào tạo năm 2020 được thiết kế khoa học dựa trên thang đánh giá 5 cấp độ Likert Scale. Phiếu khảo sát được thiết kế theo nguyên tắc khuyết danh, đảm bảo tính khách quan, chính xác; được điều chỉnh, cập nhật so với phiếu khảo sát năm 2019.

Phiếu khảo sát được thiết kế gồm 72 câu hỏi lựa chọn và 4 câu hỏi mở về các nội dung. Giảng viên và nhân viên hoàn thành phiếu khảo sát gồm các phần:

- I. Chế độ lương bổng và phúc lợi
- II. Đặc điểm công việc
- III. Lãnh đạo đơn vị trực tiếp

- IV. Quan hệ đồng nghiệp
- V. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)
- VI. Bản mô tả chương trình đào tạo
- VII. Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo
- VIII. Chiến lược và phương pháp dạy học
- IX. Kiểm tra đánh giá
- X. Đội ngũ giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên
- XI. Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và nghiên cứu khoa học
- XII. Các đề xuất, góp ý giúp cải tiến chất lượng đào tạo

Hình thức khảo sát: Phiếu khảo sát được Trung tâm Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo gửi qua email của giảng viên và nhân viên Học viện để khảo sát trực tuyến.

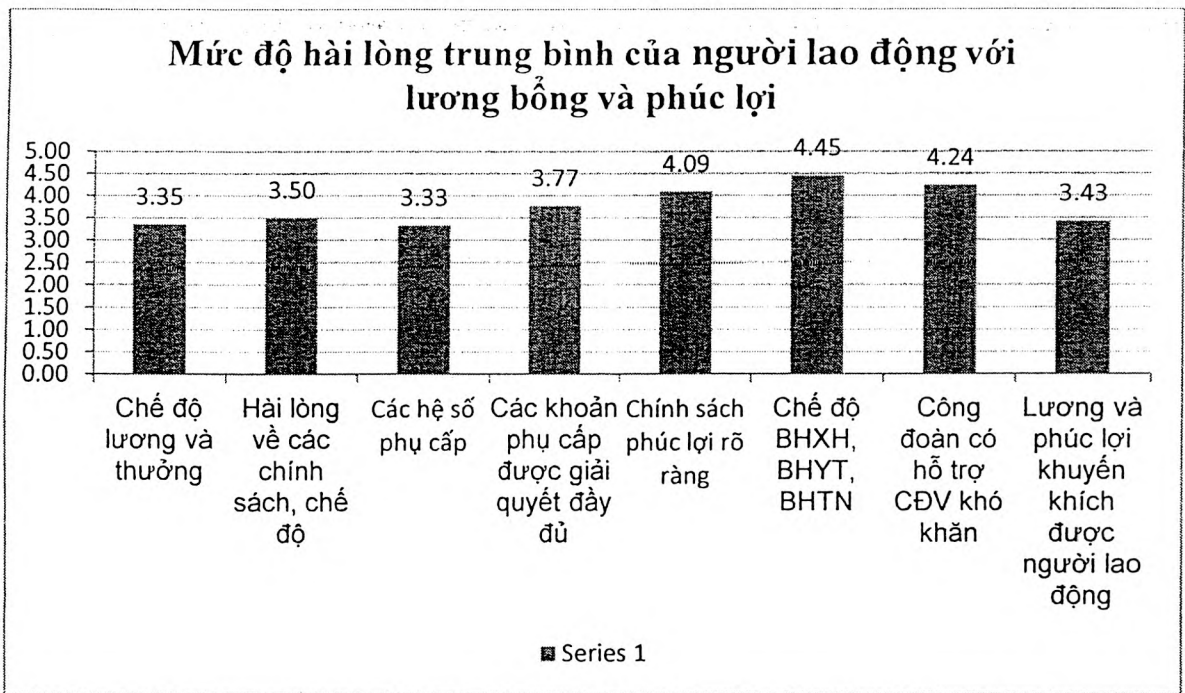
#### **1.4. Phân tích dữ liệu khảo sát**

Dữ liệu khảo sát định lượng được phân tích thống kê theo tỷ lệ phần trăm các mức hài lòng và mức hài lòng trung bình của toàn Học viện. Dữ liệu khảo sát định tính từ các câu hỏi mở được phân tích theo các nội dung.

### **II. Kết quả khảo sát**

#### **2.1. Mức độ hài lòng của giảng viên và nhân viên về chế độ lương bổng và phúc lợi**

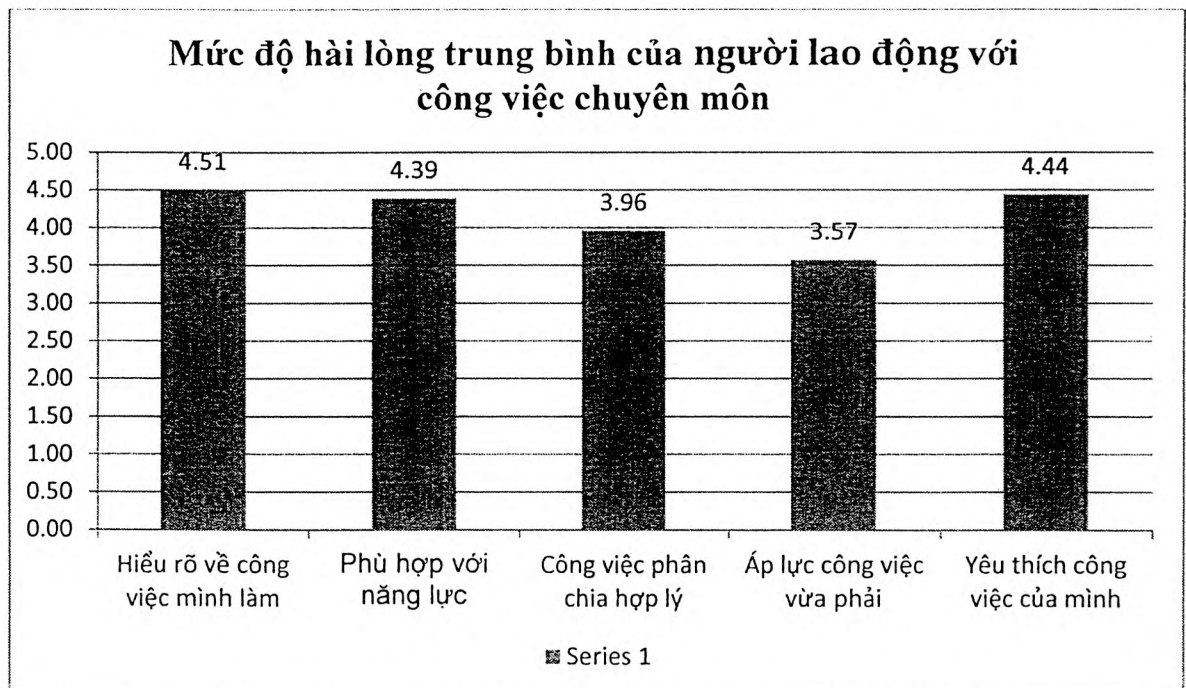
Người lao động Học viện đánh giá chế độ lương bổng và phúc lợi hiện đang được hưởng ở mức trung bình là 3.77/5. Trong đó tiêu chí người lao động được tham gia và thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BH thất nghiệp được đánh giá cao nhất trong nội dung này ở mức 4.45/5 với tỷ lệ hài lòng trên 93%. Tiêu chí về chế độ lương, thưởng tương xứng với trách nhiệm và chất lượng công việc và tiêu chí về hệ số phụ cấp giờ giảng và quản lý được người lao động đánh giá thấp ở mức từ 3.3 đến 3.4/5. Trên 64% người lao động hài lòng với chế độ lương bổng và phúc lợi.



## 2.2. Mức độ hài lòng về vị trí công việc hiện tại của người lao động

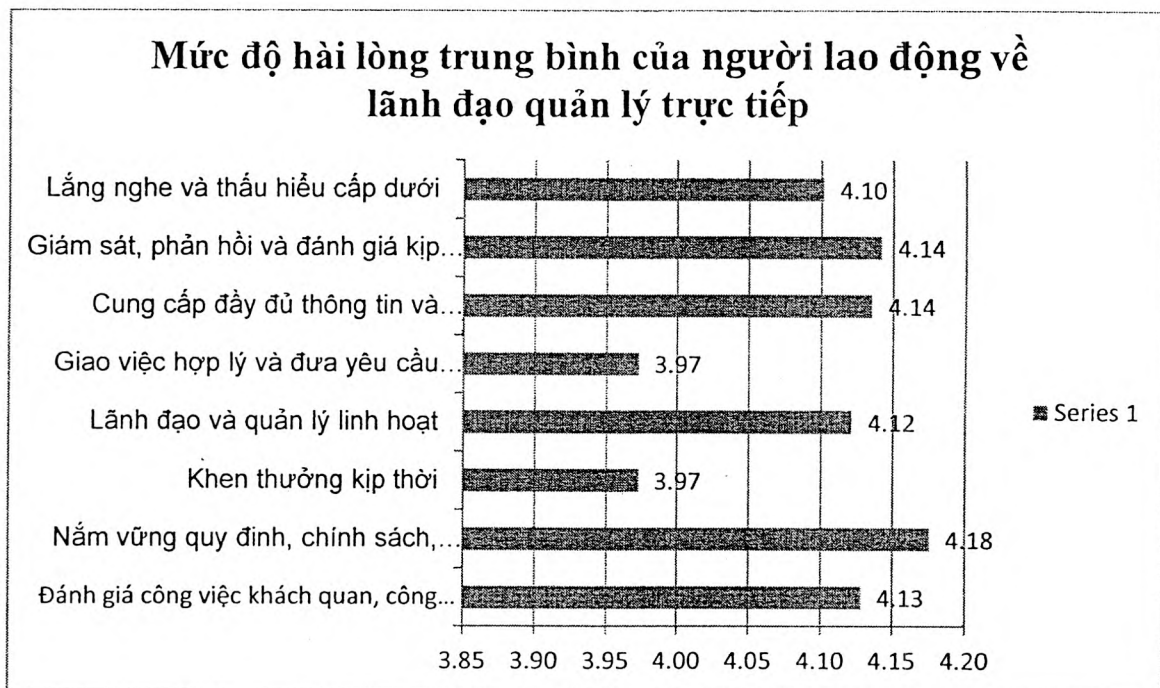
Người lao động đánh giá vị trí công việc hiện tại ở mức trung bình là 4.14/5. Trong đó, tiêu chí được người lao động đánh giá cao nhất là việc nắm rõ được vị trí việc làm của mình ở mức 4.49/5. Tiêu chí áp lực công việc là vừa phải được người lao động đánh giá thấp nhất ở mức 3.59/5. Trên 82% người lao động hài lòng về vị trí công việc hiện tại của mình.

Tuy nhiên, ở nội dung khảo sát này, kết quả cho thấy người lao động hiện chịu khá nhiều áp lực trong công tác chuyên môn khi chỉ có 57.4% đồng ý với đánh giá áp lực công việc là vừa phải.



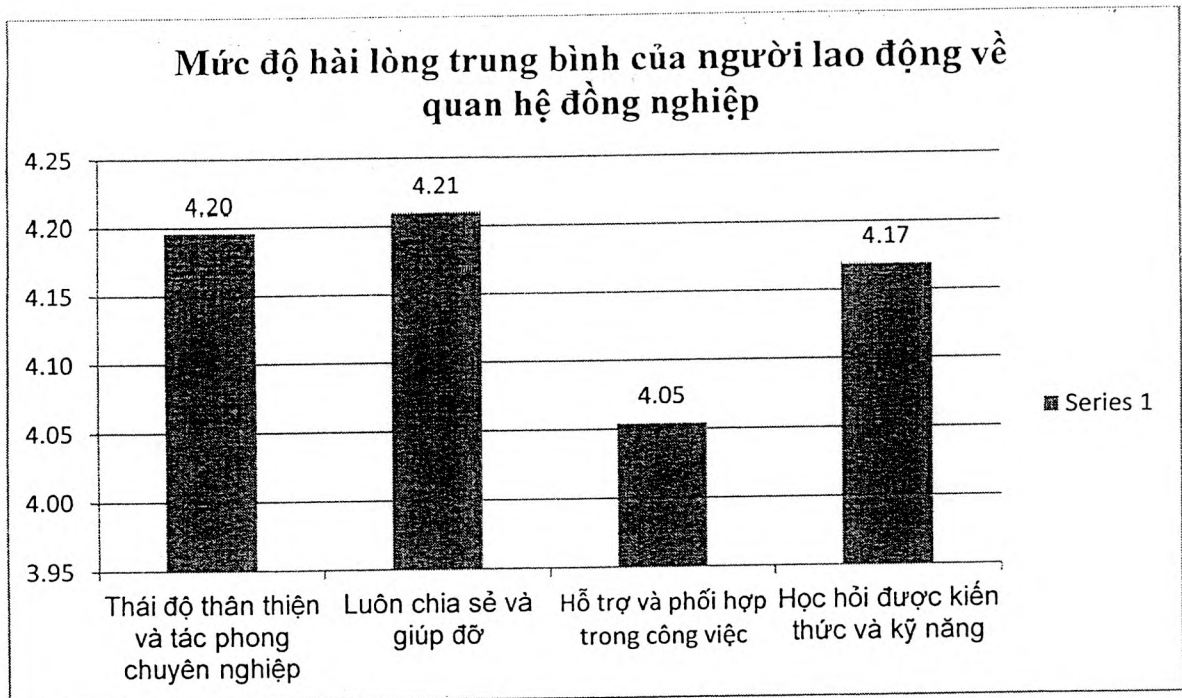
### 2.3. Mức độ hài lòng của người lao động với lãnh đạo đơn vị trực tiếp

Người lao động đánh giá hiệu quả quản lý của lãnh đạo trực tiếp ở mức trung bình là 4.09/5. Trong đó, đánh giá việc lãnh đạo đơn vị nắm vững được các quy định, chính sách, chế độ đối với người lao động ở mức 4.18/5 với trên 85% người lao động hài lòng. Tiêu chí về việc giao việc hợp lý và đưa ra những yêu cầu cụ thể về thời gian và chất lượng cụ thể cần đạt được và tiêu chí việc ghi nhận, khen thưởng kịp thời được người lao động đánh giá ở mức thấp nhất trong nội dung này ở mức 3.97/5. Trên 81% người lao động hài lòng về lãnh đạo trực tiếp của mình.



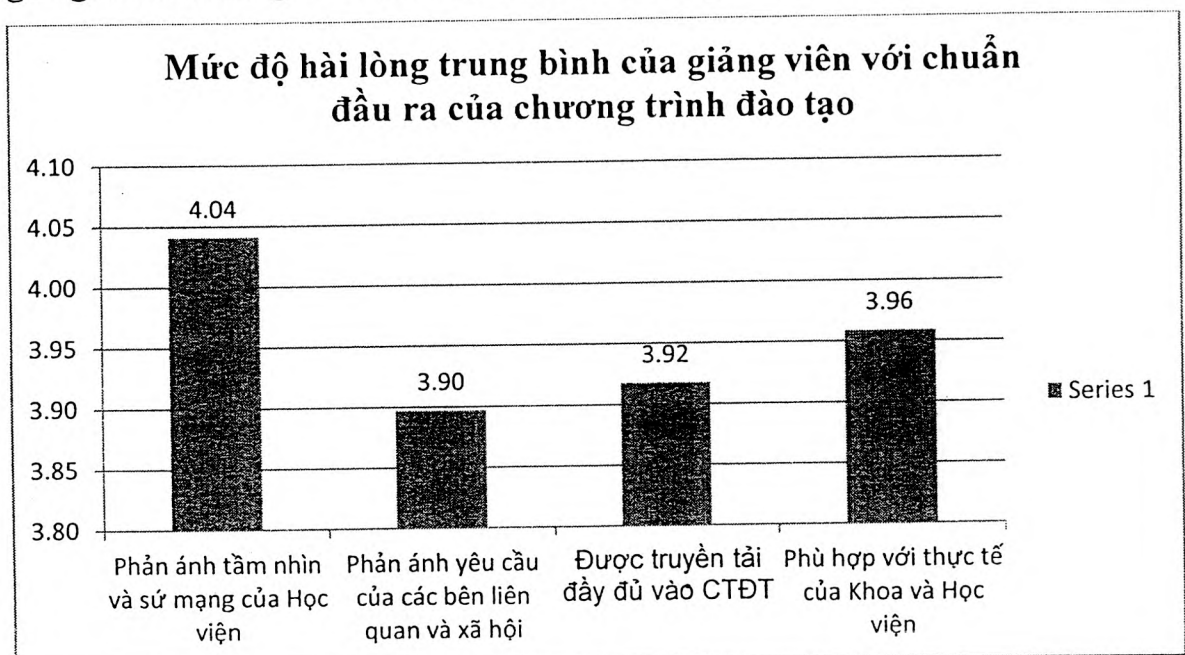
### 2.4. Mức độ hài lòng của người lao động với mối quan hệ đồng nghiệp

Người lao động đánh giá mối quan hệ đồng nghiệp ở mức trung bình là 4.16/5. Trong đó, tiêu chí về sự chia sẻ và giúp đỡ được người lao động Học viện đánh giá ở mức cao nhất 4.21/5. Đánh giá của người lao động thể hiện truyền thống tốt đẹp của Học viện Báo chí và Tuyên truyền là đoàn kết, tương thân, tương ái. Tuy nhiên, mức độ hỗ trợ và phối hợp trong triển khai các công việc được người lao động nhà trường đánh giá ở mức thấp nhất trong nội dung về quan hệ đồng nghiệp 4.05/5. Trên 87% người lao động hài lòng về mối quan hệ đồng nghiệp.



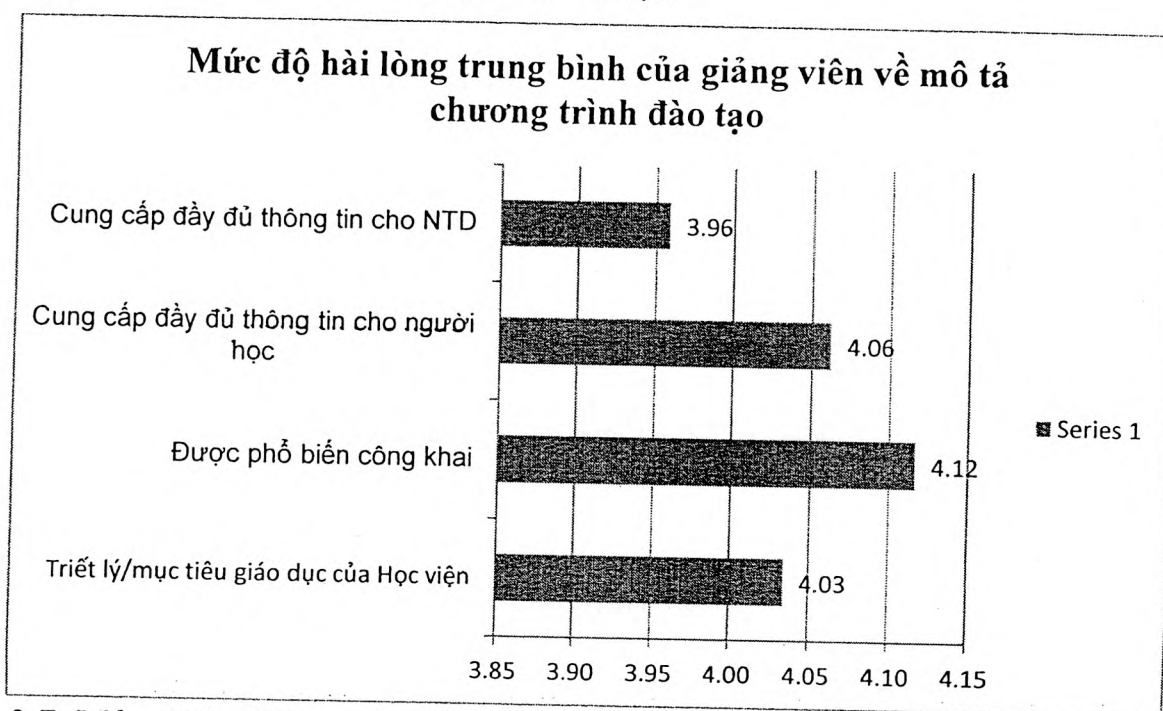
**2.5. Mức độ hài lòng của giảng viên về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Giảng viên đánh giá chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo ở mức trung bình là 3.95/5. Trong đó tiêu chí về chuẩn đầu ra phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện được giảng viên đánh giá cao nhất trong nội dung này ở mức trung bình là 4.04/5 và việc chuẩn đầu ra phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với yêu cầu xã hội được đánh giá ở mức thấp hơn là 3.90/5. Đây tiếp tục là 2 tiêu chí được giảng viên đánh giá thấp nhất và cao nhất tại nội dung về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo so với năm 2019. Trên 78% giảng viên hài lòng với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.



## 2.6. Mức độ hài lòng của giảng viên về mô tả chương trình đào tạo

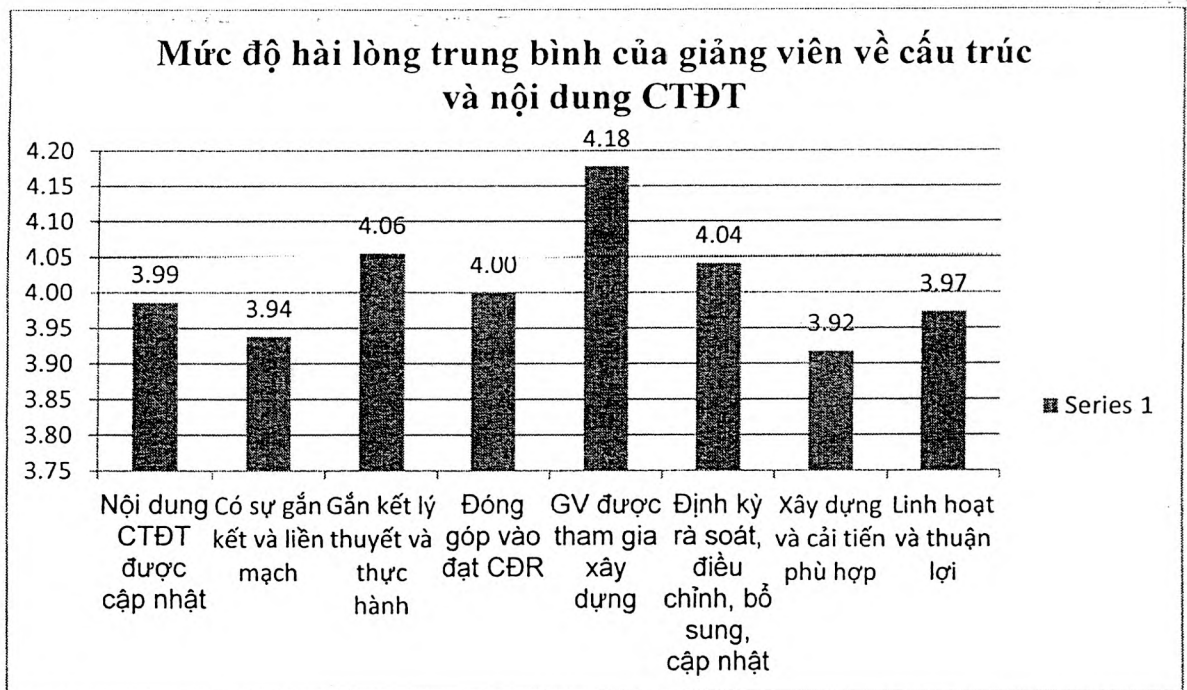
Bản mô tả chương trình đào tạo được giảng viên đánh giá ở mức trung bình là 4.04/5. Các tiêu chí về thể hiện rõ triết lý mục tiêu giáo dục của Học viện, được phổ biến công khai cho sinh viên và các bên liên quan, cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về chương trình đào tạo được giảng viên đánh giá đều ở mức trung bình trên 4.0/5. Tiêu chí về cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên được giảng viên đánh giá ở mức thấp hơn 3.96/5. Trên 80% giảng viên hài lòng về bản mô tả của chương trình đào tạo.



## 2.7. Mức độ hài lòng của giảng viên về cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo

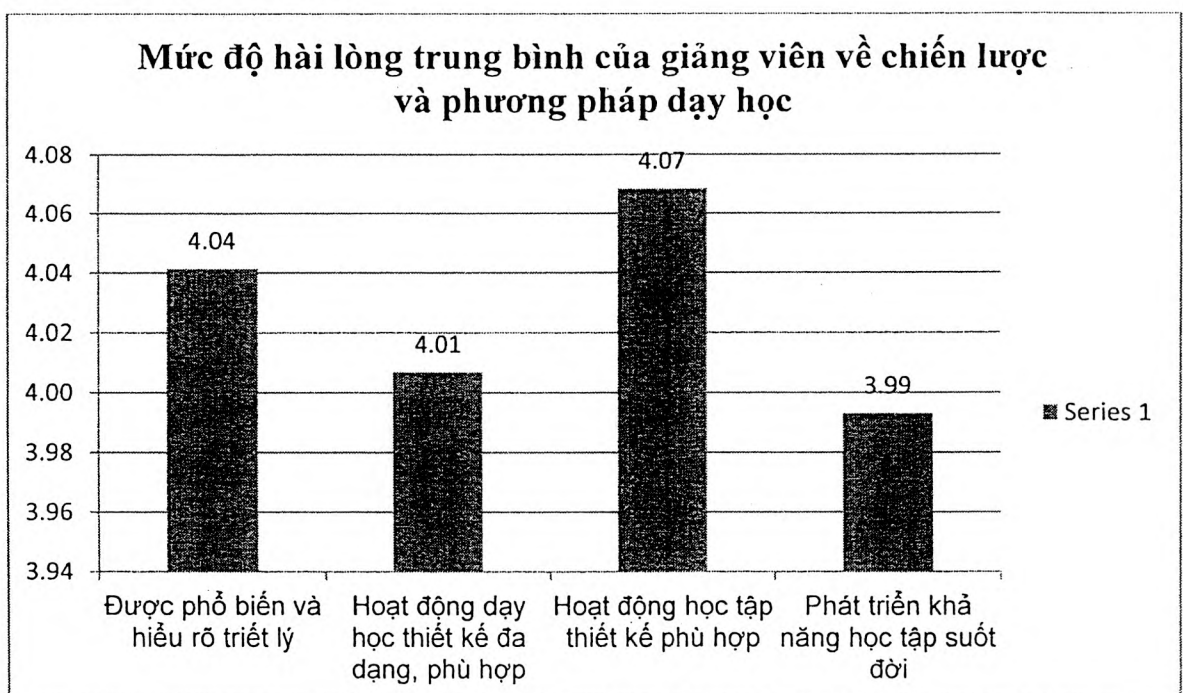
Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo được giảng viên đánh giá ở mức trung bình là 4.01/5. Trong đó, tiêu chí về giảng viên được tham gia vào quá trình xây dựng/ điều chỉnh chương trình đào tạo được giảng viên đánh giá cao nhất ở mức 4.18/5 với trên 86% giảng viên hài lòng. Tiêu chí về quy trình xây dựng và cải tiến chương trình đào tạo phù hợp được giảng viên đánh giá ở mức thấp nhất trong nội dung này ở mức 3.92/5. Các tiêu chí còn lại về nội dung chương trình đào tạo đều được đánh giá ở mức trung bình 3.97-4.0/5, với khoảng 81% giảng viên hài lòng.





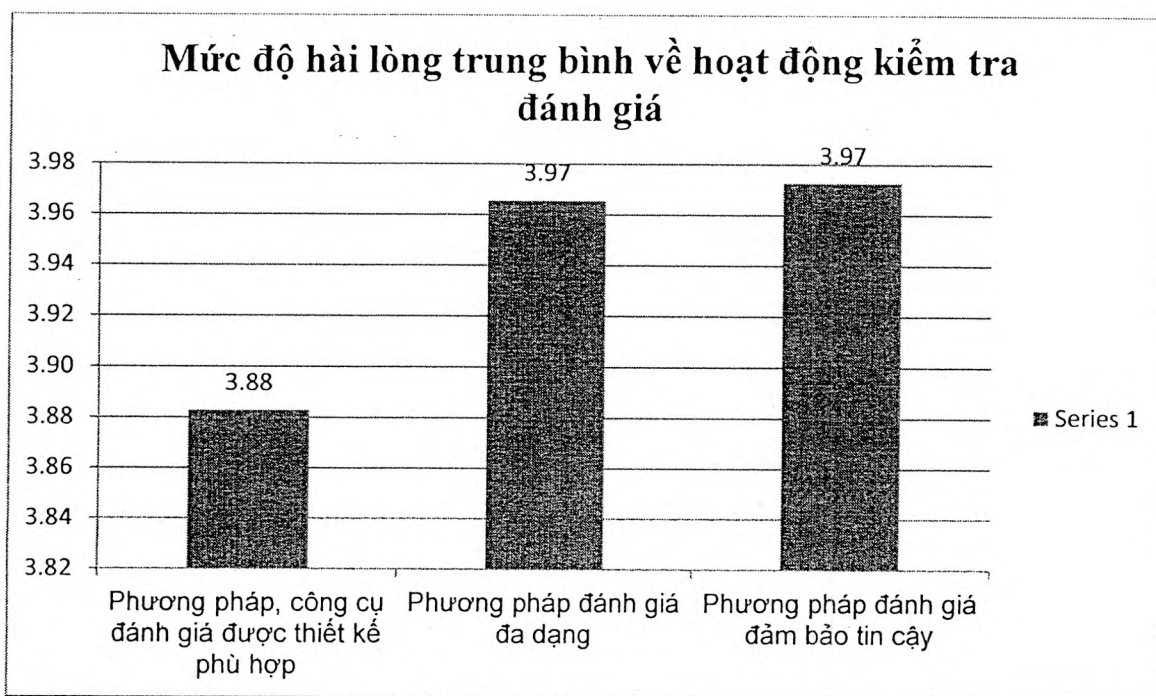
### 2.8. Mức độ hài lòng của giảng viên về chiến lược, phương pháp dạy học

Chiến lược và phương pháp dạy học được giảng viên đánh giá có mức hài lòng trung bình là 4.03/5. Trong đó, tiêu chí về các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để người học đạt được chuẩn đầu ra được giảng viên đánh giá cao nhất với mức 4.07/5. Tiêu chí các hoạt động học tập nhằm phát triển khả năng học tập suốt đời cho người học được giảng viên đánh giá ở mức thấp hơn 3.99/5. Trên 83% giảng viên hài lòng về chiến lược và phương pháp dạy học.



## 2.9. Mức độ hài lòng của giảng viên về hoạt động kiểm tra đánh giá

Mức độ hài lòng với hoạt động kiểm tra đánh giá được giảng viên đánh giá trung bình ở mức 3.94/5 với trên 79% hài lòng. Trong đó, tiêu chí về phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong chương trình đào tạo đa dạng và đánh giá kết quả học tập đảm bảo độ tin cậy được giảng viên đánh giá ở mức 3.97/5. Tiêu chí về phương pháp và công cụ đánh giá được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được chuẩn đầu ra được giảng viên đánh giá thấp hơn ở mức 3.88/5, 76% giảng viên hài lòng với tiêu chí này. Điều này cho thấy các phương pháp và công cụ để đánh giá kết quả người học của Học viện được thiết kế có thể còn chưa phù hợp, tương thích với mục tiêu đạt được chuẩn đầu ra của người học, đòi hỏi nhà trường phải nghiên cứu để điều chỉnh cho phù hợp trong thời gian tới.



## 2.10. Mức độ hài lòng của người lao động về các vấn đề liên quan đến đội ngũ cán bộ của Học viện

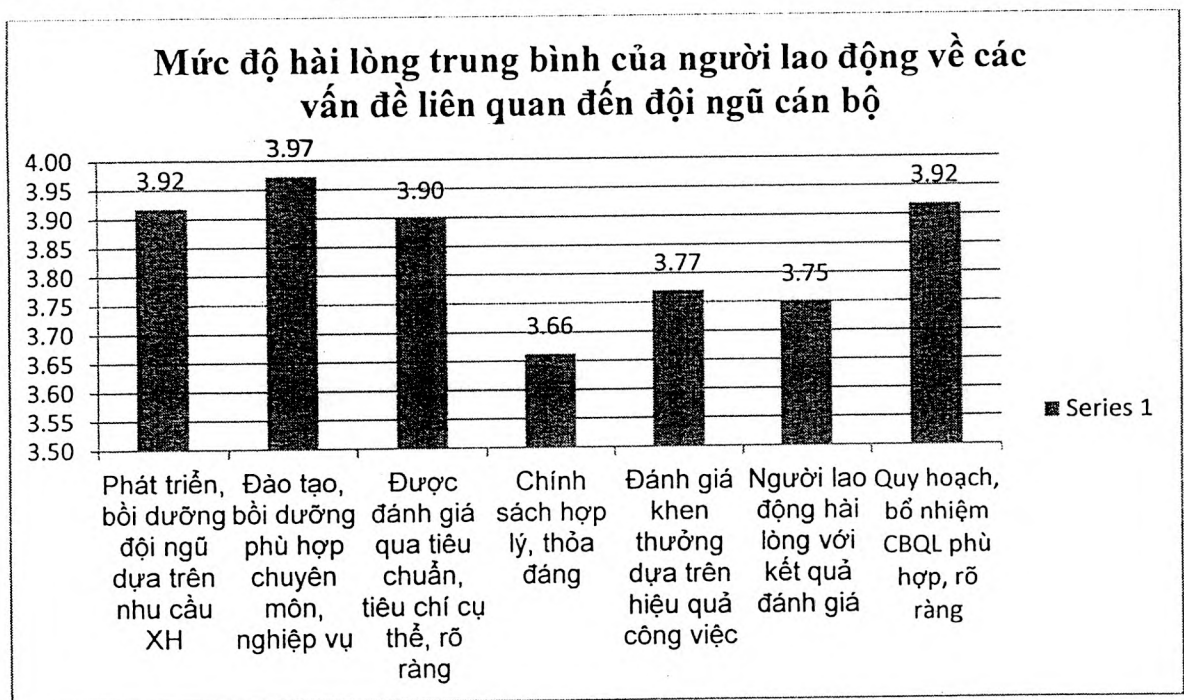
Các vấn đề liên quan đến đội ngũ cán bộ của Học viện được người lao động đánh giá ở mức 3.84/5 với trên 71% người lao động hài lòng.

Trong các tiêu chí liên quan đến vấn đề đội ngũ cán bộ, tiêu chí về việc Học viện tạo điều kiện cho giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và

nghiệp vụ được giảng viên đánh giá cao nhất ở mức 3.97/5 với tỷ lệ hài lòng trên 78%.

Tiêu chí về các chính sách đối với đội ngũ cán bộ hợp lý và thỏa đáng được giảng viên đánh giá ở mức thấp nhất 3.66/5, với tỷ lệ hài lòng chỉ ở mức 60.8%. Đây là vấn đề đòi hỏi lãnh đạo nhà trường, ban tổ chức cán bộ cần rà soát và xem xét lại các chính sách với người lao động.

Các tiêu chí về việc phát triển đội ngũ cán bộ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, việc đánh giá người lao động thông qua các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể rõ ràng về năng lực, việc khen thưởng người lao động thông qua hiệu quả công việc, việc quy hoạch và bổ nhiệm CBQL phù hợp và rõ ràng nhìn chung đều được giảng viên đánh giá ở mức 3.7 - 3.9/5 với mức hài lòng trung bình 70%.



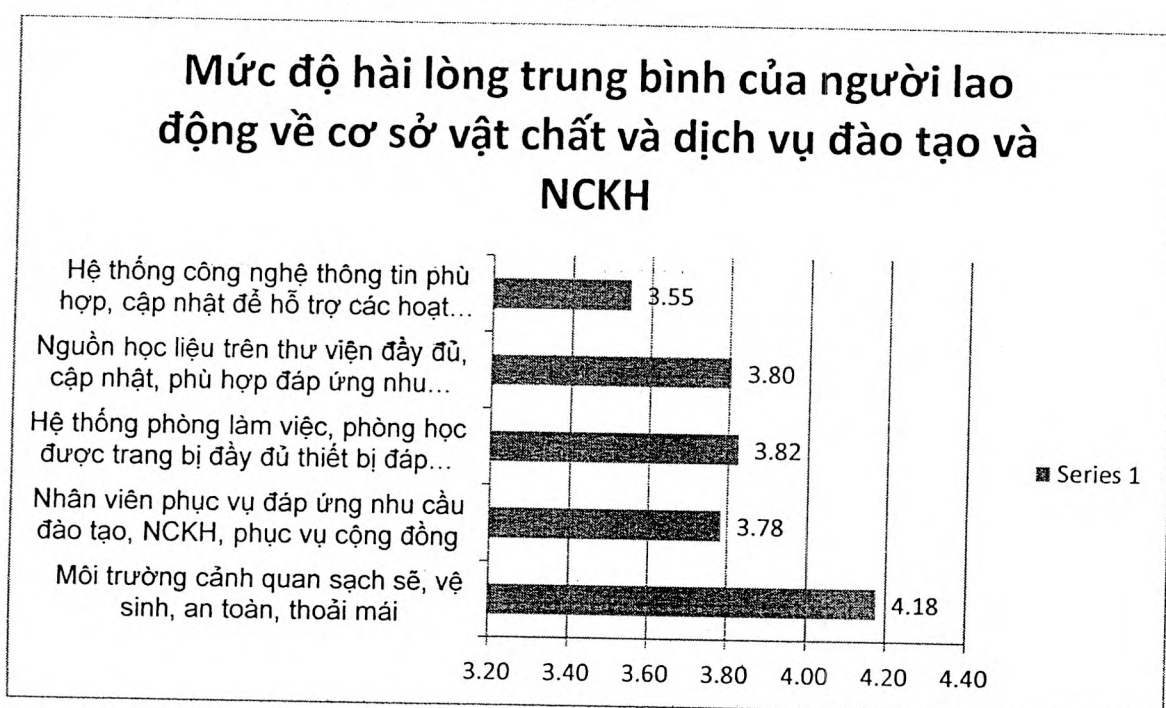
### **2.11. Mức độ hài lòng của người lao động về cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH**

Mức độ hài lòng với cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo được giảng viên đánh giá thấp hơn các nội dung khác ở mức 3.83/5 với tỷ lệ hài lòng là 73.3%.

Trong đó, tiêu chí về cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái và đảm bảo sức khỏe được người lao động đánh giá ở mức cao nhất trong nội dung này là 4.18/5 với tỷ lệ hài lòng trên 86%.

Các nhóm tiêu chí về hệ thống giảng đường, khoa/phòng, thư viện... được giảng viên đánh giá trung bình ở mức 3.8-3.9/5 với tỷ lệ hài lòng trung bình ở mức 80%.

Tuy nhiên ở nội dung này, có một số tiêu chí như việc trang bị đầy đủ thiết bị phù hợp để hỗ trợ học tập, nguồn học liệu đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu; hay tiêu chí về phòng thực hành, hệ thống công nghệ thông tin, tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng các thiết bị trong hệ thống CNTT giảng viên đều đánh giá ở mức thấp 3.4 - 3.7/5 với tỷ lệ hài lòng ở mức 50 - 70%.



### 2.12. Thống kê số lần tham gia các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, tham dự các hội nghị, hội thảo của người lao động năm 2020

\* Tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ:

80% người lao động được nhà trường tạo điều kiện để tham gia từ 1 đến 3 lần; còn lại là 3 - 5 lần chiếm 7% và hơn 5 lần chiếm 4%.

\* Tham gia các tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội nghị, hội thảo:

64% người lao động được nhà trường tạo điều kiện để tham gia từ 1 - 3 lần, từ 3 - 5 lần chiếm 28% và trên 5 lần chiếm 7%.

### 2.13. Một số kiến nghị của người lao động Học viện Báo chí và Tuyên truyền

*\* Góp ý để nâng cao hiệu quả hoạt động của lãnh đạo quản lý*

- Cán bộ quản lý Cần quan tâm hơn đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động
- Bám sát chế độ chính sách, công tâm khách quan
- Cần công tư phân minh đối với tất cả mọi người, kỷ luật chặt chẽ. Tập trung dân chủ, Tự phê bình, phê bình. Phê bình đúng lúc, khen thưởng, động viên kịp thời.
- Cần nhìn bao quát hơn, nắm thông tin nhiều chiều, tiếp xúc trực tiếp, bỏ qua lợi ích cá nhân và luôn vì lợi ích của tập thể.
- Khen thưởng kỷ luật cần rõ ràng tránh nâng đỡ thái quá, chủ quan.
- Số hóa thì giảm bớt văn bản hành chính
- Hàng năm phải cho cán bộ quản lý tham gia các lớp tập huấn để nâng cao kỹ năng quản lý.
- Cần nhìn thẳng vào những hạn chế, tồn tại, khách quan đánh giá không né tránh.
- Giảng viên nên đc chi trả thêm ngoài giờ hành chính, giảm định mức nghiên cứu khoa học. Giảng viên nhiều khi rất bị động trong các kế hoạch của nhà trường về lịch học lại, lịch học vét, lịch học cải thiện điểm. Nên chăng nhà trường nên có lịch từ đầu năm để tiện cho lãnh đạo khoa có cái nhìn tổng thể để bố trí phân công giảng viên cho hợp lý và khoa học.
- Đảm bảo công bằng trong phân công. Không giao việc trong vội vàng. Không giao việc khi bản thân chưa nắm đầy đủ thông tin về công việc. Đảm bảo quyền lợi chính đáng cho giảng viên.
- Cần có cái nhìn bao quát về việc phân chia công việc để không thiên lệch trong giao việc, đồng thời có thưởng phạt rõ ràng. Khi có dự án ngoài, phải tách bạch các phần công việc để ai làm nhiều đợc hưởng nhiều, ai không làm hoặc làm ít thì ko hưởng hoặc hưởng ít, ko thể có chuyện cào bằng, sẽ không khuyến khích động viên đợc người làm việc nhiều, mà lại gây ức chế.
- Mong muốn Học viện có đãi ngộ và khen thưởng hợp lý đối với giảng viên giảng dạy chương trình quốc tế (Ví dụ trao Giấy khen cho giảng viên có

đóng góp tích cực vào hoạt động giảng dạy chtr quốc tế, vì việc này có liên quan đến xét kết quả thi đua cuối năm của giảng viên, đảng viên).

- Lịch tổ chức họp hành cần căn cứ vào lịch giảng dạy để giảng viên và lãnh đạo Khoa có sinh viên không phải nghỉ giờ giảng để đi họp. Có thể bớt các cuộc họp. Chọn các hình thức khác để thông tin, triển khai công việc phù hợp trong thời đại 4.0.

- Đề nghị cán bộ quản lý các cấp cần quan tâm hơn nữa đến đời sống của nhân viên mình để tạo điều kiện cho nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Cũng cần phải thực thi để thấu hiểu công việc của nhân viên phải làm, cần đồng hành cùng nhân viên để đôn đốc, giúp đỡ họ lúc khó khăn.

- Sử dụng tối đa phần mềm quản lý và phối hợp tất cả các đầu việc của các phòng ban thông qua phần mềm, tránh khai đi khai lại.

- Sát sao và khách quan trong phân công, đánh giá hiệu quả công việc và khách quan trong công tác đánh giá cán bộ.

- Có chính kiến trước các dư luận không đúng về cán bộ, giảng viên.

- Cán bộ quản lý cần sâu sát hơn trong phân công, kiểm tra, giám sát các hoạt động đã triển khai. Cần gương mẫu, đi đầu trong việc thực hiện, hoàn thành các nhiệm vụ.

- Mọi công việc cần có kế hoạch. Nên có kế hoạch càng lâu dài (theo năm học hoặc năm tài chính), theo học kỳ và theo tháng. Việc có kế hoạch vô cùng quan trọng trong sự chủ động công việc từ mỗi giảng viên, mỗi khoa/phòng/ban.

- CBQL cần được phân định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý ở 1 số đơn vị như Ban QLĐT, Phòng CTCT, Ban Thanh tra, TT Khảo thí và KĐCLĐT.

- Cán bộ quản lý cần có kiên thức nền tốt; cần có tầm nhìn phát triển; cần vô tư và vì công việc và lo cho người lao động.

**\* *Góp ý để nâng cao mối quan hệ với đồng nghiệp***

- Tôn trọng nhau hơn

- Tổ chức thêm các phong trào cho cán bộ giao lưu với nhau

- Đoàn kết, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau

- Bản thân phải tích cực, hăng say làm việc; luôn khiêm tốn, có thái độ cầu thị hàm học hỏi, quan tâm, giúp đỡ đồng nghiệp
- Cần quan tâm, để ý, tâm sự và chia sẻ công việc
- Mỗi người tự nhận thức được vai trò của mình là ai, và cần quan hệ với đồng nghiệp một cách chân thành.
- Mỗi cán bộ hoàn thành tốt nhất công việc của mình với tinh thần trách nhiệm cao nhất đồng thời phối hợp với các cán bộ của đơn vị mình cũng như các đơn vị khác hoàn thành công việc chung với sự tôn trọng lẫn nhau, đối xử với nhau chân thành, vui vẻ.
- Tổ chức các cuộc hội thảo hoặc tọa đàm nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các đơn vị.
- Cần nâng cao hơn nữa tính chuyên nghiệp, trong hoạt động chuyên môn
- Tổ chức thêm các workshop cho giảng viên ví dụ như chương trình "Giáo viên truyền cảm hứng" đã rất thành công bên trường ĐHQG vừa rồi. Đây là cơ hội để giảng viên giữa các khoa gặp gỡ nhau và truyền cảm hứng, trao đổi và chia sẻ, cập nhật phương pháp giảng dạy mới
- Các đồng nghiệp không tùy ý nhận xét về năng lực chuyên môn và cách làm việc riêng của nhau.
- Khách quan, công bằng, quan tâm
- Tăng cường giáo dục đạo đức nghề nghiệp
- Không nói xấu, buôn chuyện, bè phái
- Tất cả mọi cán bộ, GV được đánh giá công bằng, khách quan. Có nhiều hoạt động tập thể để gắn kết nhau hơn như đi nghỉ mát, thực tế...
- Phân chia công việc, số môn giảng dạy và quyền lợi công bằng
- Xây dựng văn hóa tôn trọng sự khác biệt, cởi mở và thân thiện trong Học viện
- Sự tôn trọng vị trí công việc của nhau, luôn ứng xử trên tinh thần yêu thương và nhân văn.

*\* Đề xuất của người lao động để nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện*

- Đẩy mạnh việc có ý thức tự học cho học viên, sinh viên. Bên cạnh đó, nâng cao chất lượng dạy học. Thường xuyên dạy học áp dụng liên hệ thực tế. Tăng cường thực tế tại các cơ quan liên quan.
- Cần bổ sung chứng chỉ văn thư, lưu trữ trong tuyển dụng cán bộ như là điều kiện bắt buộc vì khi làm văn bản hầu hết cán bộ, giảng viên...trong Học viện đều làm sai về mặt thể thức văn bản, ảnh hưởng đến uy tín và chất lượng đào tạo của Học viện
- Chú trọng xây dựng đội ngũ trẻ. Tăng cường cho giảng viên trẻ đi học tập ở nước ngoài. Nên giữ lại những sinh viên có khả năng nghiên cứu và tiếp tục phát triển và thi tuyển vào vị trí giảng viên ở các bộ môn. Chế độ lương cho giảng viên đại học nên được thay đổi để khuyến khích và tạo điều kiện làm việc cho đội ngũ này.
- Hoàn thiện cơ chế chính sách, quy chế, rà soát thường xuyên cập nhật sửa đổi nội dung các khâu trong quy trình đào tạo
- Đội ngũ giảng viên: Nghiêm túc trong công tác xây dựng giáo án; đôn đốc, nhắc nhở sinh viên, học viên và bản thân chấp hành tốt quy chế học tập (đi học đầy đủ, đúng giờ, không sử dụng điện thoại trong giờ nếu môn học hôm đó không cần thiết,..), thi cử (ôn tập nghiêm túc, thực hiện đúng quy chế thi, ..), văn hóa học đường (không ăn quà vặt trong lớp, trang phục lên lớp nghiêm túc, phát ngôn đúng mực, giữ gìn vệ sinh chung, ..).  
Đội ngũ nhân viên: Đi làm đúng giờ, trách nhiệm trong công việc; vui vẻ, nhiệt tình với công việc. Tích cực học tập, nghiên cứu khoa học,..
- Cần có cơ chế khuyến khích giảng viên trẻ (có ngoại ngữ) tiếp cận nguồn tài liệu chính thống bằng tiếng nước ngoài, qua đó giúp sinh viên có những góc nhìn đa dạng hơn về môn học. Cần hình thành nhóm giảng viên trẻ (gần chuyên ngành) cùng nhau tìm kiếm và xây dựng hệ thống tài liệu cập nhật, chia sẻ những phương pháp giảng dạy hiện đại. Hiện tại giảng viên trẻ còn bị hạn chế bởi những công việc hành chính quá nhiều.
- Tập trung có trọng điểm. Tìm kiếm cơ hội việc làm cho sinh viên tốt nghiệp ra trường
- Đổi mới nội dung chương trình, thay đổi phương thức đánh giá sinh viên



Áp dụng (đồng bộ) công nghệ thông tin vào các quá trình đào tạo. Tích hợp các phần mềm quản lý

- Nâng cao chất lượng tuyển sinh đầu vào
- Đề nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện cần có đầu vào sinh viên tốt, cùng với việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, thì việc nâng cao chất lượng cuộc sống của giảng viên cũng phải đặt lên hàng đầu. Đi cùng với đó là thắt chặt kỷ cương trường lớp và làm phong phú tài liệu nghiên cứu học tập để sinh viên tự học, thảo luận.
- Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ và quản lý tốt khâu thi cử của sinh viên.
- Đề nghị thay các bàn giáo viên ở khu vực giảng đường, vì đa số quá cũ và một số mục nát.
- Các hoạt động dạy học hiện nay gắn kết với rất nhiều các trang thiết bị hiện đại nên đòi hỏi tốc độ internet phải nhanh. Hiện nay internet các toà nhà bên A2 và B11 khá nhanh nhưng các toà khác như B1 hay B8 tốc độ vẫn chậm.
- Nhà trường nên đầu tư thêm vào việc bố trí lại thư viện như một số trường đại học khác. Không gian thoáng, rộng thu hút rất nhiều giảng viên và sinh viên lên đọc sách, nghiên cứu. Thường các trường khác đều thuê bên thứ ba vào bố trí lại thư viện.
- Quan tâm hơn nữa đến đội ngũ giảng viên, hạn chế bớt các công tác hành chính, giấy tờ.
- Cần nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ ban quản lý đào tạo và cần có cơ chế để phối hợp giữa các phòng, ban, khoa cho sao cho việc quản lý đào tạo được khoa học và đỡ tốn công sức nhất.
- Cần có yêu cầu đầu vào tiếng Anh với các lớp CLC (VD IELTS 5.0 hoặc tương đương)
- Cần đưa yêu cầu đầu vào cao đối với lớp CLC (thực tế hiện nay lớp CLC nhưng chất lượng lại thấp, sv học lực yếu hơn lớp thường, trình độ TA ko đủ để học môn chuyên ngành bằng TA)

- Phòng học cho lớp CLC cần có máy tính để bàn cho giảng viên, trang bị thêm quạt
- Phòng học giảng đường quốc tế MDX cần trang bị máy tính để bàn cho giảng viên
- Cần bố trí các môn học hợp lý, như 1 môn nên dàn đều là ra cả hai kỳ. Do tiềm lực, số lượng GV ít, số lớp lại đông. Nếu một kỳ có tận 6-7 lớp học cùng lúc một môn học thì số lượng GV ko thể đáp ứng, ko thể phân thân lên dạy cũng ko thể mời GV ngoài cho đủ
- Cần có chế độ đãi ngộ xứng đáng cho GV: lương và phụ cấp thấp, giờ thực hành thì chỉ được tính 60%. Nếu GV chỉ sống bằng tiền lương hàng tháng thì mức sống thấp. (Đầu tư vào GV là hướng đầu tư cốt lõi và bền vững, GV ko đủ mức sống, rất dễ xảy ra tình trạng chảy máu chất xám).
- Cần có chế độ lương, chính sách để cải thiện, tăng thu nhập cho GV để có thể yên tâm phấn đấu, giảng dạy.
- Nâng cao chất lượng phòng học (ánh sáng, loa mic, máy chiếu chưa đảm bảo), đặc biệt phòng thực hành, có đội ngũ kỹ thuật hỗ trợ full time tại phòng thực hành. Nâng cấp thiết bị tại phòng thực hành, trường quay.
- Mong Học viện tăng cường giao lưu mở rộng hợp tác lên tầm quốc tế.
- Đầu tư cho giảng viên nghiên cứu khoa học và hỗ trợ họ xuất bản giáo trình để có đủ giáo trình cho các môn học cơ bản.
- Mở rộng các môn tự chọn để đa dạng hướng phát triển kỹ năng cho sinh viên và cho các giảng viên trẻ chưa được tiếp cận nhiều với các môn học để có cơ hội cọ sát và nâng cao chuyên môn.
- Giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa nhiệm vụ chính trị và nhu cầu xã hội: thu hẹp chỉ tiêu với các ngành ít người học tăng chỉ tiêu các chuyên ngành xã hội cần, cải tiến nội dung chương trình phù hợp với chuẩn đầu ra mới.
- Lãnh đạo cần quan tâm hơn đến đầu tư cho nghiên cứu khoa học phục vụ giảng dạy và học tập ; quan tâm cải thiện điều kiện sinh hoạt và học hỏi cho sinh viên ở ký túc xá ( cung cấp điện, nước, internet, đảm bảo an ninh, trật tự).

- Thiếu chiến lược tuyển chọn, đào tạo, phát triển giảng viên cán bộ NCGD; thiếu môi trường học thuật; thiếu đội ngũ cán bộ quản lý có tâm, trung thực, bản lĩnh; nhưng lại thừa đội ngũ xu nịnh.

- Học viện cần thực hiện nghiêm quy chế học tập và giảng dạy để nâng cao chất lượng; đồng thời cải tiến cách tính chế độ cho giảng viên để khuyến khích người lao động làm việc tích cực.

**\* Đề xuất của người lao động để nâng cao văn hóa chất lượng của Học viện**

- Có kế hoạch tuyên truyền, định hướng về mọi mặt cho học viên trên nhiều lĩnh vực

- Nhà để xe của cán bộ cần hiện đại hóa và khang trang hơn.

- Đề nghị xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm quy định tại các phòng học giảng đường để đảm bảo vệ sinh, an ninh, bảo vệ tài sản chung của học viện.

- Mỗi giảng viên, nhân viên là một tấm gương trong học tập, lao động và sinh hoạt; bỏ qua các lợi ích cá nhân và luôn vì lợi ích của Học viện - Sứ mệnh của Học viện.

- Số hóa các thủ tục hành chính, tinh giảm biên chế lao động gián tiếp, đầu tư chất nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên.

- Triển khai nhiều phong trào thi đua, hội thảo, tọa đàm, các lớp tập huấn để nâng cao chất lượng Học viện.

- Sử dụng đồng phục và đeo thẻ của HVBCTT khi làm việc tại nhà trường.

- Duy trì và phát huy bản sắc văn hóa trường Đảng, đây chính là yếu tố quan trọng tạo nên thương hiệu nhà trường.

- Thái độ giao tiếp của một số bộ phận cán bộ khối phòng, ban chức năng cần được chấn chỉnh cho phù hợp với môi trường sư phạm.

- Có căng tin để phục vụ ăn trưa cho cán bộ, giảng viên nhà xa không tiện đi lại. Ngoài ra, các câu lạc bộ thể thao (hiện nay đã có yoga) nên được mở rộng giúp thầy cô và nhân viên có nhiều sự kết nối và giảm tải căng thẳng sau giờ làm việc.

- Thiết kế không gian giảng đường năng động.

- Mong Học viện xây dựng bộ giá trị thương hiệu, thực hiện các hoạt động xây dựng văn hóa nội bộ một cách bài bản, tích cực.
- Nên có Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội về những gì được phát ngôn và đăng tải trên mạng xã hội phù hợp với vị trí việc làm trong môi trường giáo dục. Xây dựng phương châm là các chuẩn giá trị văn hóa nội bộ của Học viện dựa trên những gì đang có và cả những gì hướng đến với tiêu chí cụ thể đánh giá rõ ràng.
- Học viện nên xây dựng quy định về văn hoá công sở và văn hoá học đường.
- Tuyên truyền nhiều hơn nữa và có chính sách để tất cả CBGV nhận thức được tầm quan trọng của văn hoá chất lượng.
- Hạn chế thấp nhất các hoạt động mang tính hình thức, đối phó, kêu gọi, hô khẩu hiệu... chỉ tiến hành những công việc tạo ra sự chuyển biến thực sự về nội dung, phương pháp, đội ngũ, cơ sở vật chất để nâng cao chất lượng đào tạo.
- Sinh viên cần xác định rõ giá trị cốt lõi của Học viện để từ đó có hướng phấn đấu đạo đức, phẩm chất theo định hướng từ giá trị cốt lõi mà Học viện xây dựng. Hiện nay, sinh viên Học viện đang hiểu chung chung theo cách "phong cách của HVBC là năng động". Điều này chưa đủ và quá chung chung vì sv thời nay ở đâu cũng năng động. HVBC cần tìm được cái riêng làm nên Phong cách, Thương hiệu riêng của HVBC, lấy đó làm chuẩn văn hóa để mỗi sv và gv phấn đấu.

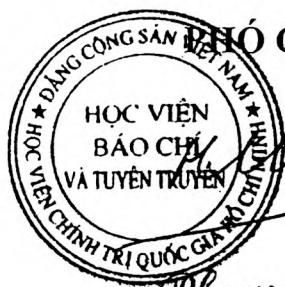
### **III. Kết luận**

Kết quả khảo sát giảng viên và nhân viên về chất lượng đào tạo của Học viện cho thấy mức độ hài lòng trung bình của người lao động về công việc hiện tại ở mức 4.04/5 với tỷ lệ hài lòng trên 85%. Trong số các tiêu chí đánh giá về vị trí việc làm, lãnh đạo đơn vị, quan hệ đồng nghiệp, mô tả chương trình đào tạo, cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo, chiến lược và phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá được giảng viên và nhân viên Học viện đánh giá ở mức hài lòng trung bình cao hơn, quanh mức 4.0 - 4.1/5. Các tiêu chí về chính sách lương bổng và phúc lợi, đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất được đánh giá thấp hơn ở mức 3.8 - 3.9/5.

Tiêu chí hài lòng về công việc hiện tại được người lao động Học viện đánh giá ở mức 4.04/5 với tỷ lệ hài lòng trên 85%. Trên 90% người lao động tự hào khi được công tác tại đơn vị và tại Học viện, với mức đánh giá 4.41/5. Trên 90% người lao động tự hào khi được công tác tại đơn vị và tại Học viện, với mức đánh giá 4.41/5.

KT. GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM



PHÓ GIÁM ĐỐC

KT&KĐCLĐT

*Phạm Minh Sơn*

*Nguyễn Thị Ngọc Hoa*



Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**  
**Số lượng giảng viên, nhân viên phản hồi: 272**

<b>Độ tuổi</b>	>35	35-45	<45
	22%	52%	26%

<b>Học vị</b>	CN	ThS	TS
	8%	54%	38%

**PHỤ LỤC 1**

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Lương bổng và phúc lợi</b>							
1	Viên chức và người lao động được trả lương và thưởng xứng đáng cho trách nhiệm và chất lượng công việc	2.70	14.86	35.14	39.19	8.11	47.30	3.35
2	Viên chức và người lao động hài lòng về các chính sách, chế độ cho viên chức, người lao động	1.35	10.81	36.49	39.19	12.16	51.35	3.50
3	Các hệ số phụ cấp giờ giảng, phụ cấp quản lý đào tạo... hợp lý?	2.03	18.24	38.51	27.03	14.19	41.22	3.33
4	Các khoản phụ cấp (giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ chi phí học tập/bồi dưỡng, công tác phí, chi tiêu hội nghị/hội thảo, nghỉ phép năm, v.v...) được giải quyết đầy đủ theo quy định.	0.68	9.46	21.62	48.65	19.59	68.24	3.77
5	Chính sách phúc lợi của Học viện rõ ràng. Việc hiếu hỉ, thăm hỏi, chúc mừng đầy đủ, kịp thời.	1.35	2.03	10.81	58.11	27.70	85.81	4.09
6	Được tham gia và thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BH thất nghiệp.	1.35	1.35	4.05	37.16	56.08	93.24	4.45
7	Công đoàn Học viện có chế độ hỗ trợ cho các công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn.	1.35	0.68	12.16	44.59	41.22	85.81	4.24
8	Chính sách lương và phúc lợi của Học viện khuyến khích tinh thần làm việc của các chuyên viên/giảng viên; Đảm bảo hoàn toàn cho cuộc sống.	2.03	10.81	44.59	27.70	14.86	42.57	3.43
<b>II</b>	<b>Đặc điểm công việc</b>							
9	Thầy/Cô hiểu rõ về công việc mình làm	2.03	1.35	1.35	35.81	59.46	95.27	4.49
10	Công việc phù hợp với năng lực của Thầy/Cô	1.35	2.03	4.73	44.59	47.30	91.89	4.34
11	Công việc được phân chia hợp lý	0.00	4.05	18.24	56.76	20.95	77.70	3.95
12	Áp lực công việc là vừa phải	1.35	11.49	29.73	41.89	15.54	57.43	3.59
13	Thầy/Cô yêu thích công việc của mình	2.03	2.03	6.76	37.16	52.03	89.19	4.35
<b>III</b>	<b>Lãnh đạo đơn vị trực tiếp</b>							
14	Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả công việc khách quan, công bằng.	1.35	3.38	12.16	47.30	35.81	83.11	4.13
15	Lãnh đạo đơn vị nắm vững các chính sách về chế độ, quy định của Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức	1.35	3.38	9.46	47.97	37.84	85.81	4.18
16	Lãnh đạo Học viện ghi nhận và khen thưởng kịp thời nỗ lực của người lao động.	0.68	5.41	16.89	50.00	27.03	77.03	3.97
17	Lãnh đạo đơn vị lãnh đạo và quản lý linh hoạt.	0.68	3.38	12.84	49.32	33.78	83.11	4.12
18	Lãnh đạo đơn vị giao việc hợp lý, đưa ra những tiêu chuẩn về thời hạn và chất lượng cụ thể. Tôi được trang bị phương tiện đầy đủ để làm việc.	0.00	4.73	18.92	50.68	25.68	76.35	3.97
19	Lãnh đạo đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin và nguồn lực giúp tôi hoàn thành công việc.	0.68	2.03	14.86	47.97	34.46	82.43	4.14
20	Lãnh đạo đơn vị giám sát tiến độ thực hiện công việc và phản hồi kịp thời, hiệu quả nhu cầu của cấp dưới.	0.68	2.70	12.16	50.68	33.78	84.46	4.14
21	Lãnh đạo đơn vị lắng nghe và thấu hiểu cấp dưới.	0.68	6.08	14.19	40.54	38.51	79.05	4.10
<b>IV</b>	<b>Quan hệ đồng nghiệp</b>							
22	Đồng nghiệp có thái độ thân thiện và tác phong làm việc chuyên nghiệp.	0.68	1.35	8.11	57.43	32.43	89.86	4.20
23	Đồng nghiệp luôn chia sẻ và giúp đỡ tôi khi khó khăn.	0.68	2.70	7.43	53.38	35.81	89.19	4.21
24	Đồng nghiệp các đơn vị khác luôn sẵn sàng hỗ trợ và phối hợp với tôi để hoàn thành công việc.	1.35	1.35	14.19	56.76	26.35	83.11	4.05
25	Tôi học hỏi được nhiều kiến thức và kỹ năng từ đồng nghiệp.	0.68	2.03	10.81	52.70	33.78	86.49	4.17
<b>V</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
28	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	1.37	1.37	14.38	57.53	25.34	82.88	4.04
29	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với yêu cầu của xã hội	0.00	1.37	25.34	55.48	17.81	73.29	3.90

30	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.68	2.74	19.86	57.53	19.18	76.71	3.92
31	Phù hợp với điều kiện thực tế của Khoa đào tạo và Học viện	0.68	4.11	15.07	58.90	21.23	80.14	3.96
<b>VI</b>	<b>Bản mô tả CTĐT</b>							
32	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	1.37	2.05	10.96	63.01	22.60	85.62	4.03
33	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	1.37	2.74	14.38	45.89	35.62	81.51	4.12
34	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.69	2.07	15.17	54.48	27.59	82.07	4.06
35	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.00	2.74	23.29	49.32	24.66	73.97	3.96
<b>VII</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
36	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.68	1.37	16.44	61.64	19.86	81.51	3.99
37	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.69	2.07	20.69	55.86	20.69	76.55	3.94
38	CTĐT có gắn kết vấn đề học lý thuyết với việc thực hành, thực tập và tốt nghiệp	0.00	2.07	13.79	60.69	23.45	84.14	4.06
39	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.00	1.38	16.55	62.76	19.31	82.07	4.00
40	Giảng viên được tham gia vào quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.68	2.05	10.96	51.37	34.93	86.30	4.18
41	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	1.37	1.37	13.70	58.90	24.66	83.56	4.04
42	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	1.38	2.07	17.24	62.07	17.24	79.31	3.92
43	CTĐT có tính linh hoạt và thuận lợi	1.37	2.05	15.75	59.59	21.23	80.82	3.97
<b>VIII</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
44	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	1.38	0.69	12.41	63.45	22.07	85.52	4.04
45	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	0.68	2.05	13.70	63.01	20.55	83.56	4.01
46	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.00	2.74	11.64	61.64	23.97	85.62	4.07
47	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.00	2.78	18.06	56.25	22.92	79.17	3.99
<b>IX</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
48	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.69	3.45	19.31	60.00	16.55	76.55	3.88
49	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.69	2.07	16.55	61.38	19.31	80.69	3.97
50	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.68	2.05	17.12	59.59	20.55	80.14	3.97
<b>X</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
51	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.00	3.38	20.27	57.43	18.92	76.35	3.92
52	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.00	3.38	18.24	56.08	22.30	78.38	3.97
53	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.00	4.05	21.62	54.73	19.59	74.32	3.90
54	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thỏa đáng	0.00	7.43	31.76	47.97	12.84	60.81	3.66
55	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.68	4.73	28.38	49.32	16.89	66.22	3.77
56	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	1.35	5.41	26.35	50.68	16.22	66.89	3.75
57	Quy trình quy hoạch và bổ nhiệm CBQL phù hợp và rõ ràng	2.03	4.05	17.57	52.70	23.65	76.35	3.92
<b>XI</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
60	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.00	5.41	27.70	50.00	16.89	66.89	3.78
61	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.00	3.38	12.16	64.86	19.59	84.46	4.01
62	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.68	2.03	17.57	60.14	19.59	79.73	3.96
63	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.68	0.68	10.14	57.43	31.08	88.51	4.18
64	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.68	5.41	20.27	58.11	15.54	73.65	3.82
65	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	1.35	6.08	26.35	54.05	12.16	66.22	3.70
66	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.00	2.70	25.68	60.14	11.49	71.62	3.80
67	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.00	2.03	16.89	64.19	16.89	81.08	3.96



68	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.68	5.41	25.68	55.41	12.84	68.24	3.74
69	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.68	8.78	20.27	59.46	10.81	70.27	3.71
70	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	2.03	11.49	24.32	54.05	8.11	62.16	3.55
71	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	2.03	13.51	30.41	47.97	6.08	54.05	3.43
72	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.00	2.03	11.49	53.38	33.11	86.49	4.18
<b>XII</b>	<b>Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của Học viện</b>							
73	Thầy/Cô hài lòng công việc hiện tại của mình	0.68	3.38	10.81	61.49	23.65	85.14	4.04
74	Tự hào khi làm việc tại đơn vị, tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	0.68	2.03	6.76	36.49	54.05	90.54	4.41

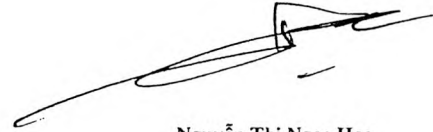
58. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)

Không lần nào	9%
Từ 1 - 3 lần	80%
Từ 3 - 5 lần	7%
Hơn 5 lần	4%

59. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham dự tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước

Không lần nào	7%
Từ 1 - 3 lần	64%
Từ 3 - 5 lần	28%
Hơn 5 lần	7%

TRUNG TÂM KT&KĐCLĐT  
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ngọc Hoa



Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**  
Số lượng gv phân hồi: 181

<b>Độ tuổi</b>	>35	35-45	<45
	30%	40%	30%

<b>Học vị</b>	CN	ThS	TS
	1%	46%	53%

**PHỤ LỤC 2**

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Lương bổng và phúc lợi</b>							
1	Viên chức và người lao động được trả lương và thưởng xứng đáng cho trách nhiệm và chất lượng công việc	2.70	15.54	35.14	39.86	6.76	46.62	3.32
2	Viên chức và người lao động hài lòng về các chính sách, chế độ cho viên chức, người lao động	1.35	10.14	34.46	45.27	8.78	54.05	3.50
3	Các hệ số phụ cấp giờ giảng, phụ cấp quản lý đào tạo... hợp lý?	2.70	15.54	38.51	33.78	9.46	43.24	3.32
4	Các khoản phụ cấp (giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ chi phí học tập/bồi dưỡng, công tác phí, chi tiêu hội nghị/hội thảo, nghỉ phép năm, v.v...) được giải quyết đầy đủ theo quy định.	0.00	9.46	23.65	53.38	13.51	66.89	3.71
5	Chính sách phúc lợi của Học viện rõ ràng. Việc hiểu hi, thăm hỏi, chúc mừng đầy đủ, kịp thời.	0.68	2.03	11.49	60.81	25.00	85.81	4.07
6	Được tham gia và thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BH thất nghiệp.	1.35	2.03	1.35	39.86	55.41	95.27	4.46
7	Công đoàn Học viện có chế độ hỗ trợ cho các công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn.	1.35	1.35	10.81	41.89	44.59	86.49	4.27
8	Chính sách lương và phúc lợi của Học viện khuyến khích tinh thần làm việc của các chuyên viên/giảng viên; Đảm bảo hoàn toàn cho cuộc sống.	1.35	10.14	47.97	29.73	10.81	40.54	3.39
<b>II</b>	<b>Đặc điểm công việc</b>							
9	Thầy/Cô hiểu rõ về công việc mình làm	2.70	2.03	1.35	29.73	64.19	93.92	4.51
10	Công việc phù hợp với năng lực của Thầy/Cô	2.70	2.03	2.70	38.51	54.05	92.57	4.39
11	Công việc được phân chia hợp lý	0.68	4.73	16.89	53.38	24.32	77.70	3.96
12	Áp lực công việc là vừa phải	2.70	8.78	31.08	43.24	14.19	57.43	3.57
13	Thầy/Cô yêu thích công việc của mình	2.70	1.35	3.38	34.46	58.11	92.57	4.44
<b>III</b>	<b>Lãnh đạo đơn vị trực tiếp</b>							
14	Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả công việc khách quan, công bằng.	2.03	2.03	10.14	46.62	39.19	85.81	4.19
15	Lãnh đạo đơn vị nắm vững các chính sách về chế độ, quy định của Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức	0.68	3.38	9.46	49.32	37.16	86.49	4.19
16	Lãnh đạo Học viện ghi nhận và khen thưởng kịp thời nỗ lực của người lao động.	1.35	2.03	15.54	55.41	25.68	81.08	4.02
17	Lãnh đạo đơn vị lãnh đạo và quản lý linh hoạt.	1.35	2.03	12.16	48.65	35.81	84.46	4.16
18	Lãnh đạo đơn vị giao việc hợp lý, đưa ra những tiêu chuẩn về thời hạn và chất lượng cụ thể. Tôi được trang bị phương tiện đầy đủ để làm việc.	0.68	4.73	20.95	47.30	26.35	73.65	3.94
19	Lãnh đạo đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin và nguồn lực giúp tôi hoàn thành công việc.	0.68	2.70	13.51	50.00	33.11	83.11	4.12
20	Lãnh đạo đơn vị giám sát tiến độ thực hiện công việc và phân hồi kịp thời, hiệu quả nhu cầu của cấp dưới.	0.68	2.03	10.81	52.70	33.78	86.49	4.17
21	Lãnh đạo đơn vị lắng nghe và thấu hiểu cấp dưới.	1.35	4.05	14.19	43.92	36.49	80.41	4.10
<b>IV</b>	<b>Quan hệ đồng nghiệp</b>							
22	Đồng nghiệp có thái độ thân thiện và tác phong làm việc chuyên nghiệp.	2.03	0.68	9.46	58.78	29.05	87.84	4.12
23	Đồng nghiệp luôn chia sẻ và giúp đỡ tôi khi khó khăn.	1.35	2.70	8.11	53.38	34.46	87.84	4.17
24	Đồng nghiệp các đơn vị khác luôn sẵn sàng hỗ trợ và phối hợp với tôi để hoàn thành công việc.	2.03	1.35	14.19	58.78	23.65	82.43	4.01
25	Tôi học hỏi được nhiều kiến thức và kĩ năng từ đồng nghiệp.	1.35	1.35	9.46	58.78	29.05	87.84	4.13
<b>V</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							

28	Phản ánh tâm nhin và sử mạng của Học viện	1.37	1.37	14.38	57.53	25.34	82.88	4.04
29	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với yêu cầu của xã hội	0.00	1.37	25.34	55.48	17.81	73.29	3.90
30	Được chuyển tài đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.68	2.74	19.86	57.53	19.18	76.71	3.92
31	Phù hợp với điều kiện thực tế của Khoa đào tạo và Học viện	0.68	4.11	15.07	58.90	21.23	80.14	3.96
<b>VI</b>	<b>Bản mô tả CTĐT</b>							
32	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	1.37	2.05	10.96	63.01	22.60	85.62	4.03
33	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	1.37	2.74	14.38	45.89	35.62	81.51	4.12
34	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.69	2.07	15.17	54.48	27.59	82.07	4.06
35	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.00	2.74	23.29	49.32	24.66	73.97	3.96
<b>VII</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
36	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.68	1.37	16.44	61.64	19.86	81.51	3.99
37	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.69	2.07	20.69	55.86	20.69	76.55	3.94
38	CTĐT có gắn kết vấn đề học lý thuyết với việc thực hành, thực tập và tốt nghiệp	0.00	2.07	13.79	60.69	23.45	84.14	4.06
39	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.00	1.38	16.55	62.76	19.31	82.07	4.00
40	Giảng viên được tham gia vào quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.68	2.05	10.96	51.37	34.93	86.30	4.18
41	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	1.37	1.37	13.70	58.90	24.66	83.56	4.04
42	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	1.38	2.07	17.24	62.07	17.24	79.31	3.92
43	CTĐT có tính linh hoạt và thuận lợi	1.37	2.05	15.75	59.59	21.23	80.82	3.97
<b>VIII</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
44	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	1.38	0.69	12.41	63.45	22.07	85.52	4.04
45	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	0.68	2.05	13.70	63.01	20.55	83.56	4.01
46	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.00	2.74	11.64	61.64	23.97	85.62	4.07
47	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.00	2.78	18.06	56.25	22.92	79.17	3.99
<b>IX</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
48	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.69	3.45	19.31	60.00	16.55	76.55	3.88
49	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.69	2.07	16.55	61.38	19.31	80.69	3.97
50	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.68	2.05	17.12	59.59	20.55	80.14	3.97
<b>X</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
51	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.68	3.38	22.30	53.38	20.27	73.65	3.89
52	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.00	4.05	14.86	56.76	24.32	81.08	4.01
53	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.68	4.05	20.27	55.41	19.59	75.00	3.89
54	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thỏa đáng	0.68	6.76	33.11	45.95	13.51	59.46	3.65
55	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.68	4.73	25.68	52.03	16.89	68.92	3.80
56	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	1.35	4.73	27.03	51.35	15.54	66.89	3.75
57	Quy trình quy hoạch và bổ nhiệm CBQL phù hợp và rõ ràng	1.35	4.05	16.22	54.73	23.65	78.38	3.95
<b>XI</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
60	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.00	5.41	28.38	51.35	14.86	66.22	3.76
61	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.00	2.70	13.51	64.86	18.92	83.78	4.00
62	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.68	1.35	16.22	62.16	19.59	81.76	3.99
63	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.68	1.35	9.46	57.43	31.08	88.51	4.17
64	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.00	4.73	18.24	61.49	15.54	77.03	3.88
65	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	1.35	4.73	28.38	52.70	12.84	65.54	3.71

66	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.00	4.05	27.70	58.78	9.46	68.24	3.74
67	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.00	2.03	19.59	61.49	16.89	78.38	3.93
68	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.68	5.41	26.35	54.73	12.84	67.57	3.74
69	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.68	8.78	21.62	56.76	12.16	68.92	3.71
70	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	3.38	10.81	23.65	52.03	10.14	62.16	3.55
71	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	2.70	12.16	31.76	45.95	7.43	53.38	3.43
72	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khoẻ và an toàn	0.00	2.70	10.14	55.41	31.76	87.16	4.16
<b>XII</b>	<b>Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của Học viện</b>							
73	Tự hào khi làm việc tại đơn vị, tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền.	0.00	4.05	8.78	62.84	24.32	87.16	4.07
74	Thầy/Cô có đề xuất gì để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện?	0.68	2.70	6.08	39.86	50.68	90.54	4.37

58. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)

Không lần nào	5%
Từ 1 - 3 lần	87%
Từ 3 - 5 lần	6%
Hơn 5 lần	2%

59. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham dự tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước

Không lần nào	3%
Từ 1 - 3 lần	64%
Từ 3 - 5 lần	23%
Hơn 5 lần	7%

TRUNG TÂM KT&KĐCLĐT  
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ngọc Hoa



Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT NHÂN VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**  
Số lượng nhân viên phản hồi: 80

Độ tuổi	>35	35-45	<45
	19%	58%	33%
Học vị	CN	ThS	TS
	28%	67%	5%

**PHỤ LỤC 3**

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Lương bổng và phúc lợi</b>							
1	Viên chức và người lao động được trả lương và thưởng xứng đáng cho trách nhiệm và chất lượng công việc	3.75	7.50	22.50	50.00	16.25	66.25	3.68
2	Viên chức và người lao động hài lòng về các chính sách, chế độ cho viên chức, người lao động	2.50	5.00	18.75	51.25	22.50	73.75	3.86
3	Các hệ số phụ cấp giờ giảng, phụ cấp quản lý đào tạo... hợp lý?	2.50	6.25	32.50	37.50	21.25	58.75	3.69
4	Các khoản phụ cấp (giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ chi phí học tập/bồi dưỡng, công tác phí, chi tiêu hội nghị/hội thảo, nghỉ phép năm, v.v...) được giải quyết đầy đủ theo quy định.	2.50	5.00	17.50	47.50	27.50	75.00	3.93
5	Chính sách phúc lợi của Học viện rõ ràng. Việc hiểu hi, thăm hỏi, chúc mừng đầy đủ, kịp thời.	1.25	5.00	12.50	45.00	36.25	81.25	4.10
6	Được tham gia và thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BH thất nghiệp.	1.25	0.00	6.25	30.00	62.50	92.50	4.53
7	Công đoàn Học viện có chế độ hỗ trợ cho các công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn.	1.25	1.25	8.75	38.75	50.00	88.75	4.35
8	Chính sách lương và phúc lợi của Học viện khuyến khích tinh thần làm việc của các chuyên viên/giảng viên; Đảm bảo hoàn toàn cho cuộc sống.	3.75	7.50	25.00	36.25	27.50	63.75	3.76
<b>II</b>	<b>Đặc điểm công việc</b>							
9	Thầy/Cô hiểu rõ về công việc mình làm	1.25	0.00	2.50	33.75	62.50	96.25	4.56
10	Công việc phù hợp với năng lực của Thầy/Cô	1.25	0.00	7.50	38.75	52.50	91.25	4.41
11	Công việc được phân chia hợp lý	2.50	3.75	20.00	45.00	28.75	73.75	3.94
12	Áp lực công việc là vừa phải	0.00	7.50	17.50	47.50	27.50	75.00	3.95
13	Thầy/Cô yêu thích công việc của mình	1.25	1.25	7.50	36.25	53.75	90.00	4.40
<b>III</b>	<b>Lãnh đạo đơn vị trực tiếp</b>							
14	Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả công việc khách quan, công bằng.	6.3	1.3	17.5	40.0	35.0	75.0	4.0
15	Lãnh đạo đơn vị nắm vững các chính sách về chế độ, quy định của Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức	5.0	2.5	7.5	43.8	41.3	85.0	4.1
16	Lãnh đạo Học viện ghi nhận và khen thưởng kịp thời nỗ lực của người lao động.	2.5	3.8	15.0	42.5	36.3	78.8	4.1
17	Lãnh đạo đơn vị lãnh đạo và quản lý linh hoạt.	3.8	2.5	16.3	43.8	33.8	77.5	4.0
18	Lãnh đạo đơn vị giao việc hợp lý, đưa ra những tiêu chuẩn về thời hạn và chất lượng cụ thể. Tôi được trang bị phương tiện đầy đủ để làm việc.	3.8	5.0	8.8	48.8	33.8	82.5	4.0
19	Lãnh đạo đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin và nguồn lực giúp tôi hoàn thành công việc.	3.8	3.8	11.3	46.3	35.0	81.3	4.1
20	Lãnh đạo đơn vị giám sát tiến độ thực hiện công việc và phản hồi kịp thời, hiệu quả nhu cầu của cấp dưới.	3.8	3.8	13.8	45.0	33.8	78.8	4.0
21	Lãnh đạo đơn vị lắng nghe và thấu hiểu cấp dưới.	3.8	3.8	15.0	41.3	36.3	77.5	4.0
<b>IV</b>	<b>Quan hệ đồng nghiệp</b>							
22	Đồng nghiệp có thái độ thân thiện và tác phong làm việc chuyên nghiệp.	0.0	3.8	7.5	53.8	35.0	88.8	4.2
23	Đồng nghiệp luôn chia sẻ và giúp đỡ tôi khi khó khăn.	0.0	3.8	7.5	51.3	37.5	88.8	4.2
24	Đồng nghiệp các đơn vị khác luôn sẵn sàng hỗ trợ và phối hợp với tôi để hoàn thành công việc.	2.5	1.3	15.0	51.3	30.0	81.3	4.1
25	Tôi học hỏi được nhiều kiến thức và kĩ năng từ đồng nghiệp.	2.5	1.3	6.3	52.5	37.5	90.0	4.2
<b>V</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
28	Phản ánh tâm nhìn và sứ mạng của Học viện							

29	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với yêu cầu của xã hội							
30	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo							
31	Phù hợp với điều kiện thực tế của Khoa đào tạo và Học viện							
<b>VI</b>	<b>Bản mô tả CTĐT</b>							
32	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện							
33	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan							
34	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT							
35	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên							
<b>VII</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
36	Nội dung CTĐT được cập nhật							
37	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành							
38	CTĐT có gắn kết vấn đề học lý thuyết với việc thực hành, thực tập và tốt nghiệp							
39	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình							
40	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT							
41	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật							
42	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp							
43	CTĐT có tính linh hoạt và thuận lợi							
<b>VIII</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
44	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD							
45	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR							
46	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR							
47	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên							
<b>IX</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
48	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR							
49	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng							
50	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy							
<b>X</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
51	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	1.3	2.5	23.8	45.0	27.5	72.5	4.0
52	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	2.5	22.5	45.0	30.0	75.0	4.0
53	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	2.5	23.8	47.5	26.3	73.8	4.0
54	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thỏa đáng	0.0	5.0	26.3	41.3	27.5	68.8	3.9
55	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	1.3	3.8	25.0	42.5	27.5	70.0	3.9
56	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhân)	1.3	3.8	26.3	42.5	26.3	68.8	3.9
57	Quy trình quy hoạch và bổ nhiệm CBQL phù hợp và rõ ràng	1.3	1.3	18.8	45.0	33.8	78.8	4.1
<b>XI</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
60	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	1.3	5.0	15.0	51.3	27.5	78.8	4.0
61	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	1.3	6.3	7.5	60.0	25.0	85.0	4.0
62	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	1.3	2.5	25.0	45.0	26.3	71.3	3.9
63	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	2.5	10.0	51.3	36.3	87.5	4.2
64	Cơ sở hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	1.3	3.8	18.8	52.5	23.8	76.3	3.9
65	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	5.0	25.0	47.5	22.5	70.0	3.9
66	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	2.5	23.8	46.3	27.5	73.8	4.0



67	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	2.5	18.8	53.8	25.0	78.8	4.0
68	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	1.3	28.8	45.0	25.0	70.0	3.9
69	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	2.5	23.8	50.0	23.8	73.8	4.0
70	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	1.3	6.3	32.5	40.0	20.0	60.0	3.7
71	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	1.3	10.0	36.3	36.3	16.3	52.5	3.6
72	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	2.5	13.8	48.8	35.0	83.8	4.2
<b>XII</b>	<b>Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của Học viện</b>							
73	Thầy/Cô hài lòng công việc hiện tại của mình	2.5	0.0	12.5	47.5	37.5	85.0	4.2
74	Tự hào khi làm việc tại đơn vị, tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	0.0	1.3	7.5	28.8	62.5	91.3	4.5

**26. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao hiệu quả hoạt động của cán bộ quản lý?**

Cán bộ quản lý Cần quan tâm hơn đến đời sống vật chất và tinh thần của nữ  
Nguyên tắc đúng giờ

Phát huy sở trường của từng cá nhân

Cần trao đổi nhiều kinh nghiệm, gợi ý, gợi mở công việc với cán bộ

Sự phối hợp của cán bộ các đơn vị với nhau cần tăng cường

Bám sát chế độ chính sách, công tâm khách quan

Nâng cao thu nhập cho cán bộ

Cần công tư phân minh đối với tất cả mọi người, kỷ luật chặt chẽ. Tập trung dân chủ, Tự phê bình, phê bình. Phê bình đúng lúc, khen thưởng, động viên kịp thời.

CBQL phải đúng chuyên môn, nghiệp vụ

Cần nhìn bao quát hơn, nắm thông tin nhiều chiều, tiếp xúc trực tiếp, bỏ qua lợi ích cá nhân và luôn vì lợi ích của tập thể.

Khen thưởng kỷ luật cần rõ ràng tranh nâng đỡ thái quá, tránh tình trạng con ông cháu cha

**27. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao mối quan hệ với đồng nghiệp?**

Tôn trọng nhau hơn

Nguyên tắc đoàn kết

tổ chức thêm các phong trào cho cán bộ giao lưu với nhau

Đoàn kết, chia sẻ, giúp đỡ lẫn nhau

Bản thân phải tích cực, hăng say làm việc; luôn khiêm tốn, có thái độ cầu thị hàm học hỏi, quan tâm, giúp đỡ đồng nghiệp

Cần quan tâm, để ý, tâm sự và chia sẻ công việc

Mỗi cán bộ cần hoà đồng, gần gũi với nhau hơn

Có hoạt động cộng đồng và nâng cao thu nhập

Tăng cường đoàn kết

Mỗi người tự nhận thức được vai trò của mình là ai, và cần quan hệ với đồng nghiệp một cách chân thành.

Mỗi cán bộ hoàn thành tốt nhất công việc của mình với tinh thần trách nhiệm cao nhất đồng thời phối hợp với các cán bộ của đơn vị mình cũng như các đơn vị khác hoàn thành công việc chung với sự tôn trọng lẫn nhau, đối xử với nhau chân thành, vui vẻ.

**58. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)**

Không lần nào	17%
Từ 1 - 3 lần	68%
Từ 3 - 5 lần	11%
Hơn 5 lần	4%

**59. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham dự tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước**

Không lần nào	15%
Từ 1 - 3 lần	63%
Từ 3 - 5 lần	13%
Hơn 5 lần	9%

**75. Thầy/Cô có đề xuất gì để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện?**

Đẩy mạnh việc có ý thức tự học cho học viên, sinh viên. Bên cạnh đó, nâng cao chất lượng dạy học. Thường xuyên dạy học áp dụng liên hệ thực tế. Tăng cường thực tế tại các cơ quan liên quan.

Trình độ giảng viên cần yêu cầu cao hơn

Cần bổ sung chứng chỉ văn thư, lưu trữ trong tuyển dụng cán bộ như là điều kiện bắt buộc vì khi làm văn bản hầu hết cán bộ, giảng viên...trong Học viện đều làm sai về mặt thể thức văn bản, ảnh hưởng đến uy tín và chất lượng đào tạo của Học viện.

Chú trọng xây dựng đội ngũ trẻ. Tăng cường cho giảng viên trẻ đi học tập ở nước ngoài. Nên giữ lại những sinh viên có khả năng nghiên cứu và tiếp tục phát triển và thi tuyển vào vị trí giảng viên ở các bộ môn.

Chế độ lương cho giảng viên đại học nên được thay đổi để khuyến khích và tạo điều kiện làm việc cho đội ngũ này.

Trước khi trang bị csvc cần lấy ý kiến từ những người quản lý trực tiếp (ko phải cán bộ quản lý đơn vị)

Đầu tư đào tạo bồi dưỡng cán bộ trẻ có thêm chính sách giữ giảng viên giỏi

Hoàn thiện cơ chế chính sách, quy chế, rà soát thường xuyên cập nhật sửa đổi nội dung các khâu trong quy trình đào tạo

Hiện đại sơ sở vật chất; nâng thu nhập; bổ nhiệm cán bộ đúng

Hoàn thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng CNTT trong công việc.

Đội ngũ giảng viên: Nghiêm túc trong công tác xây dựng giáo án; đôn đốc, nhắc nhở sinh viên, học viên và bản thân chấp hành tốt quy chế học tập (đi học đầy đủ, đúng giờ, không sử dụng điện thoại trong giờ nếu môn học hôm đó không cần thiết...), thi cử (ôn tập nghiêm túc, thực hiện đúng quy chế thi, ...), văn hóa học đường (không ăn quà vặt trong lớp, trang phục lên lớp nghiêm túc, phát ngôn đúng mực, giữ gìn vệ sinh chung, ...).

Đội ngũ nhân viên: Đi làm đúng giờ, trách nhiệm trong công việc; vui vẻ, nhiệt tình với công việc. Tích cực học tập, nghiên cứu khoa học...

**76. Thầy/Cô có đề xuất gì để nâng cao văn hóa chất lượng Học viện?**

Có kế hoạch tuyên truyền, định hướng về mọi mặt cho học viên trên nhiều lĩnh vực

Quy định quy chế đã đưa ra cần thực hiện, tránh tình trạng cái gì làm đc thời gian rồi lại bỏ

Nhà để xe của cán bộ cần hiện đại hóa và khang trang hơn.

Đề nghị xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm quy định tại các phòng học giảng đường để đảm bảo vệ sinh, an ninh, bảo vệ tài sản chung của học viện.

Có hình thức xử phạt rõ ràng đối với th vi phạm

Bồi dưỡng truyền thống văn hoá cho thế hệ trẻ

Có ngày sinh hoạt truyền thống Học viện

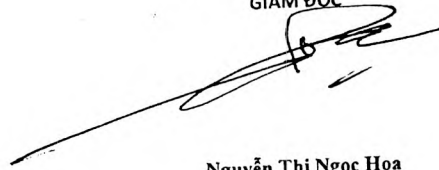
Tăng cường hđ giao lưu các đơn vị

Tăng cường đoàn kết giữa cán bộ trong học viện

Mỗi giảng viên, nhân viên là một tấm gương trong học tập, lao động và sinh hoạt; bỏ qua các lợi ích cá nhân và luôn vì lợi ích của Học viện - Sứ mệnh của Học viện.

TRUNG TÂM KT&KBCLĐT

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ngọc Hoa

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Khoa: Chính trị học  
Số lượng gv phản hồi: 10

**PHỤ LỤC 4**

<b>Độ tuổi</b>	>35	35-45	<45
	50%	30%	20%

<b>Học vị</b>	CN	ThS	TS
	0%	70%	30%

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Lương bổng và phúc lợi</b>							
1	Viên chức và người lao động được trả lương và thưởng xứng đáng cho trách nhiệm và chất lượng công việc	0.00	30.00	10.00	60.00	0.00	60.00	3.30
2	Viên chức và người lao động hài lòng về các chính sách, chế độ cho viên chức, người lao động	10.00	10.00	20.00	60.00	0.00	60.00	3.30
3	Các hệ số phụ cấp giờ giảng, phụ cấp quản lý đào tạo...hợp lý?	0.00	20.00	20.00	50.00	10.00	60.00	3.50
4	Các khoản phụ cấp (giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ chi phí học tập/bồi dưỡng, công tác phí, chi tiêu hội nghị/hội thảo, nghỉ phép năm, v.v...) được giải quyết đầy đủ theo quy định.	0.00	0.00	30.00	50.00	20.00	70.00	3.90
5	Chính sách phúc lợi của Học viện rõ ràng. Việc hiếu hỉ, thăm hỏi, chúc mừng đầy đủ, kịp thời.	10.00	0.00	30.00	40.00	20.00	60.00	3.60
6	Được tham gia và thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BH thất nghiệp.	10.00	10.00	0.00	40.00	40.00	80.00	3.90
7	Công đoàn Học viện có chế độ hỗ trợ cho các công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn.	10.00	10.00	20.00	20.00	40.00	60.00	3.70
8	Chính sách lương và phúc lợi của Học viện khuyến khích tinh thần làm việc của các chuyên viên/giảng viên; Đảm bảo hoàn toàn cho cuộc sống.	0.00	0.00	70.00	20.00	10.00	30.00	3.40
<b>II</b>	<b>Đặc điểm công việc</b>							
9	Thầy/Cô hiểu rõ về công việc mình làm	10.00	10.00	0.00	30.00	50.00	80.00	4.00
10	Công việc phù hợp với năng lực của Thầy/Cô	20.00	0.00	0.00	30.00	50.00	80.00	3.90
11	Công việc được phân chia hợp lý	0.00	20.00	30.00	40.00	10.00	50.00	3.40
12	Áp lực công việc là vừa phải	0.00	20.00	40.00	30.00	10.00	40.00	3.30
13	Thầy/Cô yêu thích công việc của mình	10.00	0.00	0.00	40.00	50.00	90.00	4.20
<b>III</b>	<b>Lãnh đạo đơn vị trực tiếp</b>							
14	Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả công việc khách quan, công bằng.	20.0	0.0	10.0	50.0	20.0	70.0	3.5
15	Lãnh đạo đơn vị nắm vững các chính sách về chế độ, quy định của Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức	10.0	10.0	0.0	40.0	40.0	80.0	3.9
16	Lãnh đạo Học viện ghi nhận và khen thưởng kịp thời nỗ lực của người lao động.	10.0	0.0	20.0	40.0	30.0	70.0	3.8
17	Lãnh đạo đơn vị lãnh đạo và quản lý linh hoạt.	10.0	10.0	10.0	30.0	40.0	70.0	3.8
18	Lãnh đạo đơn vị giao việc hợp lý, đưa ra những tiêu chuẩn về thời hạn và chất lượng cụ thể. Tôi được trang bị phương tiện đầy đủ để làm việc.	0.0	20.0	10.0	50.0	20.0	70.0	3.7
19	Lãnh đạo đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin và nguồn lực giúp tôi hoàn thành công việc.1	10.0	10.0	10.0	40.0	30.0	70.0	3.7
20	Lãnh đạo đơn vị giám sát tiến độ thực hiện công việc và phản hồi kịp thời, hiệu quả nhu cầu của cấp dưới.	10.0	10.0	10.0	50.0	20.0	70.0	3.6
21	Lãnh đạo đơn vị lắng nghe và thấu hiểu cấp dưới.	10.0	10.0	10.0	40.0	30.0	70.0	3.7
<b>IV</b>	<b>Quan hệ đồng nghiệp</b>							
22	Đồng nghiệp có thái độ thân thiện và tác phong làm việc chuyên nghiệp.	20.0	0.0	0.0	60.0	20.0	80.0	3.6

23	Đồng nghiệp luôn chia sẻ và giúp đỡ tôi khi khó khăn.	10.0	10.0	0.0	60.0	20.0	80.0	3.7
24	Đồng nghiệp các đơn vị khác luôn sẵn sàng hỗ trợ và phối hợp với tôi để hoàn thành công việc.	20.0	0.0	10.0	60.0	10.0	70.0	3.4
25	Tôi học hỏi được nhiều kiến thức và kĩ năng từ đồng nghiệp.	10.0	10.0	10.0	40.0	30.0	70.0	3.7
<b>V</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
28	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	10.0	10.0	10.0	60.0	10.0	70.0	3.5
29	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với yêu cầu của xã hội	0.0	10.0	40.0	40.0	10.0	50.0	3.5
30	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	10.0	30.0	40.0	20.0	60.0	3.7
31	Phù hợp với điều kiện thực tế của Khoa đào tạo và Học viện	0.0	10.0	40.0	40.0	10.0	50.0	3.5
<b>VI</b>	<b>Bản mô tả CTĐT</b>							
32	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	10.0	10.0	20.0	50.0	10.0	60.0	3.4
33	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	10.0	10.0	20.0	40.0	20.0	60.0	3.5
34	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	10.0	10.0	20.0	50.0	10.0	60.0	3.4
35	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	20.0	40.0	30.0	10.0	40.0	3.3
<b>VII</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
36	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	10.0	20.0	60.0	10.0	70.0	3.7
37	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	10.0	30.0	50.0	10.0	60.0	3.6
38	CTĐT có gắn kết vấn đề học lý thuyết với việc thực hành, thực tập và tốt nghiệp	0.0	10.0	30.0	50.0	10.0	60.0	3.6
39	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của chương trình	0.0	10.0	40.0	40.0	10.0	50.0	3.5
40	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	10.0	10.0	20.0	40.0	20.0	60.0	3.5
41	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	10.0	10.0	30.0	40.0	10.0	50.0	3.3
42	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	10.0	10.0	20.0	50.0	10.0	60.0	3.4
43	CTĐT có tính linh hoạt và thuận lợi	10.0	10.0	20.0	50.0	10.0	60.0	3.4
<b>VIII</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
44	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	10.0	10.0	30.0	40.0	10.0	50.0	3.3
45	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR	0.0	20.0	10.0	60.0	10.0	70.0	3.6
46	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR	0.0	20.0	20.0	50.0	10.0	60.0	3.5
47	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	20.0	40.0	30.0	10.0	40.0	3.3
<b>IX</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
48	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR	0.0	30.0	20.0	40.0	10.0	50.0	3.3
49	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	20.0	30.0	40.0	10.0	50.0	3.4
50	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	20.0	10.0	60.0	10.0	70.0	3.6
<b>X</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
51	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	20.0	40.0	30.0	10.0	40.0	3.3
52	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	20.0	20.0	50.0	10.0	60.0	3.5
53	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	20.0	30.0	40.0	10.0	50.0	3.4
54	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thoả đáng	0.0	10.0	50.0	30.0	10.0	40.0	3.4
55	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	20.0	20.0	50.0	10.0	60.0	3.5
56	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	20.0	20.0	50.0	10.0	60.0	3.5
57	Quy trình quy hoạch và bổ nhiệm CBQL phù hợp và rõ ràng	0.0	20.0	20.0	50.0	10.0	60.0	3.5
<b>XI</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							

60	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	10.0	40.0	40.0	10.0	50.0	3.5
61	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	30.0	50.0	20.0	70.0	3.9
62	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	10.0	0.0	30.0	40.0	20.0	60.0	3.6
63	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	10.0	10.0	20.0	40.0	20.0	60.0	3.5
64	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	10.0	40.0	40.0	10.0	50.0	3.5
65	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	10.0	0.0	60.0	20.0	10.0	30.0	3.2
66	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	10.0	60.0	20.0	10.0	30.0	3.3
67	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	60.0	30.0	10.0	40.0	3.5
68	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	10.0	60.0	20.0	10.0	30.0	3.3
69	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	10.0	50.0	30.0	10.0	40.0	3.4
70	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	10.0	50.0	30.0	10.0	40.0	3.4
71	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	10.0	50.0	30.0	10.0	40.0	3.4
72	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khoẻ và an toàn	0.0	20.0	10.0	40.0	30.0	70.0	3.8
<b>XII</b>	<b>Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của Học viện</b>							
73	Thầy/Cô hài lòng công việc hiện tại của mình	0.0	20.0	10.0	50.0	20.0	70.0	3.7
74	Tự hào khi làm việc tại đơn vị, tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	10.0	10.0	10.0	30.0	40.0	70.0	3.8

26. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao hiệu quả hoạt động của cán bộ quản lý?

Cần có kế hoạch cụ thể, dài hơi và ổn định

27. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao mối quan hệ với đồng nghiệp?

Thiết kế nhiều hoạt động ngoại khóa công đoàn về teambuilding...

58. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)

Không lần nào	0%
Từ 1 - 3 lần	90%
Từ 3 - 5 lần	10%
Hơn 5 lần	0%

59. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham dự tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước

Không lần nào	0%
Từ 1 - 3 lần	60%
Từ 3 - 5 lần	40%
Hơn 5 lần	0%

75. Thầy/Cô có đề xuất gì để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện?

Cần có cơ chế khuyến khích giảng viên trẻ (có ngoại ngữ) tiếp cận nguồn tài liệu chính thống bằng tiếng nước ngoài, qua đó giúp sinh viên có những góc nhìn đa dạng hơn về môn học. Cần hình thành nhóm giảng viên trẻ (gần chuyên ngành) cùng nhau tìm kiếm và xây dựng hệ thống tài liệu cập nhật, chia sẻ những phương pháp giảng dạy hiện đại. Hiện tại giảng viên trẻ còn bị hạn chế bởi những công việc hành chính quá nhiều.

76. Thầy/Cô có đề xuất gì để nâng cao văn hóa chất lượng Học viện?

TRUNG TÂM KT&KĐCLĐT  
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ngọc Hoa



Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Khoa: Chủ nghĩa xã hội khoa học  
Số lượng gv phản hồi: 05

<b>Độ tuổi</b>	>35	35-45	<45
	20%	60%	20%
<b>Học vị</b>	CN	ThS	TS
	0%	20%	80%

**PHỤ LỤC 4**

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Lương bổng và phúc lợi</b>							
1	Viên chức và người lao động được trả lương và thưởng xứng đáng cho trách nhiệm và chất lượng công việc	20.00	20.00	40.00	20.00	0.00	20.00	2.60
2	Viên chức và người lao động hài lòng về các chính sách, chế độ cho viên chức, người lao động	0.00	40.00	40.00	20.00	0.00	20.00	2.80
3	Các hệ số phụ cấp giờ giảng, phụ cấp quản lý đào tạo...hợp lý?	0.00	60.00	0.00	40.00	0.00	40.00	2.80
4	Các khoản phụ cấp (giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ chi phí học tập/bồi dưỡng, công tác phí, chi tiêu hội nghị/hội thảo, nghỉ phép năm, v.v...) được giải quyết đầy đủ theo quy định.	0.00	0.00	20.00	80.00	0.00	80.00	3.80
5	Chính sách phúc lợi của Học viện rõ ràng. Việc hiểu hi, thăm hỏi, chúc mừng đầy đủ, kịp thời.	0.00	0.00	0.00	80.00	20.00	100.00	4.20
6	Được tham gia và thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BH thất nghiệp.	0.00	0.00	0.00	20.00	80.00	100.00	4.80
7	Công đoàn Học viện có chế độ hỗ trợ cho các công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn.	0.00	0.00	0.00	40.00	60.00	100.00	4.60
8	Chính sách lương và phúc lợi của Học viện khuyến khích tinh thần làm việc của các chuyên viên/giảng viên; Đảm bảo hoàn toàn cho cuộc sống.	0.00	60.00	0.00	20.00	20.00	40.00	3.00
<b>II</b>	<b>Đặc điểm công việc</b>							
9	Thầy/Cô hiểu rõ về công việc mình làm	0.00	0.00	0.00	20.00	80.00	100.00	4.80
10	Công việc phù hợp với năng lực của Thầy/Cô	0.00	0.00	0.00	20.00	80.00	100.00	4.80
11	Công việc được phân chia hợp lý	0.00	0.00	20.00	40.00	40.00	80.00	4.20
12	Áp lực công việc là vừa phải	0.00	60.00	0.00	20.00	20.00	40.00	3.00
13	Thầy/Cô yêu thích công việc của mình	0.00	0.00	20.00	20.00	60.00	80.00	4.40
<b>III</b>	<b>Lãnh đạo đơn vị trực tiếp</b>							
14	Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả công việc khách quan, công bằng.	0.0	0.0	0.0	40.0	60.0	100.0	4.6
15	Lãnh đạo đơn vị nắm vững các chính sách về chế độ, quy định của Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.2
16	Lãnh đạo Học viện ghi nhận và khen thưởng kịp thời nỗ lực của người lao động.	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.0
17	Lãnh đạo đơn vị lãnh đạo và quản lý linh hoạt.	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	100.0	4.4
18	Lãnh đạo đơn vị giao việc hợp lý, đưa ra những tiêu chuẩn về thời hạn và chất lượng cụ thể. Tôi được trang bị phương tiện đầy đủ để làm việc.	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.2
19	Lãnh đạo đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin và nguồn lực giúp tôi hoàn thành công việc. 1	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.2
20	Lãnh đạo đơn vị giám sát tiến độ thực hiện công việc và phản hồi kịp thời, hiệu quả nhu cầu của cấp dưới.	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.2

21	Lãnh đạo đơn vị lắng nghe và thấu hiểu cấp dưới.	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	100.0	4.4
<b>IV</b>	<b>Quan hệ đồng nghiệp</b>							
22	Đồng nghiệp có thái độ thân thiện và tác phong làm việc chuyên nghiệp.	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.0
23	Đồng nghiệp luôn chia sẻ và giúp đỡ tôi khi khó khăn.	0.0	0.0	20.0	40.0	40.0	80.0	4.2
24	Đồng nghiệp các đơn vị khác luôn sẵn sàng hỗ trợ và phối hợp với tôi để hoàn thành công việc.	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.0
25	Tôi học hỏi được nhiều kiến thức và kĩ năng từ đồng nghiệp.	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.0
<b>V</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
28	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	20.0	40.0	40.0	80.0	4.2
29	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với yêu cầu của xã hội	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.0
30	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	0.0	40.0	20.0	40.0	60.0	4.0
31	Phù hợp với điều kiện thực tế của Khoa đào tạo và Học viện	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.2
<b>VI</b>	<b>Bản mô tả CTĐT</b>							
32	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	100.0	4.4
33	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	100.0	4.4
34	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	20.0	40.0	40.0	80.0	4.2
35	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	20.0	40.0	40.0	80.0	4.2
<b>VII</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
36	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.0
37	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	20.0	0.0	80.0	0.0	80.0	3.6
38	CTĐT có gắn kết vấn đề học lý thuyết với việc thực hành, thực tập và tốt nghiệp	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.0
39	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	80.0	3.8
40	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	0.0	40.0	60.0	100.0	4.6
41	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.2
42	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.0
43	CTĐT có tính linh hoạt và thuận lợi	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	80.0	3.8
<b>VIII</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
44	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	80.0	3.8
45	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.0
46	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.0
47	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	20.0	0.0	60.0	20.0	80.0	3.8
<b>IX</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
48	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.0	20.0	20.0	60.0	0.0	60.0	3.4
49	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.0
50	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	40.0	60.0	0.0	60.0	3.6
<b>X</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
51	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	40.0	40.0	20.0	60.0	3.8
52	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.0
53	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	0.0	40.0	40.0	20.0	60.0	3.8
54	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thoả đáng	0.0	20.0	20.0	60.0	0.0	60.0	3.4
55	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	20.0	60.0	0.0	20.0	20.0	3.2



56	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	20.0	40.0	20.0	20.0	40.0	3.4
57	Quy trình quy hoạch và bổ nhiệm CBQL phù hợp và rõ ràng	0.0	0.0	40.0	40.0	20.0	60.0	3.8
<b>XI</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
60	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	20.0	40.0	20.0	20.0	40.0	3.4
61	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.0
62	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	20.0	20.0	40.0	20.0	60.0	3.6
63	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.2
64	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.2
65	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	20.0	40.0	20.0	20.0	40.0	3.4
66	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	40.0	40.0	20.0	60.0	3.8
67	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	100.0	4.4
68	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	40.0	40.0	20.0	60.0	3.8
69	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	20.0	20.0	40.0	20.0	60.0	3.6
70	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	60.0	20.0	0.0	20.0	20.0	2.8
71	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	40.0	20.0	20.0	20.0	40.0	3.2
72	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	0.0	20.0	40.0	40.0	80.0	4.2
<b>XII</b>	<b>Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của Học viện</b>							
73	Thầy/Cô hài lòng công việc hiện tại của mình	0.0	20.0	0.0	60.0	20.0	80.0	3.8
74	Tự hào khi làm việc tại đơn vị, tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.0

26. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao hiệu quả hoạt động của cán bộ quản lý?

Đã số hóa thi giảm bớt văn bản hành chính

27. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao mối quan hệ với đồng nghiệp?

58. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)

Không lần nào	20%
Từ 1 - 3 lần	80%
Từ 3 - 5 lần	0%
Hơn 5 lần	0%

59. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham dự tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước

Không lần nào	0%
Từ 1 - 3 lần	40%
Từ 3 - 5 lần	60%
Hơn 5 lần	0%

75. Thầy/Cô có đề xuất gì để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện?

Tập trung có trọng điểm. Tìm kiếm cơ hội việc làm cho sinh viên tốt nghiệp ra trường

Đổi mới nội dung chương trình, thay đổi phương thức đánh giá sinh viên

76. Thầy/Cô có đề xuất gì để nâng cao văn hóa chất lượng Học viện?

Số hóa các thủ tục hành chính, tinh giảm biên chế lao động gián tiếp, đầu tư chất năng cao chất lượng đội ngũ giảng viên

TRUNG TÂM KT&KĐCLĐT  
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ngọc Hoa



Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Khoa: Giáo dục đại cương và Nghiệp vụ sư phạm

Số lượng gv phản hồi: 16

**PHỤ LỤC 4**

Độ tuổi	>35	35-45	<45
	0%	62.50%	37.50%

Học vị	CN	ThS	TS
	0%	50%	50%

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Lương bổng và phúc lợi</b>							
1	Viên chức và người lao động được trả lương và thưởng xứng đáng cho trách nhiệm và chất lượng công việc	6.25	0.00	25.00	50.00	18.75	68.75	3.75
2	Viên chức và người lao động hài lòng về các chính sách, chế độ cho viên chức, người lao động	6.25	0.00	18.75	68.75	6.25	75.00	3.69
3	Các hệ số phụ cấp giờ giảng, phụ cấp quản lý đào tạo... hợp lý?	6.25	6.25	12.50	68.75	6.25	75.00	3.63
4	Các khoản phụ cấp (giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ chi phí học tập/bồi dưỡng, công tác phí, chi tiêu hội nghị/hội thảo, nghỉ phép năm, v.v...) được giải quyết đầy đủ theo quy định.	0.00	6.25	18.75	56.25	18.75	75.00	3.88
5	Chính sách phúc lợi của Học viện rõ ràng. Việc hiểu hi, thăm hỏi, chúc mừng đầy đủ, kịp thời.	0.00	6.25	0.00	56.25	37.50	93.75	4.25
6	Được tham gia và thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BH thất nghiệp.	6.25	0.00	0.00	43.75	50.00	93.75	4.31
7	Công đoàn Học viện có chế độ hỗ trợ cho các công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn.	6.25	0.00	0.00	31.25	62.50	93.75	4.44
8	Chính sách lương và phúc lợi của Học viện khuyến khích tinh thần làm việc của các chuyên viên/giảng viên; Đảm bảo hoàn toàn cho cuộc sống.	0.00	6.25	25.00	43.75	25.00	68.75	3.88
<b>II</b>	<b>Đặc điểm công việc</b>							
9	Thầy/Cô hiểu rõ về công việc mình làm	6.25	0.00	0.00	12.50	81.25	93.75	4.63
10	Công việc phù hợp với năng lực của Thầy/Cô	6.25	0.00	0.00	25.00	68.75	93.75	4.50
11	Công việc được phân chia hợp lý	6.25	0.00	0.00	37.50	56.25	93.75	4.38
12	Áp lực công việc là vừa phải	6.25	0.00	6.25	56.25	31.25	87.50	4.06
13	Thầy/Cô yêu thích công việc của mình	6.25	0.00	0.00	37.50	56.25	93.75	4.38
<b>III</b>	<b>Lãnh đạo đơn vị trực tiếp</b>							
14	Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả công việc khách quan, công bằng.	6.3	0.0	0.0	37.5	56.3	93.8	4.4
15	Lãnh đạo đơn vị nắm vững các chính sách về chế độ, quy định của Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức	0.0	6.3	6.3	50.0	37.5	87.5	4.2
16	Lãnh đạo Học viện ghi nhận và khen thưởng kịp thời nỗ lực của người lao động.	6.3	0.0	6.3	50.0	37.5	87.5	4.1
17	Lãnh đạo đơn vị lãnh đạo và quản lý linh hoạt.	6.3	0.0	0.0	56.3	37.5	93.8	4.2
18	Lãnh đạo đơn vị giao việc hợp lý, đưa ra những tiêu chuẩn về thời hạn và chất lượng cụ thể. Tôi được trang bị phương tiện đầy đủ để làm việc.	6.3	0.0	12.5	43.8	37.5	81.3	4.1
19	Lãnh đạo đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin và nguồn lực giúp tôi hoàn thành công việc. 1	0.0	6.3	0.0	62.5	31.3	93.8	4.2
20	Lãnh đạo đơn vị giám sát tiến độ thực hiện công việc và phản hồi kịp thời, hiệu quả nhu cầu của cấp dưới.	0.0	6.3	0.0	56.3	37.5	93.8	4.3

21	Lãnh đạo đơn vị lắng nghe và thấu hiểu cấp dưới.	6.3	0.0	0.0	50.0	43.8	93.8	4.3
<b>IV</b>	<b>Quan hệ đồng nghiệp</b>							
22	Đồng nghiệp có thái độ thân thiện và tác phong làm việc chuyên nghiệp.	6.3	0.0	6.3	50.0	37.5	87.5	4.1
23	Đồng nghiệp luôn chia sẻ và giúp đỡ tôi khi khó khăn.	6.3	0.0	0.0	37.5	56.3	93.8	4.4
24	Đồng nghiệp các đơn vị khác luôn sẵn sàng hỗ trợ và phối hợp với tôi để hoàn thành công việc.	6.3	0.0	12.5	43.8	37.5	81.3	4.1
25	Tôi học hỏi được nhiều kiến thức và kĩ năng từ đồng nghiệp.	6.3	0.0	0.0	50.0	43.8	93.8	4.3
<b>V</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
28	Phản ánh tâm nhìn và sự mạng của Học viện	6.3	0.0	6.3	43.8	43.8	87.5	4.2
29	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với yêu cầu của xã hội	0.0	6.3	12.5	50.0	31.3	81.3	4.1
30	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	6.3	0.0	6.3	62.5	25.0	87.5	4.0
31	Phù hợp với điều kiện thực tế của Khoa đào tạo và Học viện	6.3	0.0	12.5	50.0	31.3	81.3	4.0
<b>VI</b>	<b>Bản mô tả CTĐT</b>							
32	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	6.3	0.0	12.5	50.0	31.3	81.3	4.0
33	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	6.3	0.0	18.8	18.8	56.3	75.0	4.2
34	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	13.3	53.3	33.3	86.7	4.2
35	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	6.3	18.8	37.5	37.5	75.0	4.1
<b>VII</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
36	Nội dung CTĐT được cập nhật	6.3	0.0	6.3	56.3	31.3	87.5	4.1
37	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	6.3	0.0	6.3	56.3	31.3	87.5	4.1
38	CTĐT có gắn kết vấn đề học lý thuyết với việc thực hành, thực tập và tốt nghiệp	0.0	6.3	0.0	62.5	31.3	93.8	4.2
39	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	6.3	0.0	68.8	25.0	93.8	4.1
40	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	6.3	0.0	68.8	25.0	93.8	4.1
41	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	6.3	0.0	6.3	43.8	43.8	87.5	4.2
42	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	6.3	0.0	12.5	56.3	25.0	81.3	3.9
43	CTĐT có tính linh hoạt và thuận lợi	6.3	0.0	18.8	50.0	25.0	75.0	3.9
<b>VIII</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
44	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	6.3	0.0	12.5	50.0	31.3	81.3	4.0
45	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	6.3	0.0	6.3	62.5	25.0	87.5	4.0
46	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.0	6.3	0.0	68.8	25.0	93.8	4.1
47	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	13.3	60.0	26.7	86.7	4.1
<b>IX</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
48	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	6.3	0.0	25.0	43.8	25.0	68.8	3.8
49	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	6.7	0.0	13.3	53.3	26.7	80.0	3.9
50	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	6.3	0.0	12.5	50.0	31.3	81.3	4.0
<b>X</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
51	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	6.3	0.0	12.5	56.3	25.0	81.3	3.9
52	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	6.3	6.3	62.5	25.0	87.5	4.1
53	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	6.3	0.0	6.3	62.5	25.0	87.5	4.0
54	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thoả đáng	6.3	0.0	25.0	37.5	31.3	68.8	3.9
55	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	6.3	12.5	56.3	25.0	81.3	4.0

56	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhân)	6.3	0.0	18.8	50.0	25.0	75.0	3.9
57	Quy trình quy hoạch và bổ nhiệm CBQL phù hợp và rõ ràng	6.3	0.0	6.3	50.0	37.5	87.5	4.1
<b>XI</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
60	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	6.3	18.8	50.0	25.0	75.0	3.9
61	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	6.3	12.5	50.0	31.3	81.3	4.1
62	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	6.3	0.0	62.5	31.3	93.8	4.2
63	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	6.3	6.3	43.8	43.8	87.5	4.3
64	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	6.3	12.5	43.8	37.5	81.3	4.1
65	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	6.3	18.8	43.8	31.3	75.0	4.0
66	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	6.3	18.8	50.0	25.0	75.0	3.9
67	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	6.3	12.5	50.0	31.3	81.3	4.1
68	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	6.3	18.8	43.8	31.3	75.0	4.0
69	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	6.3	6.3	56.3	31.3	87.5	4.1
70	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	6.3	25.0	43.8	25.0	68.8	3.9
71	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	12.5	18.8	43.8	25.0	68.8	3.8
72	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	6.3	0.0	56.3	37.5	93.8	4.3
<b>XII</b>	<b>Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của Học viện</b>							
73	Thầy/Cô hài lòng công việc hiện tại của mình	0.0	6.3	0.0	56.3	37.5	93.8	4.3
74	Tự hào khi làm việc tại đơn vị, tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	0.0	6.3	6.3	43.8	43.8	87.5	4.3

26. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao hiệu quả hoạt động của cán bộ quản lý?

Hàng năm phải cho cán bộ quản lý tham gia các lớp tập huấn để nâng cao kỹ năng quản lý.

27. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao mối quan hệ với đồng nghiệp?

Tổ chức các cuộc hội thảo hoặc tọa đàm nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các đơn vị.

58. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)

Không lần nào	0%
Từ 1 - 3 lần	94%
Từ 3 - 5 lần	6%
Hơn 5 lần	0%

59. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham dự tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước

Không lần nào	12%
Từ 1 - 3 lần	82%
Từ 3 - 5 lần	6%
Hơn 5 lần	0%

75. Thầy/Cô có đề xuất gì để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện?

Áp dụng (đồng bộ) công nghệ thông tin vào các quá trình đào tạo

Tích hợp các phần mềm quản lý

76. Thầy/Cô có đề xuất gì để nâng cao văn hóa chất lượng Học viện?

Sử dụng đồng phục và đeo thẻ của HVBC TT khi làm việc tại nhà trường

Triển khai nhiều phong trào thi đua, hội thảo, tọa đàm, các lớp tập huấn để nâng cao chất lượng Học viện.

TRUNG TÂM KT&KĐCLĐT

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Khoa: Kinh tế  
Số lượng gv phản hồi: 10

**PHỤ LỤC 4**

<b>Độ tuổi</b>	>35	35-45	<45
	10%	80%	10%

<b>Học vị</b>	CN	ThS	TS
	0%	30%	70%

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Lương bổng và phúc lợi</b>							
1	Viên chức và người lao động được trả lương và thưởng xứng đáng cho trách nhiệm và chất lượng công việc	0.00	10.00	30.00	60.00	0.00	60.00	3.50
2	Viên chức và người lao động hài lòng về các chính sách, chế độ cho viên chức, người lao động	0.00	10.00	30.00	50.00	10.00	60.00	3.60
3	Các hệ số phụ cấp giờ giảng, phụ cấp quản lý đào tạo... hợp lý?	0.00	0.00	40.00	50.00	10.00	60.00	3.70
4	Các khoản phụ cấp (giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ chi phí học tập/bồi dưỡng, công tác phí, chi tiêu hội nghị/hội thảo, nghỉ phép năm, v.v...) được giải quyết đầy đủ theo quy định.	0.00	10.00	20.00	50.00	20.00	70.00	3.80
5	Chính sách phúc lợi của Học viện rõ ràng. Việc hiếu hỉ, thăm hỏi, chúc mừng đầy đủ, kịp thời.	0.00	10.00	0.00	50.00	40.00	90.00	4.20
6	Được tham gia và thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BH thất nghiệp.	0.00	0.00	0.00	10.00	90.00	100.00	4.90
7	Công đoàn Học viện có chế độ hỗ trợ cho các công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn.	0.00	10.00	10.00	20.00	60.00	80.00	4.30
8	Chính sách lương và phúc lợi của Học viện khuyến khích tinh thần làm việc của các chuyên viên/giảng viên; Đảm bảo hoàn toàn cho cuộc sống.	0.00	10.00	60.00	30.00	0.00	30.00	3.20
<b>II</b>	<b>Đặc điểm công việc</b>							
9	Thầy/Cô hiểu rõ về công việc mình làm	0.00	0.00	0.00	20.00	80.00	100.00	4.80
10	Công việc phù hợp với năng lực của Thầy/Cô	0.00	0.00	0.00	20.00	80.00	100.00	4.80
11	Công việc được phân chia hợp lý	0.00	0.00	20.00	70.00	10.00	80.00	3.90
12	Áp lực công việc là vừa phải	0.00	0.00	10.00	80.00	10.00	90.00	4.00
13	Thầy/Cô yêu thích công việc của mình	0.00	0.00	0.00	50.00	50.00	100.00	4.50
<b>III</b>	<b>Lãnh đạo đơn vị trực tiếp</b>							
14	Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả công việc khách quan, công bằng.	0.0	0.0	10.0	70.0	20.0	90.0	4.1
15	Lãnh đạo đơn vị nắm vững các chính sách về chế độ, quy định của Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức	0.0	0.0	10.0	80.0	10.0	90.0	4.0
16	Lãnh đạo Học viện ghi nhận và khen thưởng kịp thời nỗ lực của người lao động.	0.0	0.0	20.0	50.0	30.0	80.0	4.1
17	Lãnh đạo đơn vị lãnh đạo và quản lý linh hoạt.	0.0	0.0	0.0	90.0	10.0	100.0	4.1
18	Lãnh đạo đơn vị giao việc hợp lý, đưa ra những tiêu chuẩn về thời hạn và chất lượng cụ thể. Tôi được trang bị phương tiện đầy đủ để làm việc.	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.0
19	Lãnh đạo đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin và nguồn lực giúp tôi hoàn thành công việc.	0.0	0.0	20.0	70.0	10.0	80.0	3.9
20	Lãnh đạo đơn vị giám sát tiến độ thực hiện công việc và phản hồi kịp thời, hiệu quả nhu cầu của cấp dưới.	0.0	0.0	20.0	70.0	10.0	80.0	3.9
21	Lãnh đạo đơn vị lắng nghe và thấu hiểu cấp dưới.	0.0	0.0	20.0	70.0	10.0	80.0	3.9
<b>IV</b>	<b>Quan hệ đồng nghiệp</b>							

22	Đồng nghiệp có thái độ thân thiện và tác phong làm việc chuyên nghiệp.	0.0	0.0	0.0	90.0	10.0	100.0	4.1
23	Đồng nghiệp luôn chia sẻ và giúp đỡ tôi khi khó khăn.	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.2
24	Đồng nghiệp các đơn vị khác luôn sẵn sàng hỗ trợ và phối hợp với tôi để hoàn thành công việc.	0.0	0.0	0.0	90.0	10.0	100.0	4.1
25	Tôi học hỏi được nhiều kiến thức và kĩ năng từ đồng nghiệp.	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.0
<b>V</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
28	Phản ánh tâm nhìn và cứ mạng của Học viện	0.0	0.0	11.1	77.8	11.1	88.9	4.0
29	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với yêu cầu của xã hội	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.0
30	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.0
31	Phù hợp với điều kiện thực tế của Khoa đào tạo và Học viện	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.0
<b>VI</b>	<b>Bản mô tả CTĐT</b>							
32	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.0
33	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	0.0	88.9	11.1	100.0	4.1
34	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	0.0	88.9	11.1	100.0	4.1
35	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.0
<b>VII</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
36	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	22.2	66.7	11.1	77.8	3.9
37	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	33.3	55.6	11.1	66.7	3.8
38	CTĐT có gắn kết vấn đề học lý thuyết với việc thực hành, thực tập và tốt nghiệp	0.0	0.0	11.1	88.9	0.0	88.9	3.9
39	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của chương trình	0.0	0.0	11.1	88.9	0.0	88.9	3.9
40	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	11.1	66.7	22.2	88.9	4.1
41	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	11.1	88.9	0.0	88.9	3.9
42	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	22.2	77.8	0.0	77.8	3.8
43	CTĐT có tính linh hoạt và thuận lợi	0.0	0.0	11.1	88.9	0.0	88.9	3.9
<b>VIII</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
44	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	100.0	4.3
45	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	11.1	77.8	11.1	88.9	4.0
46	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	0.0	77.8	22.2	100.0	4.2
47	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	11.1	77.8	11.1	88.9	4.0
<b>IX</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
48	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.0
49	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.0
50	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.0
<b>X</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
51	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	10.0	70.0	20.0	90.0	4.1
52	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.2
53	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	0.0	10.0	80.0	10.0	90.0	4.0
54	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thỏa đáng	0.0	0.0	0.0	90.0	10.0	100.0	4.1
55	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	20.0	70.0	10.0	80.0	3.9
56	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	20.0	70.0	10.0	80.0	3.9
57	Quy trình quy hoạch và bổ nhiệm CBQL phù hợp và rõ ràng	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.2



XI	Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH							
60	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ công đồng	0.0	0.0	10.0	80.0	10.0	90.0	4.0
61	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.2
62	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	0.0	90.0	10.0	100.0	4.1
63	Cảnh quan sự phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.2
64	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	10.0	80.0	10.0	90.0	4.0
65	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	10.0	80.0	10.0	90.0	4.0
66	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	20.0	70.0	10.0	80.0	3.9
67	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	10.0	80.0	10.0	90.0	4.0
68	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	80.0	3.8
69	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	80.0	3.8
70	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	40.0	60.0	0.0	60.0	3.6
71	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	30.0	70.0	0.0	70.0	3.7
72	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khoẻ và an toàn	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.2
XII	Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của Học viện							
73	Thầy/Cô hài lòng công việc hiện tại của mình	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.2
74	Tự hào khi làm việc tại đơn vị, tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	100.0	4.4

26. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao hiệu quả hoạt động của cán bộ quản lý?

Cần minh bạch và công bằng trong đánh giá cán bộ

27. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao mối quan hệ với đồng nghiệp?

58. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)

Không lần nào	0%
Từ 1 - 3 lần	100%
Từ 3 - 5 lần	0%
Hơn 5 lần	0%

59. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham dự tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước

Không lần nào	0%
Từ 1 - 3 lần	70%

Từ 3 - 5 lần	20%
Hơn 5 lần	10%

**75. Thầy/Cô có đề xuất gì để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện?**

Nâng cao chất lượng tuyển sinh đầu vào

Một sản phẩm muốn có chất lượng tốt cần có nguyên liệu đầu vào tốt, thiết bị sản xuất tốt và thợ trực tiếp sản xuất tay nghề cao. Giáo dục đại học cũng như vậy. Để nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện cần có đầu vào sinh viên tốt, cùng với việc nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, thì việc nâng cao chất lượng cuộc sống của giảng viên cũng phải đặt lên hàng đầu. Đi cùng với đó là thắt chặt kỷ cương trường lớp và làm phong phú

**76. Thầy/Cô có đề xuất gì để nâng cao văn hóa chất lượng Học viện?**

Duy trì và phát huy bản sắc văn hóa trường Đảng, đây chính là yếu tố quan trọng tạo nên thương hiệu nhà trường.

TRUNG TÂM KT&KĐCLĐT

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Khoa: Lịch sử Đảng  
Số lượng gv phản hồi: 4

<b>Độ tuổi</b>	>35	35-45	<45
	0	50%	50%

**PHỤ LỤC 4**

<b>Học vị</b>	CN	ThS	TS
	0%	0%	100%

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Lương bổng và phúc lợi</b>							
1	Viên chức và người lao động được trả lương và thưởng xứng đáng cho trách nhiệm và chất lượng công việc	0.00	0.00	50.00	50.00	0.00	50.00	3.50
2	Viên chức và người lao động hài lòng về các chính sách, chế độ cho viên chức, người lao động	0.00	0.00	25.00	50.00	25.00	75.00	4.00
3	Các hệ số phụ cấp giờ giảng, phụ cấp quản lý đào tạo... hợp lý?	0.00	25.00	0.00	50.00	25.00	75.00	3.75
4	Các khoản phụ cấp (giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ chi phí học tập/bồi dưỡng, công tác phi, chi tiêu hội nghị/hội thảo, nghỉ phép năm, v.v...) được giải quyết đầy đủ theo quy định.	0.00	0.00	25.00	50.00	25.00	75.00	4.00
5	Chính sách phúc lợi của Học viện rõ ràng. Việc hiếu hì, thăm hỏi, chúc mừng đầy đủ, kịp thời.	0.00	0.00	0.00	75.00	25.00	100.00	4.25
6	Được tham gia và thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BH thất nghiệp.	0.00	0.00	0.00	50.00	50.00	100.00	4.50
7	Công đoàn Học viện có chế độ hỗ trợ cho các công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn.	0.00	0.00	0.00	25.00	75.00	100.00	4.75
8	Chính sách lương và phúc lợi của Học viện khuyến khích tinh thần làm việc của các chuyên viên/giảng viên; Đảm bảo hoàn toàn cho cuộc sống.	0.00	0.00	50.00	50.00	0.00	50.00	3.50
<b>II</b>	<b>Đặc điểm công việc</b>							
9	Thầy/Cô hiểu rõ về công việc mình làm	25.00	0.00	0.00	25.00	50.00	75.00	3.75
10	Công việc phù hợp với năng lực của Thầy/Cô	25.00	0.00	0.00	25.00	50.00	75.00	3.75
11	Công việc được phân chia hợp lý	0.00	25.00	0.00	25.00	50.00	75.00	4.00
12	Áp lực công việc là vừa phải	0.00	25.00	0.00	50.00	25.00	75.00	3.75
13	Thầy/Cô yêu thích công việc của mình	25.00	0.00	0.00	25.00	50.00	75.00	3.75
<b>III</b>	<b>Lãnh đạo đơn vị trực tiếp</b>							
14	Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả công việc khách quan, công bằng.	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
15	Lãnh đạo đơn vị nắm vững các chính sách về chế độ, quy định của Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
16	Lãnh đạo Học viện ghi nhận và khen thưởng kịp thời nỗ lực của người lao động.	0.0	0.0	25.0	25.0	50.0	75.0	4.3
17	Lãnh đạo đơn vị lãnh đạo và quản lý linh hoạt.	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
18	Lãnh đạo đơn vị giao việc hợp lý, đưa ra những tiêu chuẩn về thời hạn và chất lượng cụ thể. Tôi được trang bị phương tiện đầy đủ để làm việc.	0.0	0.0	25.0	25.0	50.0	75.0	4.3
19	Lãnh đạo đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin và nguồn lực giúp tôi hoàn thành công việc.1	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
20	Lãnh đạo đơn vị giám sát tiến độ thực hiện công việc và phản hồi kịp thời, hiệu quả nhu cầu của cấp dưới.	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5

21	Lãnh đạo đơn vị lắng nghe và thấu hiểu cấp dưới.	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
<b>IV</b>	<b>Quan hệ đồng nghiệp</b>							
22	Đồng nghiệp có thái độ thân thiện và tác phong làm việc chuyên nghiệp.	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
23	Đồng nghiệp luôn chia sẻ và giúp đỡ tôi khi khó khăn.	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
24	Đồng nghiệp các đơn vị khác luôn sẵn sàng hỗ trợ và phối hợp với tôi để hoàn thành công việc.	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
25	Tôi học hỏi được nhiều kiến thức và kĩ năng từ đồng nghiệp.	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
<b>V</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
28	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
29	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với yêu cầu của xã hội	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
30	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
31	Phù hợp với điều kiện thực tế của Khoa đào tạo và Học viện	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
<b>VI</b>	<b>Bản mô tả CTĐT</b>							
32	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
33	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	25.0	25.0	50.0	75.0	4.3
34	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	25.0	25.0	50.0	75.0	4.3
35	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	25.0	25.0	50.0	75.0	4.3
<b>VII</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
36	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
37	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
38	CTĐT có gắn kết vấn đề học lý thuyết với việc thực hành, thực tập và tốt nghiệp	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
39	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
40	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
41	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
42	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
43	CTĐT có tính linh hoạt và thuận lợi	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
<b>VIII</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
44	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
45	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
46	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
47	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	25.0	50.0	25.0	75.0	4.0
<b>IX</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
48	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
49	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
50	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
<b>X</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
51	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
52	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
53	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	0.0	25.0	25.0	50.0	75.0	4.3
54	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thoả đáng	0.0	0.0	25.0	25.0	50.0	75.0	4.3
55	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5

56	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
57	Quy trình quy hoạch và bổ nhiệm CBQL phù hợp và rõ ràng	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
<b>XI</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
60	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
61	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
62	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
63	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
64	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
65	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
66	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	25.0	50.0	25.0	75.0	4.0
67	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
68	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
69	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
70	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	25.0	50.0	25.0	75.0	4.0
71	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	25.0	50.0	25.0	75.0	4.0
72	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
<b>XII</b>	<b>Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của Học viện</b>							
73	Thầy/Cô hài lòng công việc hiện tại của mình	0.0	0.0	0.0	25.0	75.0	100.0	4.8
74	Tự hào khi làm việc tại đơn vị, tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	0.0	0.0	0.0	25.0	75.0	100.0	4.8

26. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao hiệu quả hoạt động của cán bộ quản lý?

27. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao mối quan hệ với đồng nghiệp?

58. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)

Không lần nào	0%
Từ 1 - 3 lần	100%
Từ 3 - 5 lần	0%
Hơn 5 lần	0%

59. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham dự tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước

Không lần nào	0%
Từ 1 - 3 lần	100%
Từ 3 - 5 lần	0%
Hơn 5 lần	0%

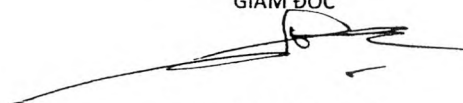
75. Thầy/Cô có đề xuất gì để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện?

Tăng cường mở các lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ và quản lý tốt khâu thi cử của sinh viên.

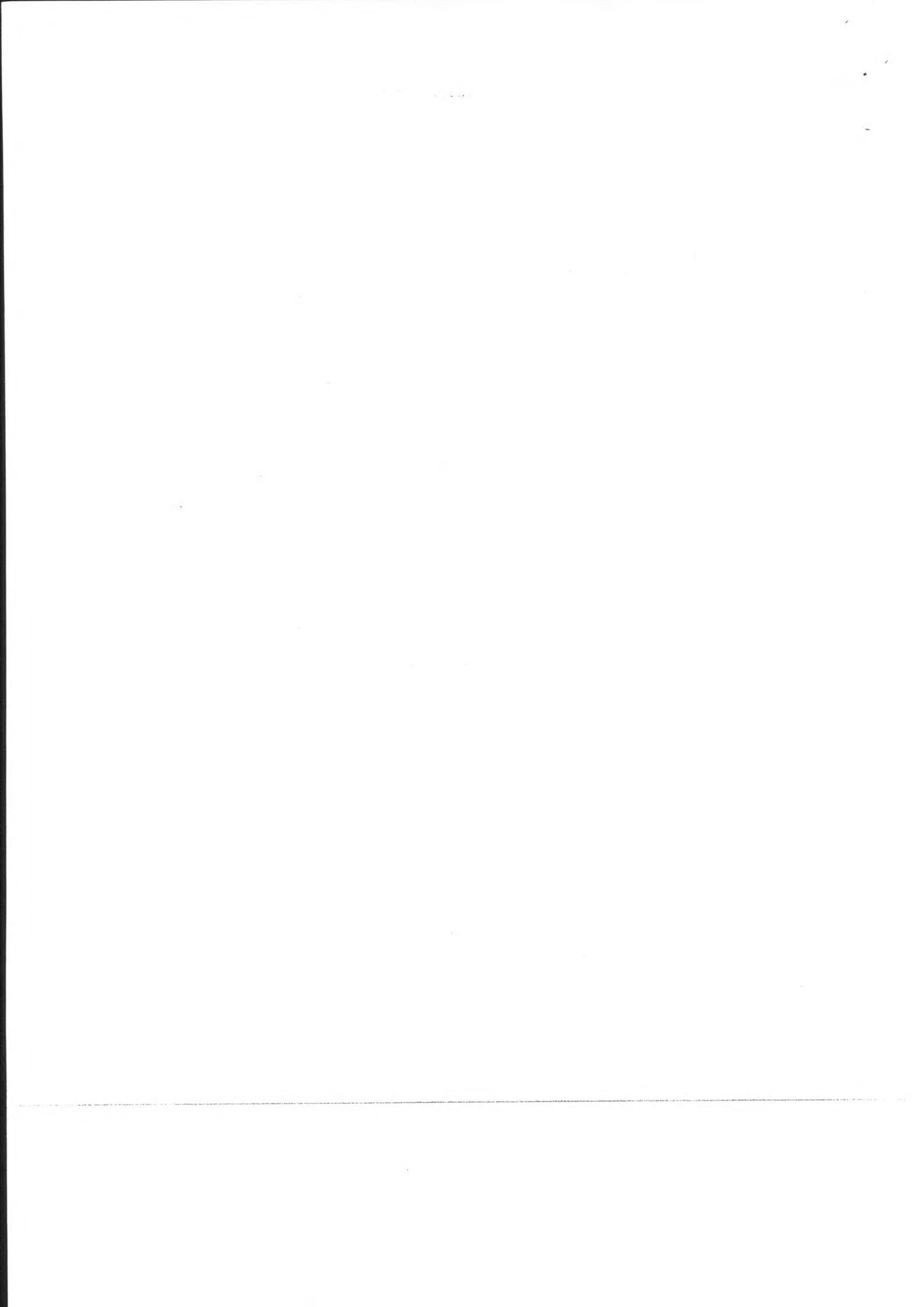
76. Thầy/Cô có đề xuất gì để nâng cao văn hóa chất lượng Học viện?

TRUNG TÂM KT&KĐCLĐT

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ngọc Hoa



Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Khoa: Ngoại ngữ  
Số lượng gv phản hồi: 25

<b>Độ tuổi</b>	>35	35-45	<45
	28%	40%	32%

**PHỤ LỤC 4**

<b>Học vị</b>	CN	ThS	TS
	4%	80%	16%

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Lương bổng và phúc lợi</b>							
1	Viên chức và người lao động được trả lương và thưởng xứng đáng cho trách nhiệm và chất lượng công việc	8.00	28.00	40.00	24.00	0.00	24.00	2.80
2	Viên chức và người lao động hài lòng về các chính sách, chế độ cho viên chức, người lao động	0.00	24.00	56.00	16.00	4.00	20.00	3.00
3	Các hệ số phụ cấp giờ giảng, phụ cấp quản lý đào tạo... hợp lý?	0.00	28.00	64.00	4.00	4.00	8.00	2.84
4	Các khoản phụ cấp (giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ chi phí học tập/bồi dưỡng, công tác phí, chi tiêu hội nghị/hội thảo, nghỉ phép năm, v.v...) được giải quyết đầy đủ theo quy định.	0.00	16.00	36.00	48.00	0.00	48.00	3.32
5	Chính sách phúc lợi của Học viện rõ ràng. Việc hiểu hi, thăm hỏi, chúc mừng đầy đủ, kịp thời.	0.00	4.00	16.00	68.00	12.00	80.00	3.88
6	Được tham gia và thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BH thất nghiệp.	0.00	4.00	4.00	52.00	40.00	92.00	4.28
7	Công đoàn Học viện có chế độ hỗ trợ cho các công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn.	0.00	4.00	4.00	52.00	40.00	92.00	4.28
8	Chính sách lương và phúc lợi của Học viện khuyến khích tinh thần làm việc của các chuyên viên/giảng viên; Đảm bảo hoàn toàn cho cuộc sống.	4.00	12.00	60.00	20.00	4.00	24.00	3.08
<b>II</b>	<b>Đặc điểm công việc</b>							
9	Thầy/Cô hiểu rõ về công việc mình làm	4.00	4.00	4.00	56.00	32.00	88.00	4.08
10	Công việc phù hợp với năng lực của Thầy/Cô	0.00	8.00	0.00	56.00	36.00	92.00	4.20
11	Công việc được phân chia hợp lý	0.00	8.00	24.00	56.00	12.00	68.00	3.72
12	Áp lực công việc là vừa phải	8.00	4.00	56.00	28.00	4.00	32.00	3.16
13	Thầy/Cô yêu thích công việc của mình	4.00	4.00	8.00	32.00	52.00	84.00	4.24
<b>III</b>	<b>Lãnh đạo đơn vị trực tiếp</b>							
14	Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả công việc khách quan, công bằng.	0.0	8.0	8.0	44.0	40.0	84.0	4.2
15	Lãnh đạo đơn vị nắm vững các chính sách về chế độ, quy định của Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức	0.0	8.0	16.0	32.0	44.0	76.0	4.1
16	Lãnh đạo Học viện ghi nhận và khen thưởng kịp thời nỗ lực của người lao động.	0.0	4.0	20.0	72.0	4.0	76.0	3.8
17	Lãnh đạo đơn vị lãnh đạo và quản lý linh hoạt	0.0	4.0	12.0	60.0	24.0	84.0	4.0
18	Lãnh đạo đơn vị giao việc hợp lý, đưa ra những tiêu chuẩn về thời hạn và chất lượng cụ thể. Tôi được trang bị phương tiện đầy đủ để làm việc.	0.0	8.0	16.0	64.0	12.0	76.0	3.8
19	Lãnh đạo đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin và nguồn lực giúp tôi hoàn thành công việc.1	0.0	4.0	8.0	60.0	28.0	88.0	4.1
20	Lãnh đạo đơn vị giám sát tiến độ thực hiện công việc và phản hồi kịp thời, hiệu quả-nhu cầu-của-cấp-dưới.	0.0	4.0	16.0	60.0	20.0	80.0	4.0

21	Lãnh đạo đơn vị lắng nghe và thấu hiểu cấp dưới.	0.0	8.0	8.0	48.0	36.0	84.0	4.1
<b>IV</b>	<b>Quan hệ đồng nghiệp</b>							
22	Đồng nghiệp có thái độ thân thiện và tác phong làm việc chuyên nghiệp.	0.0	4.0	12.0	60.0	24.0	84.0	4.0
23	Đồng nghiệp luôn chia sẻ và giúp đỡ tôi khi khó khăn.	0.0	8.0	4.0	56.0	32.0	88.0	4.1
24	Đồng nghiệp các đơn vị khác luôn sẵn sàng hỗ trợ và phối hợp với tôi để hoàn thành công việc.	0.0	4.0	16.0	60.0	20.0	80.0	4.0
25	Tôi học hỏi được nhiều kiến thức và kĩ năng từ đồng nghiệp.	0.0	0.0	12.0	64.0	24.0	88.0	4.1
<b>V</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
28	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	4.0	24.0	68.0	4.0	72.0	3.7
29	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với yêu cầu của xã hội	0.0	0.0	56.0	44.0	0.0	44.0	3.4
30	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	4.0	28.0	68.0	0.0	68.0	3.6
31	Phù hợp với điều kiện thực tế của Khoa đào tạo và Học viện	0.0	4.0	16.0	80.0	0.0	80.0	3.8
<b>VI</b>	<b>Bản mô tả CTĐT</b>							
32	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	4.0	12.0	84.0	0.0	84.0	3.8
33	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	4.0	12.0	76.0	8.0	84.0	3.9
34	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	4.0	12.0	76.0	8.0	84.0	3.9
35	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	4.0	44.0	48.0	4.0	52.0	3.5
<b>VII</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
36	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	4.0	36.0	60.0	0.0	60.0	3.6
37	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	37.5	58.3	4.2	62.5	3.7
38	CTĐT có gắn kết vấn đề học lý thuyết với việc thực hành, thực tập và tốt nghiệp	0.0	0.0	16.0	84.0	0.0	84.0	3.8
39	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	0.0	24.0	76.0	0.0	76.0	3.8
40	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	4.0	16.0	72.0	8.0	80.0	3.8
41	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	20.0	72.0	8.0	80.0	3.9
42	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	24.0	76.0	0.0	76.0	3.8
43	CTĐT có tính linh hoạt và thuận lợi	0.0	4.0	20.0	72.0	4.0	76.0	3.8
<b>VIII</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
44	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	28.0	72.0	0.0	72.0	3.7
45	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	0.0	4.0	28.0	68.0	0.0	68.0	3.6
46	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.0	4.0	20.0	76.0	0.0	76.0	3.7
47	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	4.2	25.0	54.2	16.7	70.8	3.8
<b>IX</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
48	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.0	0.0	25.0	70.8	4.2	75.0	3.8
49	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	4.0	28.0	64.0	4.0	68.0	3.7
50	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	4.0	36.0	56.0	4.0	60.0	3.6
<b>X</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
51	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	4.0	28.0	60.0	8.0	68.0	3.7
52	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	4.0	32.0	48.0	16.0	64.0	3.8
53	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	8.0	36.0	48.0	8.0	56.0	3.6
54	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thỏa đáng	0.0	16.0	48.0	32.0	4.0	36.0	3.2
55	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	4.0	4.0	44.0	44.0	4.0	48.0	3.4



56	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	8.0	40.0	44.0	8.0	52.0	3.5
57	Quy trình quy hoạch và bổ nhiệm CBQL phù hợp và rõ ràng	0.0	12.0	24.0	56.0	8.0	64.0	3.6
<b>XI</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
60	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	12.0	36.0	52.0	0.0	52.0	3.4
61	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	8.0	20.0	68.0	4.0	72.0	3.7
62	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	4.0	24.0	60.0	12.0	72.0	3.8
63	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	12.0	68.0	20.0	88.0	4.1
64	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	4.0	16.0	76.0	4.0	80.0	3.8
65	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	48.0	52.0	0.0	52.0	3.5
66	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	4.0	44.0	52.0	0.0	52.0	3.5
67	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	4.0	28.0	68.0	0.0	68.0	3.6
68	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	8.0	44.0	48.0	0.0	48.0	3.4
69	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	8.0	32.0	60.0	0.0	60.0	3.5
70	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	12.0	16.0	12.0	56.0	4.0	60.0	3.2
71	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	4.0	24.0	28.0	44.0	0.0	44.0	3.1
72	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	4.0	8.0	64.0	24.0	88.0	4.1
<b>XII</b>	<b>Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của Học viện</b>							
73	Thầy/Cô hài lòng công việc hiện tại của mình	0.0	4.0	20.0	68.0	8.0	76.0	3.8
74	Tự hào khi làm việc tại đơn vị, tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	0.0	4.0	12.0	52.0	32.0	84.0	4.1

## 26. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao hiệu quả hoạt động của cán bộ quản lý?

Cần nhìn thẳng vào những hạn chế, tồn tại, khách quan đánh giá không né tránh

Giảng viên phải đc chi trả thêm ngoài giờ hành chính, giảm định mức nghiên cứu khoa học,

Giảng viên nhiều khi rất bị động trong các kế hoạch của nhà trường về lịch học lại, lịch học vét, lịch học cải thiện điểm. Nên chăng nhà trường nên có lịch từ đầu năm để tiện cho lãnh đạo khoa có cái nhìn tổng thể để bố trí phân công giảng viên cho hợp lý và khoa học. Như hiện nay bản thân lãnh đạo khoa và giảng viên khoa nhiều khi nhận đc lịch đầu/giữa tuần và cuối tuần phải đi dạy luôn nên rất cập rập

Giảng viên khoa Ngoại ngữ cũng thường xuyên phải hỏi thi và giảng dạy theo sự phân công nhiệm vụ của trường vào các buổi tối, hay vào thứ 7 và chủ nhật. Việc đi làm này có được đãi ngộ bằng hình thức nhân hệ số làm việc ngoài giờ không ah?

Cần linh hoạt hơn thời giờ giảng dạy của giảng viên.

Đảm bảo công bằng trong phân công. Không giao việc trong vội vàng. Không giao việc khi bản thân chưa nắm đầy đủ thông tin về công việc. Đảm bảo quyền lợi chính đáng cho giảng viên.

## 27. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao mối quan hệ với đồng nghiệp?

Cần nâng cao hơn nữa tính chuyên nghiệp, trong hoạt động chuyên môn

Tổ chức thêm các workshop cho giảng viên ví dụ như chương trình "Giáo viên truyền cảm hứng" đã rất thành công bên trường ĐHQG vừa rồi. Đây là cơ hội để giảng viên giữa các khoa gặp gỡ nhau và truyền cảm hứng, trao đổi và chia sẻ, cập nhật phương pháp giảng dạy mới

Có các buổi giao lưu, khuyến khích mọi người chia sẻ thông tin về ốm đau, hiếu, hỷ.

Các đồng nghiệp không tùy ý nhận xét về năng lực chuyên môn và cách làm việc riêng của nhau.

58. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)

Không lần nào	12%
---------------	-----

Từ 1 - 3 lần	84%
Từ 3 - 5 lần	4%
Hơn 5 lần	0%

59. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham dự tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước

Không lần nào	12%
Từ 1 - 3 lần	68%
Từ 3 - 5 lần	30%
Hơn 5 lần	0%

75. Thầy/Cô có đề xuất gì để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện?

Không dồn ép lịch học. Giảm tải cho giảng viên. Không ép giảng viên dạy tối và cuối tuần. Thắt chặt kỷ luật, đảm bảo kỷ cương môi trường sư phạm. Tạo điều kiện cho GV đc nâng cao trình độ tiếng Anh.

đề nghị thay các bàn giáo viên ở khu vực giảng đường, vì đa số quá cũ và một số mục nát.

Thông thường, lịch học đầu năm có một số buổi sinh viên phải tham gia học tiếng Anh thêm vào các lớp buổi tối, nhưng các em luôn lấy lý do vào những ngày đó trong trường rất nhiều hoạt động chào tân sinh viên nên xin nghỉ vì cho rằng đó cũng là hoạt động thiết thực. Vậy có thể xếp các lớp tiếng Anh buổi tối này vào khung thời gian khác không? hoặc thay vì xếp vào các tiết đầu học đầu năm có thể xếp vào khung gần cuối kì kết hợp để ôn tập luôn không

Các hoạt động dạy học hiện nay gắn kết với rất nhiều các trang thiết bị hiện đại nên đòi hỏi tốc độ internet phải nhanh. Hiện nay internet các toà nhà bên A2 và B11 khá nhanh nhưng các toà khác như B1 hay B8 tốc độ vẫn chậm

Lấy chuyên môn làm trọng

Nhà trường nên đầu tư thêm vào việc bố trí lại thư viện như một số trường đại học khác. Không gian thoáng, rộng thu hút rất nhiều giảng viên và sinh viên lên đọc sách, nghiên cứu. Thường các trường khác đều thuê bên thứ ba vào bố trí lại thư viện.

Cần chuyên nghiệp hơn

76. Thầy/Cô có đề xuất gì để nâng cao văn hóa chất lượng Học viện?

Giống như một số các giảng viên khác, tôi nhiều lần bị các nhân viên ở các phòng ban bắt nạt. Có lần tôi bị tài vụ o ép, đòi tôi phải chia ra một số giấy tờ tôi không thể, ví dụ, tôi bị hỏi về giấy tờ chương trình học của trung tâm ngoại ngữ mà tôi thì lấy chứng chỉ. Tôi không thể vì nơi tôi thì là Hội Đồng Anh thì không phải là nơi tôi học ôn thi. Nhưng nhân viên tài vụ cực kỳ khe khắt, gay gắt, ăn nói trống không. Chúng tôi vất vả thực hiện theo chỉ đạo của nhà trường và phải được TẠO ĐIỀU KIỆN chứ không thể bị đe nạt như vậy. Thái độ của tài vụ với giảng viên phải được chấn chỉnh.

Với khối lượng làm việc của giảng viên như hiện nay, nhất là giảng viên khoa Ngoại ngữ nói riêng khá là căng. Có thầy cô gần như dạy cả ca sáng, chiều tối ở trường. Do vậy, nên chăng nhà trường mở lại nhà ăn để phục vụ tiện việc ăn trưa, đảm bảo cho một bộ phận giảng viên và nhân viên.

Ngoài ra, các câu lạc bộ thể thao (hiện nay đã có yoga) nên được mở rộng giúp thầy cô và nhân viên có nhiều sự kết nối và giảm tải căng thẳng sau giờ làm việc

Nâng cao vị trí của người thầy

TRUNG TÂM KT&KĐCLĐT  
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Khoa: Nhà nước và Pháp luật

Số lượng gv phân hồi: 8

**PHỤ LỤC 4**

<b>Độ tuổi</b>	>35	35-45	<45
	50%	37%	13%

<b>Học vị</b>	CN	ThS	TS
	13%	37%	50%

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Lương bổng và phúc lợi</b>							
1	Viên chức và người lao động được trả lương và thưởng xứng đáng cho trách nhiệm và chất lượng công việc	0.00	0.00	37.50	62.50	0.00	62.50	3.63
2	Viên chức và người lao động hài lòng về các chính sách, chế độ cho viên chức, người lao động	0.00	0.00	37.50	62.50	0.00	62.50	3.63
3	Các hệ số phụ cấp giờ giảng, phụ cấp quản lý đào tạo... hợp lý?	0.00	0.00	37.50	62.50	0.00	62.50	3.63
4	Các khoản phụ cấp (giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ chi phí học tập/bồi dưỡng, công tác phí, chi tiêu hội nghị/hội thảo, nghỉ phép năm, v.v...) được giải quyết đầy đủ theo quy định.	0.00	0.00	25.00	75.00	0.00	75.00	3.75
5	Chính sách phúc lợi của Học viện rõ ràng. Việc hiếu hi, thăm hỏi, chúc mừng đầy đủ, kịp thời.	0.00	0.00	25.00	62.50	12.50	75.00	3.88
6	Được tham gia và thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BH thất nghiệp.	0.00	0.00	12.50	25.00	62.50	87.50	4.50
7	Công đoàn Học viện có chế độ hỗ trợ cho các công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn.	0.00	0.00	12.50	50.00	37.50	87.50	4.25
8	Chính sách lương và phúc lợi của Học viện khuyến khích tinh thần làm việc của các chuyên viên/giảng viên; Đảm bảo hoàn toàn cho cuộc sống.	0.00	0.00	50.00	50.00	0.00	50.00	3.50
<b>II</b>	<b>Đặc điểm công việc</b>							
9	Thầy/Cô hiểu rõ về công việc mình làm	0.00	0.00	0.00	37.50	62.50	100.00	4.63
10	Công việc phù hợp với năng lực của Thầy/Cô	0.00	0.00	0.00	25.00	75.00	100.00	4.75
11	Công việc được phân chia hợp lý	0.00	0.00	12.50	50.00	37.50	87.50	4.25
12	Áp lực công việc là vừa phải	0.00	0.00	50.00	37.50	12.50	50.00	3.63
13	Thầy/Cô yêu thích công việc của mình	0.00	0.00	0.00	25.00	75.00	100.00	4.75
<b>III</b>	<b>Lãnh đạo đơn vị trực tiếp</b>							
14	Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả công việc khách quan, công bằng.	0.0	0.0	12.5	50.0	37.5	87.5	4.3
15	Lãnh đạo đơn vị nắm vững các chính sách về chế độ, quy định của Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức	0.0	0.0	12.5	50.0	37.5	87.5	4.3
16	Lãnh đạo Học viện ghi nhận và khen thưởng kịp thời nỗ lực của người lao động.	0.0	0.0	25.0	50.0	25.0	75.0	4.0
17	Lãnh đạo đơn vị lãnh đạo và quản lý linh hoạt.	0.0	0.0	25.0	50.0	25.0	75.0	4.0
18	Lãnh đạo đơn vị giao việc hợp lý, đưa ra những tiêu chuẩn về thời hạn và chất lượng cụ thể. Tôi được trang bị phương tiện đầy đủ để làm việc.	0.0	0.0	25.0	62.5	12.5	75.0	3.9
19	Lãnh đạo đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin và nguồn lực giúp tôi hoàn thành công việc.1	0.0	0.0	25.0	25.0	50.0	75.0	4.3
20	Lãnh đạo đơn vị giám sát tiến độ thực hiện công việc và phân hồi kịp thời, hiệu quả nhu cầu của cấp dưới.	0.0	0.0	12.5	37.5	50.0	87.5	4.4

21	Lãnh đạo đơn vị lắng nghe và thấu hiểu cấp dưới.	0.0	0.0	37.5	25.0	37.5	62.5	4.0
<b>IV</b>	<b>Quan hệ đồng nghiệp</b>							
22	Đồng nghiệp có thái độ thân thiện và tác phong làm việc chuyên nghiệp.	0.0	0.0	12.5	75.0	12.5	87.5	4.0
23	Đồng nghiệp luôn chia sẻ và giúp đỡ tôi khi khó khăn.	0.0	0.0	25.0	62.5	12.5	75.0	3.9
24	Đồng nghiệp các đơn vị khác luôn sẵn sàng hỗ trợ và phối hợp với tôi để hoàn thành công việc.	0.0	0.0	25.0	62.5	12.5	75.0	3.9
25	Tôi học hỏi được nhiều kiến thức và kỹ năng từ đồng nghiệp.	0.0	0.0	12.5	75.0	12.5	87.5	4.0
<b>V</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
28	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	12.5	62.5	25.0	87.5	4.1
29	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với yêu cầu của xã hội	0.0	0.0	25.0	50.0	25.0	75.0	4.0
30	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
31	Phù hợp với điều kiện thực tế của Khoa đào tạo và Học viện	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
<b>VI</b>	<b>Bản mô tả CTĐT</b>							
32	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
33	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
34	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	0.0	87.5	12.5	100.0	4.1
35	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	12.5	87.5	0.0	87.5	3.9
<b>VII</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
36	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	12.5	75.0	12.5	87.5	4.0
37	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	12.5	62.5	25.0	87.5	4.1
38	CTĐT có gắn kết vấn đề học lý thuyết với việc thực hành, thực tập và tốt nghiệp	0.0	0.0	12.5	87.5	0.0	87.5	3.9
39	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	0.0	12.5	75.0	12.5	87.5	4.0
40	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	12.5	62.5	25.0	87.5	4.1
41	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.0
42	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	0.0	87.5	12.5	100.0	4.1
43	CTĐT có tính linh hoạt và thuận lợi	0.0	0.0	25.0	62.5	12.5	75.0	3.9
<b>VIII</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
44	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	0.0	87.5	12.5	100.0	4.1
45	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.0
46	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	0.0	87.5	12.5	100.0	4.1
47	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.0
<b>IX</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
48	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.0	0.0	12.5	87.5	0.0	87.5	3.9
49	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	12.5	87.5	0.0	87.5	3.9
50	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	12.5	87.5	0.0	87.5	3.9
<b>X</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
51	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	37.5	62.5	0.0	62.5	3.6
52	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	12.5	0.0	87.5	0.0	87.5	3.8
53	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	0.0	25.0	75.0	0.0	75.0	3.8
54	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thỏa đáng	0.0	0.0	37.5	62.5	0.0	62.5	3.6
55	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	12.5	87.5	0.0	87.5	3.9

56	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	25.0	75.0	0.0	75.0	3.8
57	Quy trình quy hoạch và bổ nhiệm CBQL phù hợp và rõ ràng	0.0	0.0	25.0	75.0	0.0	75.0	3.8
<b>XI</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
60	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	37.5	62.5	0.0	62.5	3.6
61	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	12.5	87.5	0.0	87.5	3.9
62	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	12.5	87.5	0.0	87.5	3.9
63	Cảnh quan sự phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
64	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	12.5	75.0	12.5	87.5	4.0
65	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	12.5	75.0	12.5	87.5	4.0
66	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	25.0	75.0	0.0	75.0	3.8
67	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	12.5	87.5	0.0	87.5	3.9
68	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	12.5	75.0	12.5	87.5	4.0
69	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	12.5	75.0	12.5	87.5	4.0
70	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	25.0	75.0	0.0	75.0	3.8
71	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	50.0	50.0	0.0	50.0	3.5
72	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
<b>XII</b>	<b>Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của Học viện</b>							
73	Thầy/Cô hài lòng công việc hiện tại của mình	0.0	0.0	12.5	75.0	12.5	87.5	4.0
74	Tự hào khi làm việc tại đơn vị, tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3

26. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao hiệu quả hoạt động của cán bộ quản lý?

27. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao mối quan hệ với đồng nghiệp?

58. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)

Không lần nào	0%
Từ 1 - 3 lần	100%
Từ 3 - 5 lần	0%
Hơn 5 lần	0%

59. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham dự tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước

Không lần nào	0%
Từ 1 - 3 lần	100%
Từ 3 - 5 lần	0%
Hơn 5 lần	0%

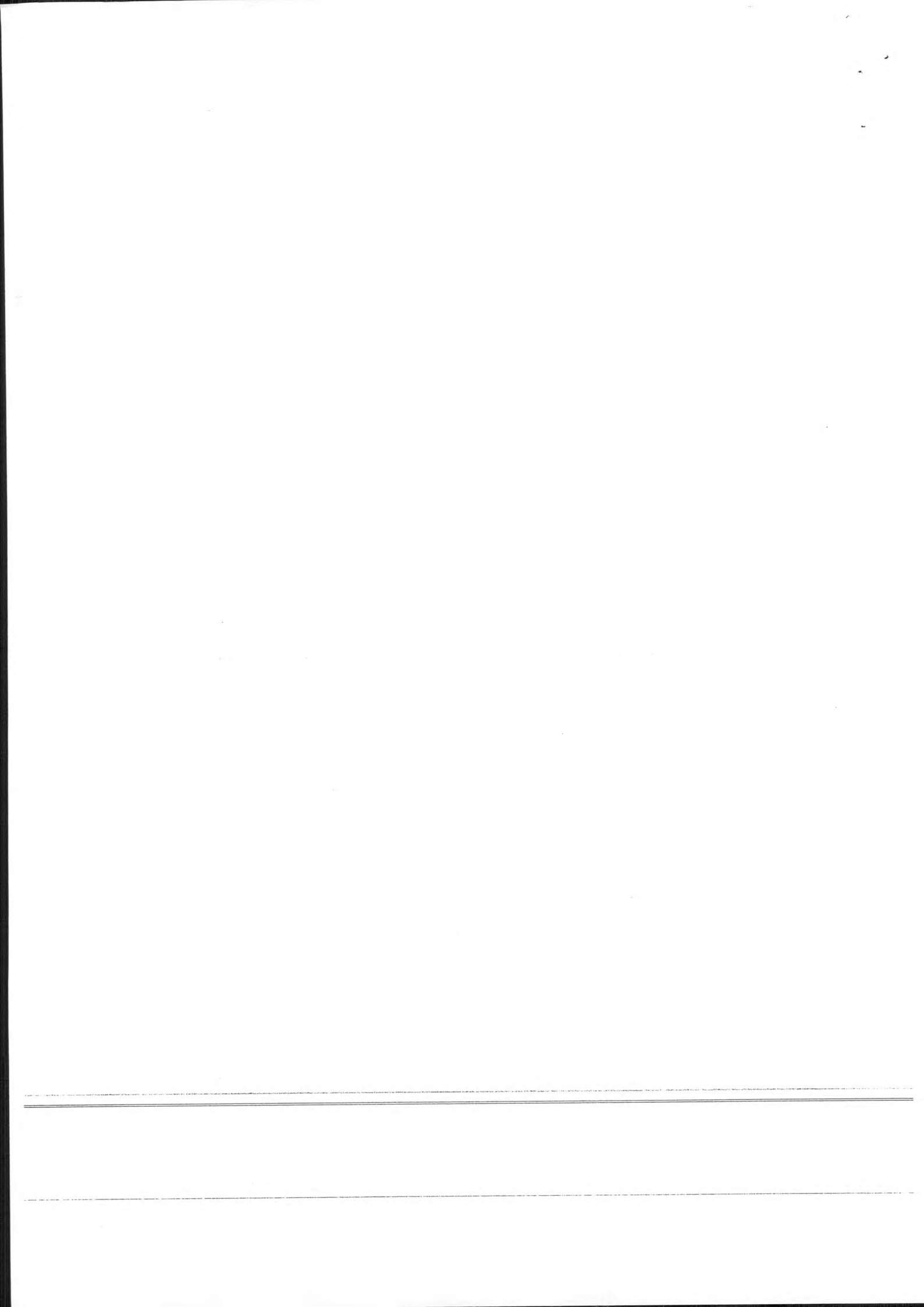
75. Thầy/Cô có đề xuất gì để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện?

Môn "Pháp luật đại cương" không nên xếp lịch dạy ngay học kỳ I của năm thứ nhất, mà nên xếp lịch học ở năm thứ hai; Số sinh viên trong 1 lớp học không nên xếp đông tới 1401 SV.

76. Thầy/Cô có đề xuất gì để nâng cao văn hóa chất lượng Học viện?

TRUNG TÂM KT&KĐCLĐT  
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ngọc Hoa



Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Khoa: Phát thanh Truyền hình  
Số lượng gv phản hồi: 17

**PHỤ LỤC 4**

Độ tuổi	>35	35-45	<45
	35%	47%	18%

Học vị	CN	ThS	TS
	5%	53%	42%

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Lương bổng và phúc lợi</b>							
1	Viên chức và người lao động được trả lương và thưởng xứng đáng cho trách nhiệm và chất lượng công việc	5.88	35.29	29.41	23.53	5.88	29.41	2.88
2	Viên chức và người lao động hài lòng về các chính sách, chế độ cho viên chức, người lao động	0.00	11.76	41.18	47.06	0.00	47.06	3.35
3	Các hệ số phụ cấp giờ giảng, phụ cấp quản lý đào tạo... hợp lý?	11.76	29.41	41.18	17.65	0.00	17.65	2.65
4	Các khoản phụ cấp (giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ chi phí học tập/bồi dưỡng, công tác phí, chi tiêu hội nghị/hội thảo, nghỉ phép năm, v.v...) được giải quyết đầy đủ theo quy định.	0.00	11.76	23.53	58.82	5.88	64.71	3.59
5	Chính sách phúc lợi của Học viện rõ ràng. Việc hiểu hi, thăm hỏi, chúc mừng đầy đủ, kịp thời.	0.00	0.00	11.76	70.59	17.65	88.24	4.06
6	Được tham gia và thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BH thất nghiệp.	0.00	0.00	0.00	35.29	64.71	100.00	4.65
7	Công đoàn Học viện có chế độ hỗ trợ cho các công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn.	0.00	0.00	17.65	64.71	17.65	82.35	4.00
8	Chính sách lương và phúc lợi của Học viện khuyến khích tinh thần làm việc của các chuyên viên/giảng viên; Đảm bảo hoàn toàn cho cuộc sống.	0.00	41.18	41.18	17.65	0.00	17.65	2.76
<b>II</b>	<b>Đặc điểm công việc</b>							
9	Thầy/Cô hiểu rõ về công việc mình làm	0.00	0.00	0.00	17.65	82.35	100.00	4.82
10	Công việc phù hợp với năng lực của Thầy/Cô	0.00	0.00	11.76	29.41	58.82	88.24	4.47
11	Công việc được phân chia hợp lý	0.00	0.00	17.65	58.82	23.53	82.35	4.06
12	Áp lực công việc là vừa phải	0.00	17.65	29.41	47.06	5.88	52.94	3.41
13	Thầy/Cô yêu thích công việc của mình	0.00	0.00	11.76	29.41	58.82	88.24	4.47
<b>III</b>	<b>Lãnh đạo đơn vị trực tiếp</b>							
14	Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả công việc khách quan, công bằng.	0.0	0.0	11.8	41.2	47.1	88.2	4.4
15	Lãnh đạo đơn vị nắm vững các chính sách về chế độ, quy định của Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức	0.0	5.9	5.9	47.1	41.2	88.2	4.2
16	Lãnh đạo Học viện ghi nhận và khen thưởng kịp thời nỗ lực của người lao động.	0.0	0.0	11.8	64.7	23.5	88.2	4.1
17	Lãnh đạo đơn vị lãnh đạo và quản lý linh hoạt.	0.0	0.0	17.6	41.2	41.2	82.4	4.2
18	Lãnh đạo đơn vị giao việc hợp lý, đưa ra những tiêu chuẩn về thời hạn và chất lượng cụ thể. Tôi được trang bị phương tiện đầy đủ để làm việc.	0.0	5.9	17.6	52.9	23.5	76.5	3.9
19	Lãnh đạo đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin và nguồn lực giúp tôi hoàn thành công việc.	0.0	0.0	17.6	41.2	41.2	82.4	4.2
20	Lãnh đạo đơn vị giám sát tiến độ thực hiện công việc và phản hồi kịp thời, hiệu quả như cầu của cấp dưới.	0.0	0.0	11.8	47.1	41.2	88.2	4.3

21	Lãnh đạo đơn vị lắng nghe và thấu hiểu cấp dưới.	0.0	0.0	5.9	35.3	58.8	94.1	4.5
<b>IV</b>	<b>Quan hệ đồng nghiệp</b>							
22	Đồng nghiệp có thái độ thân thiện và tác phong làm việc chuyên nghiệp.	0.0	0.0	5.9	58.8	35.3	94.1	4.3
23	Đồng nghiệp luôn chia sẻ và giúp đỡ tôi khi khó khăn.	0.0	0.0	11.8	41.2	47.1	88.2	4.4
24	Đồng nghiệp các đơn vị khác luôn sẵn sàng hỗ trợ và phối hợp với tôi để hoàn thành công việc.	0.0	0.0	11.8	70.6	17.6	88.2	4.1
25	Tôi học hỏi được nhiều kiến thức và kĩ năng từ đồng nghiệp.	0.0	0.0	0.0	76.5	23.5	100.0	4.2
<b>V</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
28	Phản ánh tâm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	18.8	68.8	12.5	81.3	3.9
29	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với yêu cầu của xã hội	0.0	0.0	31.3	62.5	6.3	68.8	3.8
30	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	6.3	43.8	31.3	18.8	50.0	3.6
31	Phù hợp với điều kiện thực tế của Khoa đào tạo và Học viện	0.0	18.8	18.8	43.8	18.8	62.5	3.6
<b>VI</b>	<b>Bản mô tả CTĐT</b>							
32	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	18.8	56.3	25.0	81.3	4.1
33	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	6.3	12.5	43.8	37.5	81.3	4.1
34	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	12.5	62.5	25.0	87.5	4.1
35	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	37.5	43.8	18.8	62.5	3.8
<b>VII</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
36	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	25.0	62.5	12.5	75.0	3.9
37	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	6.3	18.8	62.5	12.5	75.0	3.8
38	CTĐT có gắn kết vấn đề học lý thuyết với việc thực hành, thực tập và tốt nghiệp	0.0	0.0	6.3	56.3	37.5	93.8	4.3
39	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	0.0	0.0	86.7	13.3	100.0	4.1
40	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	12.5	62.5	25.0	87.5	4.1
41	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	6.3	25.0	56.3	12.5	68.8	3.8
42	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	6.3	31.3	50.0	12.5	62.5	3.7
43	CTĐT có tính linh hoạt và thuận lợi	0.0	6.3	18.8	68.8	6.3	75.0	3.8
<b>VIII</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
44	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	6.3	75.0	18.8	93.8	4.1
45	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	12.5	68.8	18.8	87.5	4.1
46	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	6.3	75.0	18.8	93.8	4.1
47	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	18.8	62.5	18.8	81.3	4.0
<b>IX</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
48	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.0	0.0	12.5	81.3	6.3	87.5	3.9
49	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	12.5	75.0	12.5	87.5	4.0
50	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	12.5	75.0	12.5	87.5	4.0
<b>X</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
51	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	5.9	5.9	58.8	29.4	88.2	4.1
52	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	11.8	47.1	41.2	88.2	4.3
53	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	5.9	5.9	58.8	29.4	88.2	4.1
54	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thỏa đáng	0.0	0.0	29.4	58.8	11.8	70.6	3.8
55	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	23.5	52.9	23.5	76.5	4.0



56	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	29.4	52.9	17.6	70.6	3.9
57	Quy trình quy hoạch và bổ nhiệm CBQL phù hợp và rõ ràng	0.0	0.0	11.8	52.9	35.3	88.2	4.2
<b>XI</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
60	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	5.9	52.9	35.3	5.9	41.2	3.4
61	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	5.9	70.6	23.5	94.1	4.2
62	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	29.4	52.9	17.6	70.6	3.9
63	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	17.6	58.8	23.5	82.4	4.1
64	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	5.9	29.4	47.1	17.6	64.7	3.8
65	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	17.6	17.6	52.9	11.8	64.7	3.6
66	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	5.9	17.6	76.5	0.0	76.5	3.7
67	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	17.6	82.4	0.0	82.4	3.8
68	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	5.9	29.4	47.1	17.6	64.7	3.8
69	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	17.6	29.4	52.9	0.0	52.9	3.4
70	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	17.6	29.4	47.1	5.9	52.9	3.4
71	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	5.9	11.8	47.1	35.3	0.0	35.3	3.1
72	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khoẻ và an toàn	0.0	0.0	5.9	70.6	23.5	94.1	4.2
<b>XII</b>	<b>Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của Học viện</b>							
73	Thầy/Cô hài lòng công việc hiện tại của mình	0.0	0.0	5.9	82.4	11.8	94.1	4.1
74	Tự hào khi làm việc tại đơn vị, tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	0.0	0.0	5.9	23.5	70.6	94.1	4.6

**26. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao hiệu quả hoạt động của cán bộ quản lý?**

Thông tin triển khai cần thông báo sớm hơn trước 10-15 ngày

Tiếp tục lắng nghe

Nên hạn chế công việc sự vụ cho giảng viên, cải thiện tình trạng nhiều tờ, văn bản như hiện nay

Cần thực tế giảm bớt hành chính.

Cần có cái nhìn bao quát về việc phân chia công việc để không thiên lệch trong giao việc, đồng thời có thưởng phạt rõ ràng. Khi có dự án ngoài, phải tách bạch các phần công việc để ai làm nhiều được hưởng nhiều, ai không làm hoặc làm ít thì ko hưởng hoặc hưởng ít, ko thể có chuyện cào bằng, sẽ không khuyến khích động viên được người làm việc nhiều, mà lại gây ức chế.

Mong muốn Học viện có đãi ngộ và khen thưởng hợp lý đối với giảng viên giảng dạy chương trình quốc tế (Ví dụ trao Giấy khen cho giảng viên có đóng góp tích cực vào hoạt động giảng dạy chtr quốc tế, vì việc này có liên quan đến xét kết quả thi đua cuối năm của giảng viên, đảng viên)

Cán bộ quản lý học viện cần linh hoạt, nhanh, quyết đoán, rõ ràng, trách nhiệm

**27. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao mối quan hệ với đồng nghiệp?**

Tổ chức nhiều hoạt động trong riêng cho cb.gv

Thêm các hoạt động nghiệp vụ cùng nhau

Cần có thêm các hoạt động gắn kết và chia sẻ.

Mọi người cần chia sẻ với nhau lúc khó khăn để đến lúc mình khó khăn thì người khác còn giúp đỡ.

Khách quan, công bằng, quan tâm

**58. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)**

Không lần nào	6%
Từ 1-3 lần	76%
Từ 3-5 lần	12%
Hơn 5 lần	6%

59. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham dự tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước

Không lần nào	6%
Từ 1 - 3 lần	59%
Từ 3 - 5 lần	23%
Hơn 5 lần	12%

75. Thầy/Cô có đề xuất gì để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện?

Quan tâm hơn nữa đến đội ngũ giảng viên, hạn chế bớt các công tác hành chính, giấy tờ.

Cần nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ ban quản lý đào tạo và cần có cơ chế để phối hợp giữa các phòng, ban, khoa cho sao cho việc quản lý đào tạo được khoa học và đỡ tốn công sức nhất.

Tăng cường thực hành

1. Cần có yêu cầu đầu vào tiếng Anh với các lớp CLC (VD IELTS 5.0 hoặc tương đương)
2. Cần đưa yêu cầu đầu vào CAO đối với lớp CLC (thực tế hiện nay lớp CLC nhưng chất lượng lại thấp, sv học lực yếu hơn lớp thường, trình độ TA ko đủ để học môn chuyên ngành bằng TA)
3. Phòng học cho lớp CLC cần có máy tính để bàn cho giảng viên, trang bị thêm quạt
4. Phòng học giảng đường quốc tế MDX cần trang bị máy tính để bàn cho giảng viên
5. Cần cung cấp Wifi cho giảng viên ở tất cả các toà nhà (thay vì "bí mật", hay phải mang lên tận phòng CNTT cài máy như hiện nay rất bất tiện).
6. Cần bố trí các môn học hợp lý, như 1 môn nên dàn đều là ra cả hai kỳ. Do tiềm lực, số lượng GV ít, số lớp lại đông. Nếu một kỳ có tận 6-7 lớp học cùng lúc một môn học thì số lượng GV ko thể đáp ứng, ko thể phân thân lên dạy cũng ko thể mời GV ngoài cho đủ
7. Cách tính giờ thực hành chỉ được 60% so với giờ lý thuyết thông thường là ko hợp lý do các môn thực hành giảng viên phải hướng dẫn chi tiết tỉ mỉ và tốn nhiều công sức hơn môn lý thuyết.
8. Học viện tuyển thêm GV cho khoa để công việc được san ra, khối lượng công việc đỡ nặng khi số lượng sv đông, nhiều lớp
9. Cần có chế độ đãi ngộ xứng đáng cho GV: lương và phụ cấp thấp, giờ thực hành thì chỉ được tính 60%. Nếu GV chỉ sống bằng tiền lương hàng tháng thì mức sống thấp. (Đầu tư vào GV là hướng đầu tư cốt lõi và bền vững, GV ko đủ mức sống, rất dễ xảy ra tình trạng chảy máu chất xám)
10. Bỏ các công việc hành chính sự vụ (coi thi...) cho giảng viên để GV được tập trung vào công việc chính là: giảng dạy và nghiên cứu khoa học
11. Tiến độ thanh toán vượt giờ và chương trình MDX cần đẩy nhanh hơn

Nên có lịch giảng cách thời gian bắt đầu học kỳ khoảng 2 tuần để giảng viên kịp sắp xếp lịch, mời giảng viên. Nên bảo trì, sửa chữa kịp thời máy móc tại studio. Nên có giảng viên hỗ trợ kỹ thuật trong trường quay.

- Cần có chế độ lương, chính sách để cải thiện, tăng thu nhập cho GV để có thể yên tâm phấn đấu, giảng dạy.
- Nâng cao chất lượng phòng học (ánh sáng, loa mic, máy chiếu chưa đảm bảo), đặc biệt phòng thực hành, có đội ngũ kỹ thuật hỗ trợ full time tại phòng thực hành. Nâng cấp thiết bị tại phòng thực hành, trường quay
- Nâng cấp hệ thống đường truyền internet vì hiện tại rất nhiều khu GV ko bắt đc wifi, phải phát 4G

Tăng cường thực tế gắn với xã hội.

Cần tạo điều kiện nhiều hơn về thời gian để giảng viên nghiên cứu, giảng dạy, hạn chế xử lý các loại giấy tờ, thủ tục hành chính.

Mong Học viện tăng cường giao lưu mở rộng hợp tác lên tầm quốc tế.

76. Thầy/Cô có đề xuất gì để nâng cao văn hóa chất lượng Học viện?

cần tạo ra môi trường để CBGV sinh hoạt: bếp ăn, khu thể thao, cafe, và tổ chức các hoạt động thi hát, thi nghiệp vụ...

Cách ăn mặc và lời nói sinh viên trong và ngoài giảng đường.

Thiết kế không gian giảng đường năng động.

Mong Học viện xây dựng bộ giá trị thương hiệu, thực hiện các hoạt động xây dựng văn hóa nội bộ một cách bài bản, tích cực.

TRUNG TÂM KT&KĐCLĐT

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Khoa: Quan hệ công chúng - Quảng cáo

Số lượng gv phản hồi: 5

**PHỤ LỤC 4**

<b>Độ tuổi</b>	<b>&gt;35</b>	<b>35-45</b>	<b>&lt;45</b>
	80%	0%	20%

<b>Học vị</b>	<b>CN</b>	<b>ThS</b>	<b>TS</b>
	0%	60%	40%

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Lương bổng và phúc lợi</b>							
1	Viên chức và người lao động được trả lương và thưởng xứng đáng cho trách nhiệm và chất lượng công việc	0.00	0.00	40.00	40.00	20.00	60.00	3.80
2	Viên chức và người lao động hài lòng về các chính sách, chế độ cho viên chức, người lao động	0.00	0.00	0.00	80.00	20.00	100.00	4.20
3	Các hệ số phụ cấp giờ giảng, phụ cấp quản lý đào tạo... hợp lý?	0.00	0.00	20.00	60.00	20.00	80.00	4.00
4	Các khoản phụ cấp (giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ chi phí học tập/bồi dưỡng, công tác phí, chi tiêu hội nghị/hội thảo, nghỉ phép năm, v.v...) được giải quyết đầy đủ theo quy định.	0.00	0.00	20.00	40.00	40.00	80.00	4.20
5	Chính sách phúc lợi của Học viện rõ ràng. Việc hiểu hi, thăm hỏi, chúc mừng đầy đủ, kịp thời.	0.00	0.00	20.00	40.00	40.00	80.00	4.20
6	Được tham gia và thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BH thất nghiệp.	0.00	0.00	0.00	60.00	40.00	100.00	4.40
7	Công đoàn Học viện có chế độ hỗ trợ cho các công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn.	0.00	0.00	0.00	40.00	60.00	100.00	4.60
8	Chính sách lương và phúc lợi của Học viện khuyến khích tinh thần làm việc của các chuyên viên/giảng viên; Đảm bảo hoàn toàn cho cuộc sống.	0.00	0.00	40.00	40.00	20.00	60.00	3.80
<b>II</b>	<b>Đặc điểm công việc</b>							
9	Thầy/Cô hiểu rõ về công việc mình làm	0.00	0.00	0.00	60.00	40.00	100.00	4.40
10	Công việc phù hợp với năng lực của Thầy/Cô	0.00	0.00	0.00	60.00	40.00	100.00	4.40
11	Công việc được phân chia hợp lý	0.00	0.00	0.00	60.00	40.00	100.00	4.40
12	Áp lực công việc là vừa phải	0.00	0.00	60.00	20.00	20.00	40.00	3.60
13	Thầy/Cô yêu thích công việc của mình	0.00	0.00	0.00	60.00	40.00	100.00	4.40
<b>III</b>	<b>Lãnh đạo đơn vị trực tiếp</b>							
14	Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả công việc khách quan, công bằng.	0.0	0.0	0.0	20.0	80.0	100.0	4.8
15	Lãnh đạo đơn vị nắm vững các chính sách về chế độ, quy định của Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức	0.0	0.0	0.0	40.0	60.0	100.0	4.6
16	Lãnh đạo Học viện ghi nhận và khen thưởng kịp thời nỗ lực của người lao động.	0.0	0.0	0.0	40.0	60.0	100.0	4.6
17	Lãnh đạo đơn vị lãnh đạo và quản lý linh hoạt.	0.0	0.0	0.0	20.0	80.0	100.0	4.8
18	Lãnh đạo đơn vị giao việc hợp lý, đưa ra những tiêu chuẩn về thời hạn và chất lượng cụ thể. Tôi được trang bị phương tiện đầy đủ để làm việc.	0.0	0.0	20.0	20.0	60.0	80.0	4.4
19	Lãnh đạo đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin và nguồn lực giúp tôi hoàn thành công việc.1	0.0	0.0	0.0	40.0	60.0	100.0	4.6
20	Lãnh đạo đơn vị giám sát tiến độ thực hiện công việc và phản hồi kịp thời, hiệu quả nhu cầu của cấp dưới.	0.0	0.0	20.0	0.0	80.0	80.0	4.6

21	Lãnh đạo đơn vị lắng nghe và thấu hiểu cấp dưới.	0.0	0.0	0.0	20.0	80.0	100.0	4.8
<b>IV</b>	<b>Quan hệ đồng nghiệp</b>							
22	Đồng nghiệp có thái độ thân thiện và tác phong làm việc chuyên nghiệp.	0.0	0.0	0.0	40.0	60.0	100.0	4.6
23	Đồng nghiệp luôn chia sẻ và giúp đỡ tôi khi khó khăn.	0.0	0.0	20.0	40.0	40.0	80.0	4.2
24	Đồng nghiệp các đơn vị khác luôn sẵn sàng hỗ trợ và phối hợp với tôi để hoàn thành công việc.	0.0	0.0	20.0	40.0	40.0	80.0	4.2
25	Tôi học hỏi được nhiều kiến thức và kĩ năng từ đồng nghiệp.	0.0	0.0	20.0	20.0	60.0	80.0	4.4
<b>V</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
28	Phản ánh tâm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	20.0	40.0	40.0	80.0	4.2
29	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với yêu cầu của xã hội	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.0
30	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	0.0	20.0	40.0	40.0	80.0	4.2
31	Phù hợp với điều kiện thực tế của Khoa đào tạo và Học viện	0.0	0.0	20.0	40.0	40.0	80.0	4.2
<b>VI</b>	<b>Bản mô tả CTĐT</b>							
32	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.0
33	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	0.0	20.0	80.0	100.0	4.8
34	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	20.0	20.0	60.0	80.0	4.4
35	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	20.0	20.0	60.0	80.0	4.4
<b>VII</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
36	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	20.0	20.0	60.0	80.0	4.4
37	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	100.0	4.4
38	CTĐT có gắn kết vấn đề học lý thuyết với việc thực hành, thực tập và tốt nghiệp	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	100.0	4.4
39	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của chương trình	0.0	0.0	20.0	40.0	40.0	80.0	4.2
40	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	0.0	40.0	60.0	100.0	4.6
41	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	100.0	4.4
42	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	20.0	40.0	40.0	80.0	4.2
43	CTĐT có tính linh hoạt và thuận lợi	0.0	0.0	0.0	40.0	60.0	100.0	4.6
<b>VIII</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
44	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	20.0	40.0	40.0	80.0	4.2
45	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	0.0	60.0	40.0	100.0	4.4
46	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	20.0	20.0	60.0	80.0	4.4
47	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.0
<b>IX</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
48	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.0
49	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	20.0	40.0	40.0	80.0	4.2
50	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	20.0	40.0	40.0	80.0	4.2
<b>X</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
51	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.0
52	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	20.0	20.0	60.0	80.0	4.4
53	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	0.0	20.0	40.0	40.0	80.0	4.2
54	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thỏa đáng	0.0	0.0	40.0	40.0	20.0	60.0	3.8
55	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	20.0	40.0	40.0	80.0	4.2

56	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.0
57	Quy trình quy hoạch và bổ nhiệm CBQL phù hợp và rõ ràng	0.0	0.0	20.0	20.0	60.0	80.0	4.4
<b>XI</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
60	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.0
61	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.2
62	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.0
63	Cảnh quan sự phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.0
64	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	80.0	3.8
65	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	40.0	60.0	0.0	60.0	3.6
66	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	80.0	3.8
67	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	20.0	80.0	0.0	80.0	3.8
68	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.0
69	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.0
70	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	40.0	60.0	0.0	60.0	3.6
71	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	60.0	40.0	0.0	40.0	3.4
72	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.2
<b>XII</b>	<b>Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của Học viện</b>							
73	Thầy/Cô hài lòng công việc hiện tại của mình	0.0	0.0	20.0	40.0	40.0	80.0	4.2
74	Tự hào khi làm việc tại đơn vị, tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	0.0	0.0	0.0	20.0	80.0	100.0	4.8

26. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao hiệu quả hoạt động của cán bộ quản lý?

27. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao mối quan hệ với đồng nghiệp?

58. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)

Không lần nào	20%
Từ 1 - 3 lần	60%
Từ 3 - 5 lần	20%
Hơn 5 lần	0%

59. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham dự tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước

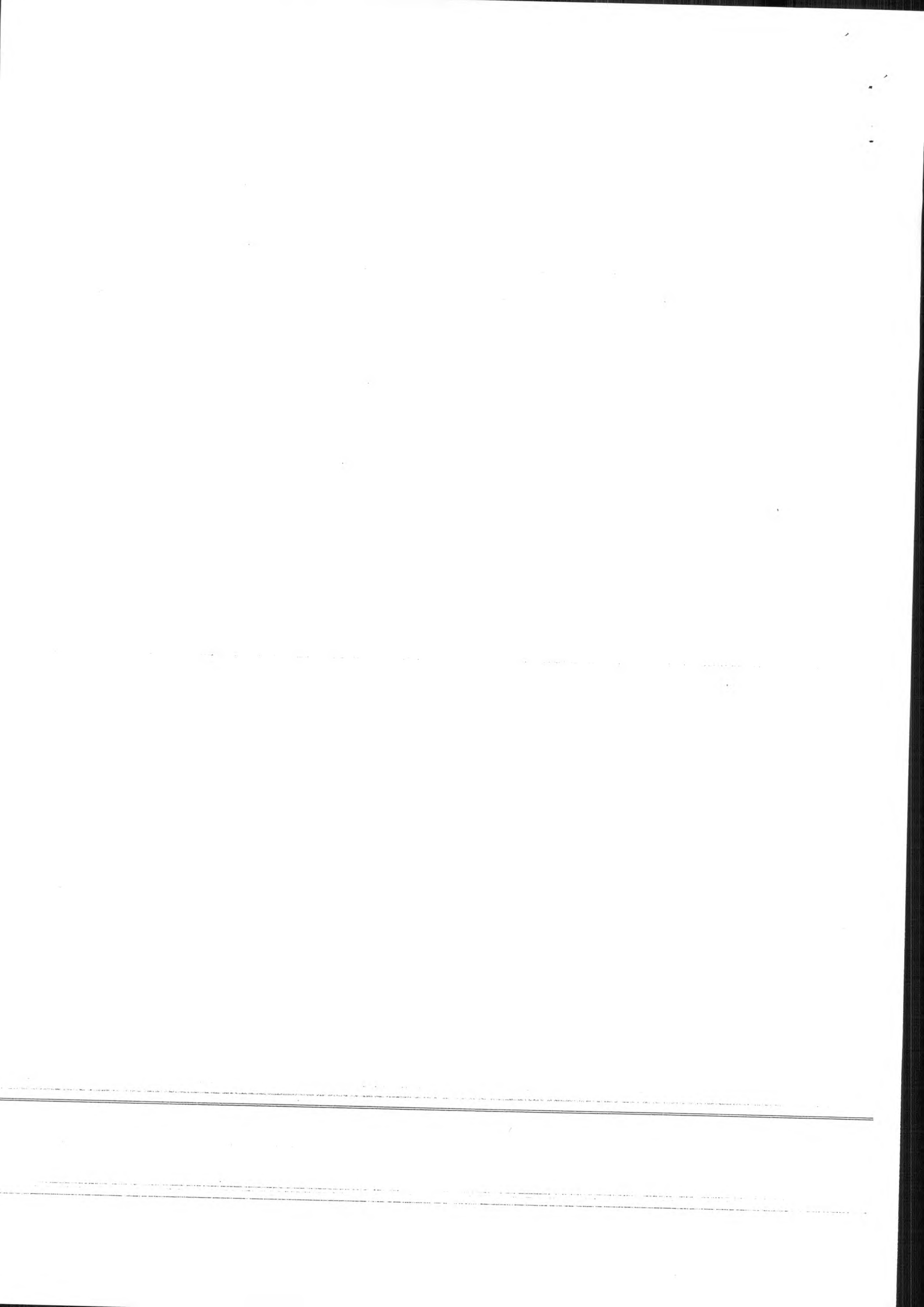
Không lần nào	0%
Từ 1 - 3 lần	80%
Từ 3 - 5 lần	20%
Hơn 5 lần	0%

75. Thầy/Cô có đề xuất gì để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện?

76. Thầy/Cô có đề xuất gì để nâng cao văn hóa chất lượng Học viện?

TRUNG TÂM KT&KĐCLĐT  
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ngọc Hoa



Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Khoa: Quan hệ quốc tế  
Số lượng gv phản hồi: 12

**PHỤ LỤC 4**

Độ tuổi	>35	35-45	<45
	59%	33%	8%

Học vị	CN	ThS	TS
	0%	58%	42%

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Lương bổng và phúc lợi</b>							
1	Viên chức và người lao động được trả lương và thưởng xứng đáng cho trách nhiệm và chất lượng công việc	0.00	8.33	25.00	58.33	8.33	66.67	3.67
2	Viên chức và người lao động hài lòng về các chính sách, chế độ cho viên chức, người lao động	0.00	0.00	16.67	58.33	25.00	83.33	4.08
3	Các hệ số phụ cấp giờ giảng, phụ cấp quản lý đào tạo... hợp lý?	0.00	0.00	33.33	50.00	16.67	66.67	3.83
4	Các khoản phụ cấp (giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ chi phí học tập/bồi dưỡng, công tác phí, chi tiêu hội nghị/hội thảo, nghỉ phép năm, v.v...) được giải quyết đầy đủ theo quy định.	0.00	0.00	16.67	50.00	33.33	83.33	4.17
5	Chính sách phúc lợi của Học viện rõ ràng. Việc hiếu hỉ, thăm hỏi, chúc mừng đầy đủ, kịp thời.	0.00	0.00	0.00	50.00	50.00	100.00	4.50
6	Được tham gia và thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BH thất nghiệp.	0.00	0.00	0.00	16.67	83.33	100.00	4.83
7	Công đoàn Học viện có chế độ hỗ trợ cho các công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn.	0.00	0.00	0.00	33.33	66.67	100.00	4.67
8	Chính sách lương và phúc lợi của Học viện khuyến khích tinh thần làm việc của các chuyên viên/giảng viên; Đảm bảo hoàn toàn cho cuộc sống.	0.00	0.00	25.00	58.33	16.67	75.00	3.92
<b>II</b>	<b>Đặc điểm công việc</b>							
9	Thầy/Cô hiểu rõ về công việc mình làm	0.00	0.00	0.00	25.00	75.00	100.00	4.75
10	Công việc phù hợp với năng lực của Thầy/Cô	0.00	0.00	0.00	25.00	75.00	100.00	4.75
11	Công việc được phân chia hợp lý	0.00	0.00	0.00	83.33	16.67	100.00	4.17
12	Áp lực công việc là vừa phải	0.00	0.00	41.67	50.00	8.33	58.33	3.67
13	Thầy/Cô yêu thích công việc của mình	0.00	0.00	0.00	41.67	58.33	100.00	4.58
<b>III</b>	<b>Lãnh đạo đơn vị trực tiếp</b>							
14	Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả công việc khách quan, công bằng.	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
15	Lãnh đạo đơn vị nắm vững các chính sách về chế độ, quy định của Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức	0.0	0.0	8.3	41.7	50.0	91.7	4.4
16	Lãnh đạo Học viện ghi nhận và khen thưởng kịp thời nỗ lực của người lao động.	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	100.0	4.3
17	Lãnh đạo đơn vị lãnh đạo và quản lý linh hoạt.	0.0	0.0	0.0	33.3	66.7	100.0	4.7
18	Lãnh đạo đơn vị giao việc hợp lý, đưa ra những tiêu chuẩn về thời hạn và chất lượng cụ thể. Tôi được trang bị phương tiện đầy đủ để làm việc.	0.0	0.0	0.0	58.3	41.7	100.0	4.4
19	Lãnh đạo đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin và nguồn lực giúp tôi hoàn thành công việc.1	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
20	Lãnh đạo đơn vị giám sát tiến độ thực hiện công việc và phản hồi kịp thời, hiệu quả nhu cầu của cấp dưới.	0.0	0.0	0.0	58.3	41.7	100.0	4.4

21	Lãnh đạo đơn vị lắng nghe và thấu hiểu cấp dưới.	0.0	0.0	8.3	41.7	50.0	91.7	4.4
<b>IV</b>	<b>Quan hệ đồng nghiệp</b>							
22	Đồng nghiệp có thái độ thân thiện và tác phong làm việc chuyên nghiệp.	0.0	0.0	8.3	50.0	41.7	91.7	4.3
23	Đồng nghiệp luôn chia sẻ và giúp đỡ tôi khi khó khăn.	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	100.0	4.3
24	Đồng nghiệp các đơn vị khác luôn sẵn sàng hỗ trợ và phối hợp với tôi để hoàn thành công việc.	0.0	0.0	0.0	58.3	41.7	100.0	4.4
25	Tôi học hỏi được nhiều kiến thức và kĩ năng từ đồng nghiệp.	0.0	0.0	0.0	58.3	41.7	100.0	4.4
<b>V</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
28	Phản ánh tâm nhìn và sử mạng của Học viện	0.0	0.0	8.3	25.0	66.7	91.7	4.6
29	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với yêu cầu của xã hội	0.0	0.0	0.0	41.7	58.3	100.0	4.6
30	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	0.0	8.3	41.7	50.0	91.7	4.4
31	Phù hợp với điều kiện thực tế của Khoa đào tạo và Học viện	0.0	0.0	8.3	33.3	58.3	91.7	4.5
<b>VI</b>	<b>Bản mô tả CTĐT</b>							
32	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	0.0	33.3	66.7	100.0	4.7
33	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	8.3	25.0	66.7	91.7	4.6
34	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	8.3	8.3	25.0	58.3	83.3	4.3
35	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	8.3	41.7	50.0	91.7	4.4
<b>VII</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
36	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	0.0	41.7	58.3	100.0	4.6
37	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
38	CTĐT có gắn kết vấn đề học lý thuyết với việc thực hành, thực tập và tốt nghiệp	0.0	0.0	0.0	33.3	66.7	100.0	4.7
39	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	0.0	8.3	33.3	58.3	91.7	4.5
40	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	0.0	8.3	91.7	100.0	4.9
41	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	0.0	25.0	75.0	100.0	4.8
42	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	8.3	25.0	66.7	91.7	4.6
43	CTĐT có tính linh hoạt và thuận lợi	0.0	0.0	0.0	41.7	58.3	100.0	4.6
<b>VIII</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
44	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	0.0	33.3	66.7	100.0	4.7
45	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
46	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	0.0	41.7	58.3	100.0	4.6
47	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	8.3	33.3	58.3	91.7	4.5
<b>IX</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
48	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.0	0.0	0.0	41.7	58.3	100.0	4.6
49	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	0.0	33.3	66.7	100.0	4.7
50	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	0.0	33.3	66.7	100.0	4.7
<b>X</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
51	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	0.0	41.7	58.3	100.0	4.6
52	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	0.0	58.3	41.7	100.0	4.4
53	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	0.0	8.3	50.0	41.7	91.7	4.3
54	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thỏa đáng	0.0	0.0	8.3	50.0	41.7	91.7	4.3
55	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	8.3	50.0	41.7	91.7	4.3



56	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	8.3	50.0	41.7	91.7	4.3
57	Quy trình quy hoạch và bổ nhiệm CBQL phù hợp và rõ ràng	0.0	0.0	8.3	50.0	41.7	91.7	4.3
<b>XI</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
60	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	0.0	58.3	41.7	100.0	4.4
61	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	0.0	58.3	41.7	100.0	4.4
62	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	0.0	58.3	41.7	100.0	4.4
63	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	0.0	16.7	83.3	100.0	4.8
64	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
65	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	16.7	41.7	41.7	83.3	4.3
66	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	8.3	0.0	58.3	33.3	91.7	4.2
67	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	16.7	25.0	58.3	83.3	4.4
68	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	8.3	50.0	41.7	91.7	4.3
69	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	8.3	50.0	41.7	91.7	4.3
70	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
71	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
72	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	0.0	0.0	33.3	66.7	100.0	4.7
<b>XII</b>	<b>Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của Học viện</b>							
73	Thầy/Cô hài lòng công việc hiện tại của mình	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
74	Tự hào khi làm việc tại đơn vị, tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	0.0	0.0	0.0	25.0	75.0	100.0	4.8

26. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao hiệu quả hoạt động của cán bộ quản lý?

Lịch tổ chức họp hành cần căn cứ vào lịch giảng dạy để giảng viên và lãnh đạo Khoa có sinh viên không phải nghỉ giờ giảng để đi họp. Có thể bớt các cuộc họp. Chọn các hình thức khác để thông tin, triển khai công việc phù hợp trong thời đại bốn chấm không.

27. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao mối quan hệ với đồng nghiệp?

Tăng cường giáo dục đạo đức nghề nghiệp Xây dựng chuẩn mực đạo đức trong nhà trường

Không nói xấu, buôn chuyện, bè phái

58. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)

Không lần nào	0%
Từ 1 - 3 lần	75%
Từ 3 - 5 lần	17%
Hơn 5 lần	8%

59. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham dự tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước

Không lần nào	0%
Từ 1 - 3 lần	50%
Từ 3 - 5 lần	33%
Hơn 5 lần	17%

75. Thầy/Cô có đề xuất gì để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện?

Đầu tư cho giảng viên nghiên cứu khoa học và hỗ trợ họ xuất bản giáo trình để có đủ giáo trình cho các môn học cơ bản

Mở rộng các môn tự chọn để đa dạng hướng phát triển kỹ năng cho sinh viên và cho các giảng viên trẻ chưa được tiếp cận nhiều với các môn học để có cơ hội cọ sát và nâng cao chuyên môn.

76. Thầy/Cô có đề xuất gì để nâng cao văn hóa chất lượng Học viện?

Nên có Quy tắc ứng xử trên mạng xã hội về những gì được phát ngôn và đăng tải trên mạng xã hội phù hợp với vị trí việc làm trong môi trường giáo dục. Xây dựng phương châm là các chuẩn giá trị văn hóa nội bộ của Học viện dựa trên những gì đang có và cả những gì hướng đến với tiêu chí cụ thể đánh giá rõ ràng.

**TRUNG TÂM KT&KĐCLĐT**  
**GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thị Ngọc Hoa**

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Khoa: Triết học  
Số lượng gv phản hồi: 6

**PHỤ LỤC 4**

<b>Độ tuổi</b>	>35	35-45	<45
	0%	67%	33%

<b>Học vị</b>	CN	ThS	TS
	0%	33%	67%

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Lương bổng và phúc lợi</b>							
1	Viên chức và người lao động được trả lương và thưởng xứng đáng cho trách nhiệm và chất lượng công việc	0.00	16.67	0.00	50.00	33.33	83.33	4.00
2	Viên chức và người lao động hài lòng về các chính sách, chế độ cho viên chức, người lao động	0.00	0.00	16.67	50.00	33.33	83.33	4.17
3	Các hệ số phụ cấp giờ giảng, phụ cấp quản lý đào tạo... hợp lý?	16.67	0.00	33.33	16.67	33.33	50.00	3.50
4	Các khoản phụ cấp (giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ chi phí học tập/bồi dưỡng, công tác phí, chi tiêu hội nghị/hội thảo, nghỉ phép năm, v.v...) được giải quyết đầy đủ theo quy định.	0.00	16.67	16.67	33.33	33.33	66.67	3.83
5	Chính sách phúc lợi của Học viện rõ ràng. Việc hiểu hi, thăm hỏi, chúc mừng đầy đủ, kịp thời.	0.00	0.00	33.33	16.67	50.00	66.67	4.17
6	Được tham gia và thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BH thất nghiệp.	0.00	0.00	0.00	16.67	83.33	100.00	4.83
7	Công đoàn Học viện có chế độ hỗ trợ cho các công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn.	0.00	0.00	16.67	16.67	66.67	83.33	4.50
8	Chính sách lương và phúc lợi của Học viện khuyến khích tinh thần làm việc của các chuyên viên/giảng viên; Đảm bảo hoàn toàn cho cuộc sống.	0.00	0.00	33.33	33.33	33.33	66.67	4.00
<b>II</b>	<b>Đặc điểm công việc</b>							
9	Thầy/Cô hiểu rõ về công việc mình làm	0.00	0.00	0.00	50.00	50.00	100.00	4.50
10	Công việc phù hợp với năng lực của Thầy/Cô	0.00	0.00	0.00	33.33	66.67	100.00	4.67
11	Công việc được phân chia hợp lý	0.00	16.67	16.67	33.33	33.33	66.67	3.83
12	Áp lực công việc là vừa phải	16.67	0.00	16.67	50.00	16.67	66.67	3.50
13	Thầy/Cô yêu thích công việc của mình	0.00	0.00	16.67	16.67	66.67	83.33	4.50
<b>III</b>	<b>Lãnh đạo đơn vị trực tiếp</b>							
14	Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả công việc khách quan, công bằng.	0.0	0.0	16.7	50.0	33.3	83.3	4.2
15	Lãnh đạo đơn vị nắm vững các chính sách về chế độ, quy định của Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	100.0	4.3
16	Lãnh đạo Học viện ghi nhận và khen thưởng kịp thời nỗ lực của người lao động.	0.0	0.0	33.3	33.3	33.3	66.7	4.0
17	Lãnh đạo đơn vị lãnh đạo và quản lý linh hoạt.	0.0	0.0	33.3	33.3	33.3	66.7	4.0
18	Lãnh đạo đơn vị giao việc hợp lý, đưa ra những tiêu chuẩn về thời hạn và chất lượng cụ thể. Tôi được trang bị phương tiện đầy đủ để làm việc.	0.0	0.0	50.0	16.7	33.3	50.0	3.8
19	Lãnh đạo đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin và nguồn lực giúp tôi hoàn thành công việc.1	0.0	0.0	33.3	33.3	33.3	66.7	4.0
20	Lãnh đạo đơn vị giám sát tiến độ thực hiện công việc và phản hồi kịp thời, hiệu quả như cầu của cấp dưới.	0.0	0.0	16.7	50.0	33.3	83.3	4.2

21	Lãnh đạo đơn vị lắng nghe và thấu hiểu cấp dưới.	0.0	0.0	33.3	33.3	33.3	66.7	4.0
<b>IV</b>	<b>Quan hệ đồng nghiệp</b>							
22	Đồng nghiệp có thái độ thân thiện và tác phong làm việc chuyên nghiệp.	0.0	0.0	16.7	50.0	33.3	83.3	4.2
23	Đồng nghiệp luôn chia sẻ và giúp đỡ tôi khi khó khăn.	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	100.0	4.3
24	Đồng nghiệp các đơn vị khác luôn sẵn sàng hỗ trợ và phối hợp với tôi để hoàn thành công việc.	0.0	0.0	33.3	33.3	33.3	66.7	4.0
25	Tôi học hỏi được nhiều kiến thức và kỹ năng từ đồng nghiệp.	0.0	0.0	33.3	33.3	33.3	66.7	4.0
<b>V</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
28	Phản ánh tâm nhìn và sử mạng của Học viện	0.0	0.0	33.3	16.7	50.0	66.7	4.2
29	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với yêu cầu của xã hội	0.0	0.0	33.3	33.3	33.3	66.7	4.0
30	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	0.0	16.7	50.0	33.3	83.3	4.2
31	Phù hợp với điều kiện thực tế của Khoa đào tạo và Học viện	0.0	0.0	33.3	33.3	33.3	66.7	4.0
<b>VI</b>	<b>Bản mô tả CTĐT</b>							
32	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	16.7	50.0	33.3	83.3	4.2
33	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	33.3	33.3	33.3	66.7	4.0
34	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	16.7	50.0	33.3	83.3	4.2
35	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	33.3	33.3	33.3	66.7	4.0
<b>VII</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
36	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	16.7	66.7	16.7	83.3	4.0
37	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	16.7	50.0	33.3	83.3	4.2
38	CTĐT có gắn kết vấn đề học lý thuyết với việc thực hành, thực tập và tốt nghiệp	0.0	0.0	16.7	66.7	16.7	83.3	4.0
39	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	0.0	16.7	50.0	33.3	83.3	4.2
40	Giảng viên được tham gia và qua trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	16.7	33.3	50.0	83.3	4.3
41	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	16.7	50.0	33.3	83.3	4.2
42	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	16.7	50.0	33.3	83.3	4.2
43	CTĐT có tính linh hoạt và thuận lợi	0.0	0.0	16.7	50.0	33.3	83.3	4.2
<b>VIII</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
44	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	33.3	33.3	33.3	66.7	4.0
45	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	33.3	33.3	33.3	66.7	4.0
46	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	16.7	50.0	33.3	83.3	4.2
47	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	33.3	33.3	33.3	66.7	4.0
<b>IX</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
48	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.0	0.0	33.3	33.3	33.3	66.7	4.0
49	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	16.7	50.0	33.3	83.3	4.2
50	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	33.3	33.3	33.3	66.7	4.0
<b>X</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
51	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	50.0	16.7	33.3	50.0	3.8
52	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	33.3	33.3	33.3	66.7	4.0
53	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	0.0	50.0	16.7	33.3	50.0	3.8
54	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thỏa đáng	0.0	16.7	33.3	16.7	33.3	50.0	3.7
55	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	16.7	33.3	16.7	33.3	50.0	3.7

56	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	16.7	33.3	16.7	33.3	50.0	3.7
57	Quy trình quy hoạch và bổ nhiệm CBQL phù hợp và rõ ràng	0.0	0.0	33.3	33.3	33.3	66.7	4.0
<b>XI</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
60	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	16.7	16.7	33.3	33.3	66.7	3.8
61	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	16.7	16.7	33.3	33.3	66.7	3.8
62	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	33.3	33.3	33.3	66.7	4.0
63	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	16.7	50.0	33.3	83.3	4.2
64	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	33.3	33.3	33.3	66.7	4.0
65	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	16.7	66.7	16.7	83.3	4.0
66	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	16.7	66.7	16.7	83.3	4.0
67	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	16.7	50.0	33.3	83.3	4.2
68	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	33.3	50.0	16.7	66.7	3.8
69	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	16.7	66.7	16.7	83.3	4.0
70	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	16.7	33.3	33.3	16.7	50.0	3.5
71	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	16.7	33.3	33.3	16.7	50.0	3.5
72	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	0.0	16.7	33.3	50.0	83.3	4.3
<b>XII</b>	<b>Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của Học viện</b>							
73	Thầy/Cô hài lòng công việc hiện tại của mình	0.0	16.7	16.7	16.7	50.0	66.7	4.0
74	Tự hào khi làm việc tại đơn vị, tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	0.0	0.0	33.3	16.7	50.0	66.7	4.2

**26. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao hiệu quả hoạt động của cán bộ quản lý?**

Đề nghị cán bộ quản lý các cấp cần quan tâm hơn nữa đến đời sống của nhân viên mình để tạo điều kiện cho nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ

sát sao và khách quan trong phân công, đánh giá hiệu quả công việc và khách quan trong công tác đánh giá cán bộ

**27. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao mối quan hệ với đồng nghiệp?**

Tất cả mọi cán bộ, GV được đánh giá công bằng, khách quan. Có nhiều hoạt động tập thể để gắn kết nhau hơn như đi nghỉ mát, thực tế...

**58. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)**

Không lần nào	0%
Từ 1 - 3 lần	100%
Từ 3 - 5 lần	0%
Hơn 5 lần	0%

**59. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham dự tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước**

Không lần nào	0%
Từ 1 - 3 lần	67%
Từ 3 - 5 lần	33%
Hơn 5 lần	0%

**75. Thầy/Cô có đề xuất gì để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện?**

Học viện cần thực hiện nghiêm quy chế học tập và giảng dạy để nâng cao chất lượng; đồng thời cải tiến cách tính chế độ cho giảng viên để khuyến khích người lao động làm việc tích cực.

tích cực lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng đào tạo, đổi mới hơn nữa phương pháp giảng dạy học và hình thức kiểm tra đánh giá

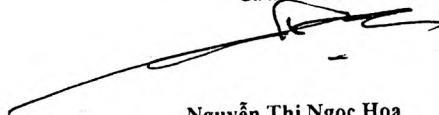
**76. Thầy/Cô có đề xuất gì để nâng cao văn hóa chất lượng Học viện?**

Học viện nên xây dựng quy định về văn hoá công sở và văn hoá học đường.

Tuyên truyền nhiều hơn nữa và có chính sách để tất cả CBGV nhận thức được tầm quan trọng của văn hoá chất lượng

Tăng cường hợp tác, đoàn kết, chia sẻ

TRUNG TÂM KT&KĐCLĐT  
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Khoa: Tư tưởng Hồ Chí Minh  
Số lượng gv phản hồi: 8

**PHỤ LỤC 4**

Độ tuổi	>35	35-45	<45
	13%	38%	49%

Học vị	CN	ThS	TS
	0%	13%	87%

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Lương bổng và phúc lợi</b>							
1	Viên chức và người lao động được trả lương và thường xứng đáng cho trách nhiệm và chất lượng công việc	0.00	12.50	37.50	50.00	0.00	50.00	3.38
2	Viên chức và người lao động hài lòng về các chính sách, chế độ cho viên chức, người lao động	0.00	12.50	37.50	50.00	0.00	50.00	3.38
3	Các hệ số phụ cấp giờ giảng, phụ cấp quản lý đào tạo... hợp lý?	0.00	12.50	50.00	37.50	0.00	37.50	3.25
4	Các khoản phụ cấp (giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ chi phí học tập/bồi dưỡng, công tác phí, chi tiêu hội nghị/hội thảo, nghỉ phép năm, v.v...) được giải quyết đầy đủ theo quy định.	0.00	12.50	25.00	62.50	0.00	62.50	3.50
5	Chính sách phúc lợi của Học viện rõ ràng. Việc hiểu hi, thăm hỏi, chúc mừng đầy đủ, kịp thời.	0.00	0.00	0.00	100.00	0.00	100.00	4.00
6	Được tham gia và thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BH thất nghiệp.	0.00	0.00	0.00	75.00	25.00	100.00	4.25
7	Công đoàn Học viện có chế độ hỗ trợ cho các công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn.	0.00	0.00	0.00	62.50	37.50	100.00	4.38
8	Chính sách lương và phúc lợi của Học viện khuyến khích tinh thần làm việc của các chuyên viên/giảng viên; Đảm bảo hoàn toàn cho cuộc sống.	0.00	12.50	50.00	37.50	0.00	37.50	3.25
<b>II</b>	<b>Đặc điểm công việc</b>							
9	Thầy/Cô hiểu rõ về công việc mình làm	0.00	0.00	0.00	25.00	75.00	100.00	4.75
10	Công việc phù hợp với năng lực của Thầy/Cô	0.00	0.00	0.00	50.00	50.00	100.00	4.50
11	Công việc được phân chia hợp lý	0.00	0.00	0.00	75.00	25.00	100.00	4.25
12	Áp lực công việc là vừa phải	0.00	12.50	12.50	50.00	25.00	75.00	3.88
13	Thầy/Cô yêu thích công việc của mình	0.00	0.00	0.00	50.00	50.00	100.00	4.50
<b>III</b>	<b>Lãnh đạo đơn vị trực tiếp</b>							
14	Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả công việc khách quan, công bằng.	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
15	Lãnh đạo đơn vị nắm vững các chính sách về chế độ, quy định của Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức	0.0	0.0	12.5	62.5	25.0	87.5	4.1
16	Lãnh đạo Học viện ghi nhận và khen thưởng kịp thời nỗ lực của người lao động.	0.0	0.0	12.5	75.0	12.5	87.5	4.0
17	Lãnh đạo đơn vị lãnh đạo và quản lý linh hoạt.	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
18	Lãnh đạo đơn vị giao việc hợp lý, đưa ra những tiêu chuẩn về thời hạn và chất lượng cụ thể. Tôi được trang bị phương tiện đầy đủ để làm việc.	0.0	12.5	12.5	50.0	25.0	75.0	3.9
19	Lãnh đạo đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin và nguồn lực giúp tôi hoàn thành công việc.	0.0	0.0	12.5	62.5	25.0	87.5	4.1
20	Lãnh đạo đơn vị giám sát tiến độ thực hiện công việc và phản hồi kịp thời, hiệu quả nhu cầu của cấp dưới.	0.0	0.0	25.0	50.0	25.0	75.0	4.0

21	Lãnh đạo đơn vị lắng nghe và thấu hiểu cấp dưới.	0.0	12.5	12.5	50.0	25.0	75.0	3.9
<b>IV</b>	<b>Quan hệ đồng nghiệp</b>							
22	Đồng nghiệp có thái độ thân thiện và tác phong làm việc chuyên nghiệp.	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
23	Đồng nghiệp luôn chia sẻ và giúp đỡ tôi khi khó khăn.	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
24	Đồng nghiệp các đơn vị khác luôn sẵn sàng hỗ trợ và phối hợp với tôi để hoàn thành công việc.	0.0	0.0	12.5	75.0	12.5	87.5	4.0
25	Tôi học hỏi được nhiều kiến thức và kĩ năng từ đồng nghiệp.	0.0	0.0	0.0	87.5	12.5	100.0	4.1
<b>V</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
28	Phản ánh tâm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
29	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với yêu cầu của xã hội	0.0	0.0	0.0	87.5	12.5	100.0	4.1
30	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	0.0	12.5	75.0	12.5	87.5	4.0
31	Phù hợp với điều kiện thực tế của Khoa đào tạo và Học viện	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
<b>VI</b>	<b>Bản mô tả CTĐT</b>							
32	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
33	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
34	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
35	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
<b>VII</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
36	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
37	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
38	CTĐT có gắn kết vấn đề học lý thuyết với việc thực hành, thực tập và tốt nghiệp	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
39	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của chương trình	0.0	0.0	0.0	62.5	37.5	100.0	4.4
40	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
41	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	0.0	62.5	37.5	100.0	4.4
42	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	0.0	87.5	12.5	100.0	4.1
43	CTĐT có tính linh hoạt và thuận lợi	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
<b>VIII</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
44	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	0.0	85.7	14.3	100.0	4.1
45	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	12.5	62.5	25.0	87.5	4.1
46	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	12.5	62.5	25.0	87.5	4.1
47	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	12.5	62.5	25.0	87.5	4.1
<b>IX</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
48	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR	0.0	0.0	37.5	37.5	25.0	62.5	3.9
49	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	25.0	50.0	25.0	75.0	4.0
50	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	12.5	62.5	25.0	87.5	4.1
<b>X</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
51	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	12.5	75.0	12.5	87.5	4.0
52	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
53	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	0.0	12.5	75.0	12.5	87.5	4.0
54	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thoả đáng	0.0	0.0	62.5	25.0	12.5	37.5	3.5
55	lọc viên thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	25.0	62.5	12.5	75.0	3.9



56	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	25.0	50.0	25.0	75.0	4.0
57	Quy trình quy hoạch và bổ nhiệm CBQL phù hợp và rõ ràng	0.0	0.0	25.0	50.0	25.0	75.0	4.0
<b>XI</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
60	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	0.0	87.5	12.5	100.0	4.1
61	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	0.0	75.0	25.0	100.0	4.3
62	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	12.5	50.0	37.5	87.5	4.3
63	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5
64	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	25.0	0.0	50.0	25.0	75.0	3.8
65	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	12.5	12.5	50.0	25.0	75.0	3.9
66	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	12.5	25.0	50.0	12.5	62.5	3.6
67	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	12.5	50.0	37.5	87.5	4.3
68	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	25.0	0.0	62.5	12.5	75.0	3.6
69	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	37.5	0.0	62.5	0.0	62.5	3.3
70	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	12.5	25.0	12.5	37.5	12.5	50.0	3.1
71	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	12.5	0.0	50.0	37.5	0.0	37.5	3.1
72	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	0.0	25.0	25.0	50.0	75.0	4.3
<b>XII</b>	<b>Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của Học viện</b>							
73	Thầy/Cô hài lòng công việc hiện tại của mình	0.0	0.0	0.0	62.5	37.5	100.0	4.4
74	Tự hào khi làm việc tại đơn vị, tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	0.0	0.0	0.0	50.0	50.0	100.0	4.5

**26. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao hiệu quả hoạt động của cán bộ quản lý?**

Cũng cần phải thực thi để thấu hiểu công việc của nhân viên phải làm, cần đồng hành cùng nhân viên để đôn đốc, giúp đỡ họ lúc khó khăn

Công việc cần có kế hoạch sớm

**27. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao mối quan hệ với đồng nghiệp?**

Khi được ghi nhận và đánh giá khách quan thì mối quan hệ giữa người này với người kia sẽ được đảm bảo, khi nhìn nhận và đánh giá thiếu khách quan thì tất yếu mâu thuẫn sẽ nảy sinh là điều không tránh khỏi.

Cần chia sẻ nhiều hơn trong công việc và cuộc sống

**58. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)**

Không lần nào	0%
Từ 1 - 3 lần	75%
Từ 3 - 5 lần	25%
Hơn 5 lần	0%


**59. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham dự tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước**

Không lần nào	0%
Từ 1 - 3 lần	63%
Từ 3 - 5 lần	25%

Hơn 5 lần	12%
-----------	-----

75. Thầy/Cô có đề xuất gì để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện?  
Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên. Nâng cao chất lượng đầu vào của người học...
76. Thầy/Cô có đề xuất gì để nâng cao văn hóa chất lượng Học viện?  
Thực hiện nghiêm các quy định, quy chế...

TRUNG TÂM KT&KĐCLĐT  
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Khoa: Tuyên truyền  
Số lượng gv phản hồi: 13

**PHỤ LỤC 4**

<b>Độ tuổi</b>	>35	35-45	<45
	0%	70%	30%

<b>Học vị</b>	CN	ThS	TS
	0%	46%	54%

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phán vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Lương bổng và phúc lợi</b>							
1	Viên chức và người lao động được trả lương và thưởng xứng đáng cho trách nhiệm và chất lượng công việc	0.00	15.38	46.15	30.77	7.69	38.46	3.31
2	Viên chức và người lao động hài lòng về các chính sách, chế độ cho viên chức, người lao động	0.00	15.38	23.08	61.54	0.00	61.54	3.46
3	Các hệ số phụ cấp giờ giảng, phụ cấp quản lý đào tạo... hợp lý?	0.00	23.08	30.77	38.46	7.69	46.15	3.31
4	Các khoản phụ cấp (giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ chi phí học tập/bồi dưỡng, công tác phí, chi tiêu hội nghị/hội thảo, nghỉ phép năm, v.v...) được giải quyết đầy đủ theo quy định.	0.00	7.69	23.08	61.54	7.69	69.23	3.69
5	Chính sách phúc lợi của Học viện rõ ràng. Việc hiểu hi, thăm hỏi, chúc mừng đầy đủ, kịp thời.	0.00	0.00	7.69	61.54	30.77	92.31	4.23
6	Được tham gia và thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BH thất nghiệp.	0.00	7.69	0.00	53.85	38.46	92.31	4.23
7	Công đoàn Học viện có chế độ hỗ trợ cho các công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn.	0.00	0.00	15.38	69.23	15.38	84.62	4.00
8	Chính sách lương và phúc lợi của Học viện khuyến khích tinh thần làm việc của các chuyên viên/giảng viên; Đảm bảo hoàn toàn cho cuộc sống.	0.00	7.69	61.54	30.77	0.00	30.77	3.23
<b>II</b>	<b>Đặc điểm công việc</b>							
9	Thầy/Cô hiểu rõ về công việc mình làm	0.00	7.69	0.00	46.15	46.15	92.31	4.31
10	Công việc phù hợp với năng lực của Thầy/Cô	0.00	7.69	0.00	69.23	23.08	92.31	4.08
11	Công việc được phân chia hợp lý	0.00	7.69	30.77	61.54	0.00	61.54	3.54
12	Áp lực công việc là vừa phải	0.00	15.38	7.69	69.23	7.69	76.92	3.69
13	Thầy/Cô yêu thích công việc của mình	0.00	7.69	0.00	23.08	69.23	92.31	4.54
<b>III</b>	<b>Lãnh đạo đơn vị trực tiếp</b>							
14	Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả công việc khách quan, công bằng.	0.0	15.4	23.1	53.8	7.7	61.5	3.5
15	Lãnh đạo đơn vị nắm vững các chính sách về chế độ, quy định của Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức	0.0	15.4	30.8	38.5	15.4	53.8	3.5
16	Lãnh đạo Học viện ghi nhận và khen thưởng kịp thời nỗ lực của người lao động.	0.0	23.1	23.1	38.5	15.4	53.8	3.5
17	Lãnh đạo đơn vị lãnh đạo và quản lý linh hoạt.	0.0	15.4	30.8	38.5	15.4	53.8	3.5
18	Lãnh đạo đơn vị giao việc hợp lý, đưa ra những tiêu chuẩn về thời hạn và chất lượng cụ thể. Tôi được trang bị phương tiện đầy đủ để làm việc.	0.0	23.1	30.8	30.8	15.4	46.2	3.4
19	Lãnh đạo đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin và nguồn lực giúp tôi hoàn thành công việc.1	0.0	0.0	30.8	46.2	23.1	69.2	3.9
20	Lãnh đạo đơn vị giám sát tiến độ thực hiện công việc và phản hồi kịp thời, hiệu quả như cầu của cấp dưới.	0.0	15.4	23.1	46.2	15.4	61.5	3.6

21	Lãnh đạo đơn vị lắng nghe và thấu hiểu cấp dưới.	0.0	23.1	23.1	30.8	23.1	53.8	3.5
<b>IV</b>	<b>Quan hệ đồng nghiệp</b>							
22	Đồng nghiệp có thái độ thân thiện và tác phong làm việc chuyên nghiệp.	0.0	7.7	15.4	46.2	30.8	76.9	4.0
23	Đồng nghiệp luôn chia sẻ và giúp đỡ tôi khi khó khăn.	0.0	15.4	7.7	30.8	46.2	76.9	4.1
24	Đồng nghiệp các đơn vị khác luôn sẵn sàng hỗ trợ và phối hợp với tôi để hoàn thành công việc.	0.0	7.7	23.1	38.5	30.8	69.2	3.9
25	Tôi học hỏi được nhiều kiến thức và kĩ năng từ đồng nghiệp.	0.0	7.7	30.8	38.5	23.1	61.5	3.8
<b>V</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
28	Phản ánh tâm nhìn và sự mạng của Học viện	0.0	7.7	38.5	46.2	7.7	53.8	3.5
29	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với yêu cầu của xã hội	0.0	7.7	53.8	30.8	7.7	38.5	3.4
30	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	7.7	46.2	38.5	7.7	46.2	3.5
31	Phù hợp với điều kiện thực tế của Khoa đào tạo và Học viện	0.0	15.4	38.5	38.5	7.7	46.2	3.4
<b>VI</b>	<b>Bản mô tả CTĐT</b>							
32	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	15.4	23.1	53.8	7.7	61.5	3.5
33	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	7.7	0.0	30.8	38.5	23.1	61.5	3.7
34	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	7.7	38.5	30.8	23.1	53.8	3.7
35	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	7.7	0.0	30.8	46.2	15.4	61.5	3.6
<b>VII</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
36	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	7.7	46.2	38.5	7.7	46.2	3.5
37	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	7.7	38.5	46.2	7.7	53.8	3.5
38	CTĐT có gắn kết vấn đề học lý thuyết với việc thực hành, thực tập và tốt nghiệp	0.0	7.7	23.1	61.5	7.7	69.2	3.7
39	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	7.7	38.5	46.2	7.7	53.8	3.5
40	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	23.1	61.5	15.4	76.9	3.9
41	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	7.7	30.8	53.8	7.7	61.5	3.6
42	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	15.4	30.8	46.2	7.7	53.8	3.5
43	CTĐT có tính linh hoạt và thuận lợi	0.0	7.7	38.5	46.2	7.7	53.8	3.5
<b>VIII</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
44	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	7.7	0.0	76.9	15.4	92.3	4.0
45	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	30.8	61.5	7.7	69.2	3.8
46	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.0	7.7	30.8	53.8	7.7	61.5	3.6
47	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	7.7	15.4	69.2	7.7	76.9	3.8
<b>IX</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
48	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.0	15.4	30.8	46.2	7.7	53.8	3.5
49	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	23.1	69.2	7.7	76.9	3.8
50	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	7.7	38.5	46.2	7.7	53.8	3.5
<b>X</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
51	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	7.7	23.1	61.5	7.7	69.2	3.7
52	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	30.8	61.5	7.7	69.2	3.8
53	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	7.7	46.2	38.5	7.7	46.2	3.5
54	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thỏa đáng	0.0	7.7	46.2	46.2	0.0	46.2	3.4
55	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	7.7	46.2	46.2	0.0	46.2	3.4

56	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	15.4	30.8	53.8	0.0	53.8	3.4
57	Quy trình quy hoạch và bổ nhiệm CBQL phù hợp và rõ ràng	15.4	15.4	7.7	46.2	15.4	61.5	3.3
<b>XI</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
60	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	30.8	46.2	23.1	69.2	3.9
61	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	7.7	15.4	61.5	15.4	76.9	3.8
62	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	30.8	46.2	23.1	69.2	3.9
63	Cảnh quan sự phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	15.4	61.5	23.1	84.6	4.1
64	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	15.4	30.8	46.2	7.7	53.8	3.5
65	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	7.7	15.4	30.8	38.5	7.7	46.2	3.2
66	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	23.1	69.2	7.7	76.9	3.8
67	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	15.4	76.9	7.7	84.6	3.9
68	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	7.7	7.7	46.2	38.5	0.0	38.5	3.2
69	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	7.7	15.4	30.8	46.2	0.0	46.2	3.2
70	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	7.7	0.0	46.2	46.2	0.0	46.2	3.3
71	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	7.7	7.7	69.2	15.4	0.0	15.4	2.9
72	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	0.0	23.1	53.8	23.1	76.9	4.0
<b>XII</b>	<b>Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của Học viện</b>							
73	Thầy/Cô hài lòng công việc hiện tại của mình	0.0	0.0	15.4	69.2	15.4	84.6	4.0
74	Tự hào khi làm việc tại đơn vị, tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	0.0	7.7	7.7	38.5	46.2	84.6	4.2

**26. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao hiệu quả hoạt động của cán bộ quản lý?**

Sử dụng tối đa phần mềm quản lý và phối hợp tất cả các đầu việc của các phòng ban thông qua phần mềm, tránh khai đi khai lại  
 Có chính kiến trước các dự luận không đúng về cán bộ, giảng viên

cần ứng dụng công nghệ nhiều hơn nữa vào công tác lãnh đạo quản lý ở tất cả các cấp độ. HV ta còn để quá nhiều khâu và nhiều cấp độ làm việc thô sơ. Thật lãng phí trí tuệ của nhân loại!

Sâu sát thực tế hơn nữa

Tăng cường quản lý bằng phần mềm để thuận lợi, khoa học

Nên quản lý bằng kết quả hơn là quản lý cơ học

**27. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao mối quan hệ với đồng nghiệp?**

Phân chia công việc, số môn giảng dạy và quyền lợi công bằng

Xây dựng văn hóa tôn trọng sự khác biệt, cởi mở và thân thiện trong Học viện

Tăng cơ chế làm việc nhóm: nghiên cứu, giảng dạy và các hoạt động khác.

Tăng cường hơn nữa việc thăm định tính khách quan của thông tin trước khi đánh giá về cán bộ

Tăng cường các hoạt động thực tế để tạo sự đoàn kết, có cơ hội hiểu và chia sẻ những khó khăn của đồng nghiệp

Thăng thân với nhau

**58. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)**

Không lần nào	15%
Từ 1 - 3 lần	77%
Từ 3 - 5 lần	8%
Hơn 5 lần	0%

**59. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham dự tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước**

Không lần nào	0%
Từ 1 - 3 lần	46%

Từ 3 - 5 lần	46%
Hơn 5 lần	8%

**75. Thầy/Cô có đề xuất gì để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện?**

HV cần tuyển dụng đội ngũ tinh hơn, ứng dụng CNTT nhiều hơn, trả thù lao cho giảng viên xứng đáng hơn, giảm bớt thủ tục hành chính, sự vụ.

Giảm bớt các môn học lạc hậu, tăng môn mang tính kỹ năng

Đề nghị thay máy chiếu vì nhiều máy hỏng mờ

Giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa nhiệm vụ chính trị và nhu cầu xã hội: thu hẹp chỉ tiêu với các ngành ít người học tăng chỉ tiêu các chuyên ngành xã hội cần, cải tiến nội dung chương trình phù hợp với chuẩn đầu ra mới.

Đổi mới và nâng cấp các phần mềm quản lý đào tạo

**76. Thầy/Cô có đề xuất gì để nâng cao văn hóa chất lượng Học viện?**

Cần xây dựng tài liệu văn hoá nội bộ làm quy chuẩn ứng xử.

Tôn trọng và đề cao vị thế của giảng viên

Về cơ bản hài lòng

Hạn chế thấp nhất các hoạt động mang tính hình thức, đối phó, kêu gọi, hô khẩu hiệu... chỉ tiến hành những công việc tạo ra sự chuyển biến thực sự về nội dung, phương pháp, đội ngũ, cơ sở vật chất để nâng cao chất lượng đào tạo.

TRUNG TÂM KT&KĐCLĐT  
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Khoa: Xây dựng Đảng  
Số lượng gv phản hồi: 11

PHỤ LỤC 4

Độ tuổi	>35	35-45	<45
	9%	36%	55%

Học vị	CN	ThS	TS
	0%	18%	82%

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Lương bổng và phúc lợi</b>							
1	Viên chức và người lao động được trả lương và thưởng xứng đáng cho trách nhiệm và chất lượng công việc	0.00	18.18	27.27	54.55	0.00	54.55	3.36
2	Viên chức và người lao động hài lòng về các chính sách, chế độ cho viên chức, người lao động	0.00	9.09	36.36	45.45	9.09	54.55	3.55
3	Các hệ số phụ cấp giờ giảng, phụ cấp quản lý đào tạo... hợp lý?	0.00	18.18	36.36	36.36	9.09	45.45	3.36
4	Các khoản phụ cấp (giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ chi phí học tập/bồi dưỡng, công tác phí, chi tiêu hội nghị/hội thảo, nghỉ phép năm, v.v...) được giải quyết đầy đủ theo quy định.	0.00	9.09	27.27	45.45	18.18	63.64	3.73
5	Chính sách phúc lợi của Học viện rõ ràng. Việc hiểu hi, thăm hỏi, chúc mừng đầy đủ, kịp thời.	0.00	0.00	9.09	63.64	27.27	90.91	4.18
6	Được tham gia và thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BH thất nghiệp.	0.00	0.00	0.00	54.55	45.45	100.00	4.45
7	Công đoàn Học viện có chế độ hỗ trợ cho các công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn.	0.00	0.00	18.18	54.55	27.27	81.82	4.09
8	Chính sách lương và phúc lợi của Học viện khuyến khích tinh thần làm việc của các chuyên viên/giảng viên; Đảm bảo hoàn toàn cho cuộc sống.	0.00	27.27	27.27	36.36	9.09	45.45	3.27
<b>II</b>	<b>Đặc điểm công việc</b>							
9	Thầy/Cô hiểu rõ về công việc mình làm	0.00	0.00	0.00	18.18	81.82	100.00	4.82
10	Công việc phù hợp với năng lực của Thầy/Cô	0.00	0.00	9.09	63.64	27.27	90.91	4.18
11	Công việc được phân chia hợp lý	0.00	0.00	18.18	63.64	18.18	81.82	4.00
12	Áp lực công việc là vừa phải	0.00	0.00	27.27	54.55	18.18	72.73	3.91
13	Thầy/Cô yêu thích công việc của mình	0.00	0.00	0.00	36.36	63.64	100.00	4.64
<b>III</b>	<b>Lãnh đạo đơn vị trực tiếp</b>							
14	Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả công việc khách quan, công bằng.	0.0	0.0	27.3	36.4	36.4	72.7	4.1
15	Lãnh đạo đơn vị nắm vững các chính sách về chế độ, quy định của Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức	0.0	0.0	0.0	54.5	45.5	100.0	4.5
16	Lãnh đạo Học viện ghi nhận và khen thưởng kịp thời nỗ lực của người lao động.	0.0	0.0	27.3	45.5	27.3	72.7	4.0
17	Lãnh đạo đơn vị lãnh đạo và quản lý linh hoạt	0.0	0.0	18.2	45.5	36.4	81.8	4.2
18	Lãnh đạo đơn vị giao việc hợp lý, đưa ra những tiêu chuẩn về thời hạn và chất lượng cụ thể. Tôi được trang bị phương tiện đầy đủ để làm việc.	0.0	0.0	36.4	36.4	27.3	63.6	3.9
19	Lãnh đạo đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin và nguồn lực giúp tôi hoàn thành công việc.1	0.0	0.0	27.3	27.3	45.5	72.7	4.2
20	Lãnh đạo đơn vị giám sát tiến độ thực hiện công việc và phản hồi kịp thời, hiệu quả nhu cầu của cấp dưới.	0.0	0.0	0.0	54.5	45.5	100.0	4.5

21	Lãnh đạo đơn vị lắng nghe và thấu hiểu cấp dưới.	0.0	0.0	27.3	45.5	27.3	72.7	4.0
<b>IV</b>	<b>Quan hệ đồng nghiệp</b>							
22	Đồng nghiệp có thái độ thân thiện và tác phong làm việc chuyên nghiệp.	0.0	0.0	0.0	63.6	36.4	100.0	4.4
23	Đồng nghiệp luôn chia sẻ và giúp đỡ tôi khi khó khăn.	0.0	0.0	18.2	45.5	36.4	81.8	4.2
24	Đồng nghiệp các đơn vị khác luôn sẵn sàng hỗ trợ và phối hợp với tôi để hoàn thành công việc.	0.0	0.0	9.1	72.7	18.2	90.9	4.1
25	Tôi học hỏi được nhiều kiến thức và kĩ năng từ đồng nghiệp.	0.0	0.0	9.1	63.6	27.3	90.9	4.2
<b>V</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
28	Phản ánh tâm nhìn và sử mạng của Học viện	0.0	0.0	18.2	63.6	18.2	81.8	4.0
29	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với yêu cầu của xã hội	0.0	0.0	18.2	63.6	18.2	81.8	4.0
30	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	0.0	36.4	54.5	9.1	63.6	3.7
31	Phù hợp với điều kiện thực tế của Khoa đào tạo và Học viện	0.0	0.0	18.2	54.5	27.3	81.8	4.1
<b>VI</b>	<b>Bản mô tả CTĐT</b>							
32	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	18.2	54.5	27.3	81.8	4.1
33	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	9.1	18.2	36.4	36.4	72.7	4.0
34	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	27.3	36.4	36.4	72.7	4.1
35	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	27.3	36.4	36.4	72.7	4.1
<b>VII</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
36	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	9.1	72.7	18.2	90.9	4.1
37	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	27.3	54.5	18.2	72.7	3.9
38	CTĐT có gắn kết vấn đề học lý thuyết với việc thực hành, thực tập và tốt nghiệp	0.0	9.1	18.2	45.5	27.3	72.7	3.9
39	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của chương trình	0.0	0.0	27.3	45.5	27.3	72.7	4.0
40	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	27.3	27.3	45.5	72.7	4.2
41	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	27.3	36.4	36.4	72.7	4.1
42	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	27.3	54.5	18.2	72.7	3.9
43	CTĐT có tính linh hoạt và thuận lợi	0.0	0.0	18.2	63.6	18.2	81.8	4.0
<b>VIII</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
44	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	9.1	63.6	27.3	90.9	4.2
45	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	18.2	63.6	18.2	81.8	4.0
46	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	18.2	63.6	18.2	81.8	4.0
47	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	27.3	54.5	18.2	72.7	3.9
<b>IX</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
48	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR	0.0	0.0	27.3	63.6	9.1	72.7	3.8
49	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	27.3	63.6	9.1	72.7	3.8
50	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	27.3	63.6	9.1	72.7	3.8
<b>X</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
51	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	36.4	45.5	18.2	63.6	3.8
52	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	27.3	45.5	27.3	72.7	4.0
53	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	0.0	18.2	54.5	27.3	81.8	4.1
54	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thỏa đáng	0.0	9.1	18.2	63.6	9.1	72.7	3.7
55	Học viên thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	27.3	54.5	18.2	72.7	3.9



56	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	45.5	36.4	18.2	54.5	3.7
57	Quy trình quy hoạch và bổ nhiệm CBQL phù hợp và rõ ràng	0.0	0.0	36.4	54.5	9.1	63.6	3.7
<b>XI</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
60	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	18.2	72.7	9.1	81.8	3.9
61	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	18.2	63.6	18.2	81.8	4.0
62	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	18.2	63.6	18.2	81.8	4.0
63	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	18.2	63.6	18.2	81.8	4.0
64	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	36.4	63.6	0.0	63.6	3.6
65	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	9.1	27.3	63.6	0.0	63.6	3.5
66	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	27.3	72.7	0.0	72.7	3.7
67	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	27.3	72.7	0.0	72.7	3.7
68	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	9.1	18.2	63.6	9.1	72.7	3.7
69	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	18.2	18.2	54.5	9.1	63.6	3.5
70	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	9.1	27.3	63.6	0.0	63.6	3.5
71	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	18.2	18.2	63.6	0.0	63.6	3.5
72	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khoẻ và an toàn	0.0	0.0	27.3	63.6	9.1	72.7	3.8
<b>XII</b>	<b>Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của Học viện</b>							
73	Thầy/Cô hài lòng công việc hiện tại của mình	0.0	0.0	0.0	90.9	9.1	100.0	4.1
74	Tự hào khi làm việc tại đơn vị, tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	0.0	0.0	0.0	45.5	54.5	100.0	4.5

26. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao hiệu quả hoạt động của cán bộ quản lý?

khách quan, công tâm, dân chủ, công bằng

Minh bạch và trách nhiệm giải trình

Công tâm, minh bạch

27. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao mối quan hệ với đồng nghiệp?

tạo môi trường làm việc thân thiện

gắn lợi ích và trách nhiệm

Chân thành, thiện chí

Tổ chức xây dựng các công việc có tính kết nối

58. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)

Không lần nào	0%
Từ 1 - 3 lần	91%
Từ 3 - 5 lần	9%
Hơn 5 lần	0%

59. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham dự tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước

Không lần nào	0%
Từ 1 - 3 lần	82%
Từ 3 - 5 lần	18%
Hơn 5 lần	0%

75. Thầy/Cô có đề xuất gì để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện?

Đổi mới nội dung, chương trình đào tạo theo hướng đáp ứng yêu cầu xã hội

Lãnh đạo cần quan tâm hơn đến đầu tư cho nghiên cứu khoa học phục vụ giảng dạy và học tập; quan tâm cải thiện điều kiện sinh hoạt và học hỏi cho sinh viên ở ký túc xá ( cung cấp điện, nước, internet, đảm bảo an ninh, trật tự).

Quan tâm đào tạo những người thầy giỏi, tạo môi trường, điều kiện cho họ cống hiến làm việc lành mạnh sẽ có nhiều người trò giỏi, nhiều người tìm đến Học viện học tập

Tăng thu nhập

Chú ý đầu tư vào đội ngũ giảng viên

**76. Thầy/Cô có đề xuất gì để nâng cao văn hóa chất lượng Học viện?**

Nâng cao mức thu nhập cho CBCNV nhà trường

Cần tăng cường giáo dục nếp sống và văn hóa giao tiếp cho sinh viên

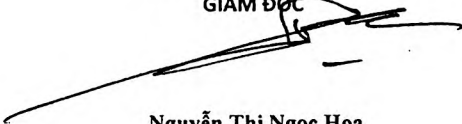
Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức của người Thầy giáo tận tâm với nghề

Ban hành bộ quy tắc về văn hoá ứng xử, có chế tài phù hợp

Gương mẫu

TRUNG TÂM KT&KĐCLĐT

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Khoa: Xã hội học và Phát triển

Số lượng gv phản hồi: 7

**PHỤ LỤC 4**

Độ tuổi	>35	35-45	<45
	14%	72%	14%

Học vị	CN	ThS	TS
	0%	43%	57%

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Lương bổng và phúc lợi</b>							
1	Viên chức và người lao động được trả lương và thưởng xứng đáng cho trách nhiệm và chất lượng công việc	0.00	14.29	28.57	57.14	0.00	57.14	3.43
2	Viên chức và người lao động hài lòng về các chính sách, chế độ cho viên chức, người lao động	0.00	14.29	28.57	42.86	14.29	57.14	3.57
3	Các hệ số phụ cấp giờ giảng, phụ cấp quản lý đào tạo... hợp lý?	0.00	14.29	28.57	42.86	14.29	57.14	3.57
4	Các khoản phụ cấp (giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ chi phí học tập/bồi dưỡng, công tác phí, chi tiêu hội nghị/hội thảo, nghỉ phép năm, v.v...) được giải quyết đầy đủ theo quy định.	0.00	28.57	0.00	42.86	28.57	71.43	3.71
5	Chính sách phúc lợi của Học viện rõ ràng. Việc hiểu hi, thăm hỏi, chúc mừng đầy đủ, kịp thời.	0.00	14.29	0.00	71.43	14.29	85.71	3.86
6	Được tham gia và thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BH thất nghiệp.	0.00	0.00	0.00	42.86	57.14	100.00	4.57
7	Công đoàn Học viện có chế độ hỗ trợ cho các công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn.	0.00	0.00	14.29	57.14	28.57	85.71	4.14
8	Chính sách lương và phúc lợi của Học viện khuyến khích tinh thần làm việc của các chuyên viên/giảng viên; Đảm bảo hoàn toàn cho cuộc sống.	28.57	0.00	28.57	28.57	14.29	42.86	3.00
<b>II</b>	<b>Đặc điểm công việc</b>							
9	Thầy/Cô hiểu rõ về công việc mình làm	0.00	0.00	0.00	28.57	71.43	100.00	4.71
10	Công việc phù hợp với năng lực của Thầy/Cô	0.00	0.00	0.00	28.57	71.43	100.00	4.71
11	Công việc được phân chia hợp lý	0.00	0.00	42.86	28.57	28.57	57.14	3.86
12	Áp lực công việc là vừa phải	0.00	14.29	28.57	57.14	0.00	57.14	3.43
13	Thầy/Cô yêu thích công việc của mình	0.00	0.00	0.00	42.86	57.14	100.00	4.57
<b>III</b>	<b>Lãnh đạo đơn vị trực tiếp</b>							
14	Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả công việc khách quan, công bằng.	0.0	0.0	42.9	42.9	14.3	57.1	3.7
15	Lãnh đạo đơn vị nắm vững các chính sách về chế độ, quy định của Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức	0.0	0.0	28.6	42.9	28.6	71.4	4.0
16	Lãnh đạo Học viện ghi nhận và khen thưởng kịp thời nỗ lực của người lao động.	0.0	14.3	42.9	28.6	14.3	42.9	3.4
17	Lãnh đạo đơn vị lãnh đạo và quản lý linh hoạt	0.0	0.0	42.9	28.6	28.6	57.1	3.9
18	Lãnh đạo đơn vị giao việc hợp lý, đưa ra những tiêu chuẩn về thời hạn và chất lượng cụ thể. Tôi được trang bị phương tiện đầy đủ để làm việc.	0.0	0.0	42.9	42.9	14.3	57.1	3.7
19	Lãnh đạo đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin và nguồn lực giúp tôi hoàn thành công việc.1	0.0	0.0	28.6	57.1	14.3	71.4	3.9
20	Lãnh đạo đơn vị giám sát tiến độ thực hiện công việc và phản hồi kịp thời, hiệu quả nhu cầu của cấp dưới.	0.0	0.0	57.1	42.9	0.0	42.9	3.4

21	Lãnh đạo đơn vị lắng nghe và thấu hiểu cấp dưới.	0.0	14.3	42.9	28.6	14.3	42.9	3.4
<b>IV</b>	<b>Quan hệ đồng nghiệp</b>							
22	Đồng nghiệp có thái độ thân thiện và tác phong làm việc chuyên nghiệp.	0.0	0.0	42.9	28.6	28.6	57.1	3.9
23	Đồng nghiệp luôn chia sẻ và giúp đỡ tôi khi khó khăn.	0.0	0.0	42.9	42.9	14.3	57.1	3.7
24	Đồng nghiệp các đơn vị khác luôn sẵn sàng hỗ trợ và phối hợp với tôi để hoàn thành công việc.	0.0	0.0	42.9	28.6	28.6	57.1	3.9
25	Tôi học hỏi được nhiều kiến thức và kĩ năng từ đồng nghiệp.	0.0	0.0	28.6	42.9	28.6	71.4	4.0
<b>V</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
28	Phản ánh tâm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	0.0	71.4	28.6	100.0	4.3
29	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với yêu cầu của xã hội	0.0	0.0	0.0	71.4	28.6	100.0	4.3
30	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	0.0	0.0	71.4	28.6	100.0	4.3
31	Phù hợp với điều kiện thực tế của Khoa đào tạo và Học viện	0.0	0.0	14.3	57.1	28.6	85.7	4.1
<b>VI</b>	<b>Bản mô tả CTĐT</b>							
32	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	0.0	71.4	28.6	100.0	4.3
33	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	28.6	28.6	42.9	71.4	4.1
34	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	14.3	57.1	28.6	85.7	4.1
35	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	42.9	42.9	14.3	57.1	3.7
<b>VII</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
36	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	0.0	71.4	28.6	100.0	4.3
37	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	0.0	57.1	42.9	100.0	4.4
38	CTĐT có gắn kết vấn đề học lý thuyết với việc thực hành, thực tập và tốt nghiệp	0.0	0.0	0.0	71.4	28.6	100.0	4.3
39	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CĐR của chương trình	0.0	0.0	0.0	57.1	42.9	100.0	4.4
40	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	0.0	42.9	57.1	100.0	4.6
41	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	0.0	42.9	57.1	100.0	4.6
42	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	14.3	57.1	28.6	85.7	4.1
43	CTĐT có tính linh hoạt và thuận lợi	0.0	0.0	14.3	57.1	28.6	85.7	4.1
<b>VIII</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
44	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	28.6	42.9	28.6	71.4	4.0
45	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	0.0	71.4	28.6	100.0	4.3
46	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CĐR	0.0	0.0	0.0	57.1	42.9	100.0	4.4
47	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	14.3	57.1	28.6	85.7	4.1
<b>IX</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
48	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CĐR	0.0	0.0	0.0	85.7	14.3	100.0	4.1
49	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	0.0	100.0	0.0	100.0	4.0
50	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	14.3	57.1	28.6	85.7	4.1
<b>X</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
51	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	14.3	71.4	14.3	85.7	4.0
52	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	0.0	85.7	14.3	100.0	4.1
53	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	0.0	14.3	71.4	14.3	85.7	4.0
54	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thỏa đáng	0.0	14.3	42.9	28.6	14.3	42.9	3.4
55	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	42.9	42.9	14.3	57.1	3.7

56	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	0.0	0.0	57.1	28.6	14.3	42.9	3.6
57	Quy trình quy hoạch và bổ nhiệm CBQL phù hợp và rõ ràng	0.0	0.0	42.9	28.6	28.6	57.1	3.9
<b>XI</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
60	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	28.6	42.9	28.6	71.4	4.0
61	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	14.3	57.1	28.6	85.7	4.1
62	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	14.3	57.1	28.6	85.7	4.1
63	Cảnh quan sự phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	0.0	57.1	42.9	100.0	4.4
64	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	14.3	57.1	28.6	85.7	4.1
65	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	28.6	57.1	14.3	71.4	3.9
66	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	42.9	42.9	14.3	57.1	3.7
67	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	0.0	71.4	28.6	100.0	4.3
68	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	14.3	28.6	42.9	14.3	57.1	3.6
69	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	14.3	28.6	42.9	14.3	57.1	3.6
70	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	14.3	14.3	71.4	0.0	71.4	3.6
71	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	14.3	28.6	57.1	0.0	57.1	3.4
72	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	0.0	0.0	57.1	42.9	100.0	4.4
<b>XII</b>	<b>Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của Học viện</b>							
73	Thầy/Cô hài lòng công việc hiện tại của mình	0.0	0.0	0.0	71.4	28.6	100.0	4.3
74	Tự hào khi làm việc tại đơn vị, tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	0.0	0.0	0.0	57.1	42.9	100.0	4.4

**26. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao hiệu quả hoạt động của cán bộ quản lý?**

Phần mềm quản lý cần có sự liên thông

Lãnh đạo Cần lắng nghe và tự kiểm điểm bản thân hơn nữa

Cán bộ quản lý cần sâu sát hơn trong phân công, kiểm tra, giám sát các hoạt động đã triển khai. Cần gương mẫu, đi đầu trong việc thực hiện, hoàn thành các nhiệm vụ.

**27. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao mối quan hệ với đồng nghiệp?**

Cần tạo cơ chế, điều kiện, môi trường để các đồng nghiệp muốn và sẵn sàng hợp tác, phối hợp nhịp nhàng trong công việc

**58. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)**

Không lần nào	0%
Từ 1 - 3 lần	100%
Từ 3 - 5 lần	0%
Hơn 5 lần	0%

**59. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham dự tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước**

Không lần nào	0%
Từ 1 - 3 lần	14%
Từ 3 - 5 lần	58%
Hơn 5 lần	28%

**75. Thầy/Cô có đề xuất gì để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện?**

Hệ thống internet trên giảng đường cần được nâng cấp. Hệ thống loa, mic nên được kiểm tra thường xuyên hơn

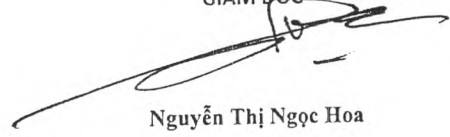
Cần hỗ trợ cho các khoa nhiều hơn trong hoạt động đưa sinh viên đi thực hành tại cơ sở

Thư viện cần mở hơn nữa, liên kết với nhiều thư viện khác để giảng viên và sinh viên có thể tiếp cận tài liệu phục vụ dạy học dễ dàng hơn. Hệ thống mạng cần mạnh hơn và bảo mật các thông tin tại Học viện.

**76. Thầy/Cô có đề xuất gì để nâng cao văn hóa chất lượng Học viện?**

Cần cải tiến nhà vệ sinh, có đội ngũ lau dọn khu vệ sinh sạch sẽ thường xuyên

TRUNG TÂM KT&KĐCLĐT  
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Hà Nội, ngày tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Khoa: Xuất Bản  
Số lượng gv phản hồi: 9

**PHỤ LỤC 4**

Độ tuổi	>35	35-45	<45
	0%	56%	44%

Học vị	CN	ThS	TS
	0%	33%	67%

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Lương bổng và phúc lợi</b>							
1	Viên chức và người lao động được trả lương và thưởng xứng đáng cho trách nhiệm và chất lượng công việc	0.00	0.00	55.56	22.22	22.22	44.44	3.67
2	Viên chức và người lao động hài lòng về các chính sách, chế độ cho viên chức, người lao động	0.00	0.00	55.56	22.22	22.22	44.44	3.67
3	Các hệ số phụ cấp giờ giảng, phụ cấp quản lý đào tạo... hợp lý?	0.00	11.11	44.44	22.22	22.22	44.44	3.56
4	Các khoản phụ cấp (giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ chi phí học tập/bồi dưỡng, công tác phí, chi tiêu hội nghị/hội thảo, nghỉ phép năm, v.v...) được giải quyết đầy đủ theo quy định.	0.00	0.00	11.11	66.67	22.22	88.89	4.11
5	Chính sách phúc lợi của Học viện rõ ràng. Việc hiểu hi, thăm hỏi, chúc mừng đầy đủ, kịp thời.	0.00	0.00	0.00	77.78	22.22	100.00	4.22
6	Được tham gia và thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BH thất nghiệp.	0.00	0.00	0.00	33.33	66.67	100.00	4.67
7	Công đoàn Học viện có chế độ hỗ trợ cho các công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn.	0.00	0.00	0.00	55.56	44.44	100.00	4.44
8	Chính sách lương và phúc lợi của Học viện khuyến khích tinh thần làm việc của các chuyên viên/giảng viên; Đảm bảo hoàn toàn cho cuộc sống.	0.00	0.00	55.56	22.22	22.22	44.44	3.67
<b>II</b>	<b>Đặc điểm công việc</b>							
9	Thầy/Cô hiểu rõ về công việc mình làm	0.00	0.00	0.00	33.33	66.67	100.00	4.67
10	Công việc phù hợp với năng lực của Thầy/Cô	0.00	0.00	0.00	33.33	66.67	100.00	4.67
11	Công việc được phân chia hợp lý	0.00	0.00	33.33	44.44	22.22	66.67	3.89
12	Áp lực công việc là vừa phải	0.00	22.22	22.22	33.33	22.22	55.56	3.56
13	Thầy/Cô yêu thích công việc của mình	0.00	0.00	0.00	55.56	44.44	100.00	4.44
<b>III</b>	<b>Lãnh đạo đơn vị trực tiếp</b>							
14	Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả công việc khách quan, công bằng.	0.0	0.0	0.0	55.6	44.4	100.0	4.4
15	Lãnh đạo đơn vị nắm vững các chính sách về chế độ, quy định của Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức	0.0	0.0	0.0	55.6	44.4	100.0	4.4
16	Lãnh đạo Học viện ghi nhận và khen thưởng kịp thời nỗ lực của người lao động.	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	100.0	4.3
17	Lãnh đạo đơn vị lãnh đạo và quản lý linh hoạt.	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	100.0	4.3
18	Lãnh đạo đơn vị giao việc hợp lý, đưa ra những tiêu chuẩn về thời hạn và chất lượng cụ thể. Tôi được trang bị phương tiện đầy đủ để làm việc.	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	100.0	4.3
19	Lãnh đạo đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin và nguồn lực giúp tôi hoàn thành công việc.	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	100.0	4.3
20	Lãnh đạo đơn vị giám sát tiến độ thực hiện công việc và phản hồi kịp thời, hiệu quả nhu cầu của cấp dưới.	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	100.0	4.3

21	Lãnh đạo đơn vị lắng nghe và thấu hiểu cấp dưới.	0.0	0.0	22.2	44.4	33.3	77.8	4.1
<b>IV</b>	<b>Quan hệ đồng nghiệp</b>							
22	Đồng nghiệp có thái độ thân thiện và tác phong làm việc chuyên nghiệp.	0.0	0.0	11.1	55.6	33.3	88.9	4.2
23	Đồng nghiệp luôn chia sẻ và giúp đỡ tôi khi khó khăn.	0.0	0.0	0.0	55.6	44.4	100.0	4.4
24	Đồng nghiệp các đơn vị khác luôn sẵn sàng hỗ trợ và phối hợp với tôi để hoàn thành công việc.	0.0	0.0	22.2	55.6	22.2	77.8	4.0
25	Tôi học hỏi được nhiều kiến thức và kĩ năng từ đồng nghiệp.	0.0	0.0	0.0	55.6	44.4	100.0	4.4
<b>V</b>	<b>Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
28	Phản ánh tầm nhìn và sứ mạng của Học viện	0.0	0.0	11.1	66.7	22.2	88.9	4.1
29	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với yêu cầu của xã hội	0.0	0.0	11.1	66.7	22.2	88.9	4.1
30	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	0.0	22.2	55.6	22.2	77.8	4.0
31	Phù hợp với điều kiện thực tế của Khoa đào tạo và Học viện	0.0	0.0	22.2	55.6	22.2	77.8	4.0
<b>VI</b>	<b>Bản mô tả CTĐT</b>							
32	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	11.1	66.7	22.2	88.9	4.1
33	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	100.0	4.3
34	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	11.1	55.6	33.3	88.9	4.2
35	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	11.1	55.6	33.3	88.9	4.2
<b>VII</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
36	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	0.0	77.8	22.2	100.0	4.2
37	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	11.1	66.7	22.2	88.9	4.1
38	CTĐT có gắn kết vấn đề học lý thuyết với việc thực hành, thực tập và tốt nghiệp	0.0	0.0	25.0	37.5	37.5	75.0	4.1
39	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	0.0	11.1	66.7	22.2	88.9	4.1
40	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	100.0	4.3
41	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	0.0	77.8	22.2	100.0	4.2
42	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	0.0	77.8	22.2	100.0	4.2
43	CTĐT có tính linh hoạt và thuận lợi	0.0	0.0	22.2	55.6	22.2	77.8	4.0
<b>VIII</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
44	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	0.0	77.8	22.2	100.0	4.2
45	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	11.1	55.6	33.3	88.9	4.2
46	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	11.1	55.6	33.3	88.9	4.2
47	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	11.1	55.6	33.3	88.9	4.2
<b>IX</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
48	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.0	0.0	0.0	77.8	22.2	100.0	4.2
49	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	11.1	66.7	22.2	88.9	4.1
50	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	0.0	88.9	11.1	100.0	4.1
<b>X</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
51	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	22.2	66.7	11.1	77.8	3.9
52	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	0.0	0.0	77.8	22.2	100.0	4.2
53	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	0.0	11.1	66.7	22.2	88.9	4.1
54	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thỏa đáng	0.0	0.0	44.4	44.4	11.1	55.6	3.7
55	Học viện thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	0.0	22.2	55.6	22.2	77.8	4.0



56	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhân)	0.0	0.0	11.1	77.8	11.1	88.9	4.0
57	Quy trình quy hoạch và bổ nhiệm CBQL phù hợp và rõ ràng	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	100.0	4.3
<b>XI</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
60	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	33.3	55.6	11.1	66.7	3.8
61	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	11.1	77.8	11.1	88.9	4.0
62	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	11.1	66.7	22.2	88.9	4.1
63	Cảnh quan sư phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	11.1	55.6	33.3	88.9	4.2
64	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	0.0	22.2	66.7	11.1	77.8	3.9
65	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	33.3	55.6	11.1	66.7	3.8
66	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	11.1	77.8	11.1	88.9	4.0
67	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	11.1	0.0	66.7	22.2	88.9	4.0
68	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	22.2	66.7	11.1	77.8	3.9
69	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	11.1	77.8	11.1	88.9	4.0
70	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	11.1	33.3	44.4	11.1	55.6	3.6
71	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	22.2	33.3	33.3	11.1	44.4	3.3
72	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	0.0	11.1	44.4	44.4	88.9	4.3
<b>XII</b>	<b>Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của Học viện</b>							
73	Thầy/Cô hài lòng công việc hiện tại của mình	0.0	0.0	0.0	88.9	11.1	100.0	4.1
74	Tự hào khi làm việc tại đơn vị, tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	0.0	0.0	0.0	66.7	33.3	100.0	4.3

**26. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao hiệu quả hoạt động của cán bộ quản lý?**

Đặt hợp thư công việc, liên hệ giải quyết qua các công cụ trực tuyến

Mọi công việc cần có kế hoạch. Nên có kế hoạch càng lâu dài (theo năm học hoặc năm tài chính), theo học kỳ và theo tháng. Việc có kế hoạch vô cùng quan trọng trong sự chủ động công việc từ mỗi giảng viên, mỗi khoa/phòng/ban

CBQL cần được phân định rõ chức năng, nhiệm vụ quản lý ở 1 số đơn vị như Ban QLĐT, Phòng CTCT, Ban Thanh tra, TT Khảo thí và KĐCLĐT

**27. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao mối quan hệ với đồng nghiệp?**

Tổ chức vui chơi, câu lạc bộ

Thăng thân, chân thành, trung thực, không đổ lỗi

**58. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)**

Không lần nào	11%
Từ 1 - 3 lần	89%
Từ 3 - 5 lần	0%
Hơn 5 lần	0%

**59. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham dự tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước**

Không lần nào	0%
Từ 1 - 3 lần	78%
Từ 3 - 5 lần	11%
Hơn 5 lần	11%

**75. Thầy/Cô có đề xuất gì để cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo của Học viện?**

Hệ thống, quy chuẩn rõ ràng, thực hiện đồng bộ từng bước

Lãnh đạo, giảng viên, chuyên viên ...toàn hệ thống đồng lòng phấn đấu nhiều hơn nữa để Hvbctt ngày càng phát triển. Chú trọng khâu xét tuyển sinh viên đầu vào cần có chất lượng học tập hoặc thi tuyển thật tốt thì mới tạo ra chất lượng đào tạo của Học viện

**76. Thầy/Cô có đề xuất gì để nâng cao văn hóa chất lượng Học viện?**

Sinh viên cần xác định rõ giá trị cốt lõi của Học viện để từ đó có hướng phấn đấu đạo đức, phẩm chất theo định hướng từ giá trị cốt lõi mà Học viện xây dựng. Hiện nay, sinh viên Học viện đang hiểu chung chung theo cách "phong cách của HVBC là năng động". Điều này chưa đủ và quá chung chung vì sv thời nay ở đâu cũng năng động. HV BC cần tìm được cái riêng làm nên Phong cách, Thương hiệu riêng của HVBC, lấy đó làm chuẩn văn hóa để mỗi sv và gv phấn đấu.

**TRUNG TÂM KT&KĐCLĐT  
GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Thị Ngọc Hoa**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT GIÁNG VIÊN VỀ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO**

Viện: Báo chí  
Số lượng gv phản hồi: 15

**PHỤ LỤC 4**

Độ tuổi	>35	35-45	<45
	20%	40%	40%

Học vị	CN	ThS	TS
	0%	47%	53%

Thang đánh giá: 1. Hoàn toàn không hài lòng 2. Cơ bản không hài lòng 3. Phân vân  
4. Cơ bản hài lòng 5. Hoàn toàn hài lòng

STT	Nội dung	1 (%)	2 (%)	3 (%)	4 (%)	5 (%)	4+5 (%)	Trung bình
<b>I</b>	<b>Lương bổng và phúc lợi</b>							
1	Viên chức và người lao động được trả lương và thường xứng đáng cho trách nhiệm và chất lượng công việc	0.00	13.33	53.33	26.67	6.67	33.33	3.27
2	Viên chức và người lao động hài lòng về các chính sách, chế độ cho viên chức, người lao động	0.00	13.33	26.67	53.33	6.67	60.00	3.53
3	Các hệ số phụ cấp giờ giảng, phụ cấp quản lý đào tạo... hợp lý?	0.00	26.67	46.67	20.00	6.67	26.67	3.07
4	Các khoản phụ cấp (giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ chi phí học tập/bồi dưỡng, công tác phí, chi tiêu hội nghị/hội thảo, nghỉ phép năm, v.v...) được giải quyết đầy đủ theo quy định.	0.00	6.67	26.67	53.33	13.33	66.67	3.73
5	Chính sách phúc lợi của Học viện rõ ràng. Việc hiểu hi, thăm hỏi, chúc mừng đầy đủ, kịp thời.	0.00	0.00	13.33	66.67	20.00	86.67	4.07
6	Được tham gia và thực hiện đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BH thất nghiệp.	0.00	0.00	0.00	53.33	46.67	100.00	4.47
7	Công đoàn Học viện có chế độ hỗ trợ cho các công đoàn viên có hoàn cảnh khó khăn.	0.00	0.00	20.00	33.33	46.67	80.00	4.27
8	Chính sách lương và phúc lợi của Học viện khuyến khích tinh thần làm việc của các chuyên viên/giảng viên; Đảm bảo hoàn toàn cho cuộc sống.	0.00	13.33	60.00	20.00	6.67	26.67	3.20
<b>II</b>	<b>Đặc điểm công việc</b>							
9	Thầy/Cô hiểu rõ về công việc mình làm	0.00	0.00	6.67	33.33	60.00	93.33	4.53
10	Công việc phù hợp với năng lực của Thầy/Cô	0.00	0.00	6.67	46.67	46.67	93.33	4.40
11	Công việc được phân chia hợp lý	0.00	0.00	33.33	40.00	26.67	66.67	3.93
12	Áp lực công việc là vừa phải	0.00	13.33	46.67	33.33	6.67	40.00	3.33
13	Thầy/Cô yêu thích công việc của mình	0.00	0.00	6.67	33.33	60.00	93.33	4.53
<b>III</b>	<b>Lãnh đạo đơn vị trực tiếp</b>							
14	Lãnh đạo đơn vị đánh giá kết quả công việc khách quan, công bằng.	0.0	6.7	13.3	40.0	40.0	80.0	4.1
15	Lãnh đạo đơn vị nắm vững các chính sách về chế độ, quy định của Nhà nước đối với cán bộ, công chức, viên chức	0.0	0.0	6.7	60.0	33.3	93.3	4.3
16	Lãnh đạo Học viện ghi nhận và khen thưởng kịp thời nỗ lực của người lao động.	0.0	6.7	13.3	53.3	26.7	80.0	4.0
17	Lãnh đạo đơn vị làm việc và quản lý linh hoạt.	(0.0)	6.7	13.3	46.7	33.3	80.0	4.1
18	Lãnh đạo đơn vị giao việc hợp lý, đưa ra những tiêu chuẩn về thời hạn và chất lượng cụ thể. Tôi được trang bị phương tiện đầy đủ để làm việc.	0.0	0.0	33.3	53.3	13.3	66.7	3.8
19	Lãnh đạo đơn vị cung cấp đầy đủ thông tin và nguồn lực giúp tôi hoàn thành công việc.1	0.0	6.7	13.3	66.7	13.3	80.0	3.9
20	Lãnh đạo đơn vị giám sát tiến độ thực hiện công việc và phản hồi kịp thời, hiệu quả như nhu cầu của cấp dưới.	0.0	0.0	13.3	53.3	33.3	86.7	4.2

21	Lãnh đạo đơn vị lắng nghe và thấu hiểu cấp dưới.	0.0	0.0	13.3	53.3	33.3	86.7	4.2
<b>IV</b>	<b>Quan hệ đồng nghiệp</b>							
22	Đồng nghiệp có thái độ thân thiện và tác phong làm việc chuyên nghiệp.	0.0	0.0	6.7	60.0	33.3	93.3	4.3
23	Đồng nghiệp luôn chia sẻ và giúp đỡ tôi khi khó khăn.	0.0	0.0	6.7	66.7	26.7	93.3	4.2
24	Đồng nghiệp các đơn vị khác luôn sẵn sàng hỗ trợ và phối hợp với tôi để hoàn thành công việc.	0.0	0.0	6.7	73.3	20.0	93.3	4.1
25	Tôi học hỏi được nhiều kiến thức và kỹ năng từ đồng nghiệp.	0.0	0.0	6.7	53.3	40.0	93.3	4.3
<b>V</b>	<b>Chất lượng ra của chương trình đào tạo (CTĐT)</b>							
28	Phản ánh tâm nhìn và sự mạng của Học viện	0.0	0.0	13.3	60.0	26.7	86.7	4.1
29	Phản ánh rõ yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với yêu cầu của xã hội	0.0	0.0	13.3	73.3	13.3	86.7	4.0
30	Được chuyển tải đầy đủ vào chương trình đào tạo	0.0	6.7	0.0	73.3	20.0	93.3	4.1
31	Phù hợp với điều kiện thực tế của Khoa đào tạo và Học viện	0.0	0.0	6.7	73.3	20.0	93.3	4.1
<b>VI</b>	<b>Bản mô tả CTĐT</b>							
32	Thể hiện rõ triết lý/mục tiêu giáo dục của Học viện	0.0	0.0	6.7	73.3	20.0	93.3	4.1
33	Được phổ biến công khai cho sinh viên và các đối tượng liên quan	0.0	0.0	6.7	53.3	40.0	93.3	4.3
34	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp người học hiểu về CTĐT	0.0	0.0	6.7	60.0	33.3	93.3	4.3
35	Cung cấp đầy đủ thông tin giúp nhà tuyển dụng hiểu về năng lực đầu ra của sinh viên	0.0	0.0	6.7	80.0	13.3	93.3	4.1
<b>VII</b>	<b>Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo</b>							
36	Nội dung CTĐT được cập nhật	0.0	0.0	13.3	46.7	40.0	86.7	4.3
37	Có sự gắn kết và liên mạch giữa kiến thức đại cương, cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành	0.0	0.0	13.3	60.0	26.7	86.7	4.1
38	CTĐT có gắn kết vấn đề học lý thuyết với việc thực hành, thực tập và tốt nghiệp	0.0	0.0	6.7	60.0	33.3	93.3	4.3
39	Mỗi học phần trong CTĐT đóng góp rõ ràng vào việc đạt được CDR của chương trình	0.0	0.0	13.3	66.7	20.0	86.7	4.1
40	Giảng viên được tham gia và quá trình xây dựng/điều chỉnh CTĐT	0.0	0.0	6.7	40.0	53.3	93.3	4.5
41	CTĐT được định kỳ rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật	0.0	0.0	6.7	60.0	33.3	93.3	4.3
42	Quy trình xây dựng và cải tiến CTĐT phù hợp	0.0	0.0	21.4	57.1	21.4	78.6	4.0
43	CTĐT có tính linh hoạt và thuận lợi	0.0	0.0	13.3	53.3	33.3	86.7	4.2
<b>VIII</b>	<b>Chiến lược, phương pháp dạy học</b>							
44	Giảng viên được phổ biến và hiểu rõ triết lý giáo dục của CSGD	0.0	0.0	13.3	80.0	6.7	86.7	3.9
45	Các hoạt động dạy học trong CTĐT được thiết kế đa dạng, phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	6.7	66.7	26.7	93.3	4.2
46	Các hoạt động học tập được thiết kế phù hợp để đạt được CDR	0.0	0.0	6.7	60.0	33.3	93.3	4.3
47	Hoạt động học tập phát triển khả năng học suốt đời cho sinh viên	0.0	0.0	13.3	60.0	26.7	86.7	4.1
<b>IX</b>	<b>Kiểm tra đánh giá</b>							
48	Phương pháp, công cụ đánh giá kết quả học tập của người học được thiết kế phù hợp với mức độ đạt được CDR	0.0	0.0	6.7	53.3	40.0	93.3	4.3
49	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đa dạng	0.0	0.0	6.7	60.0	33.3	93.3	4.3
50	Phương pháp đánh giá kết quả học tập sử dụng trong CTĐT đảm bảo độ tin cậy	0.0	0.0	6.7	60.0	33.3	93.3	4.3
<b>X</b>	<b>Đội ngũ giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên</b>							
51	Việc phát triển, bồi dưỡng đội ngũ dựa trên nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	6.7	6.7	66.7	20.0	86.7	4.0
52	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu phát triển chuyên môn và nghiệp vụ	0.0	6.7	13.3	53.3	26.7	80.0	4.0
53	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên được đánh giá dựa trên các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể, rõ ràng về năng lực.	0.0	6.7	6.7	86.7	0.0	86.7	3.8
54	Các chính sách đối với đội ngũ cán bộ là hợp lý và thỏa đáng	0.0	13.3	13.3	66.7	6.7	73.3	3.7
55	Học viên thực hiện quản trị giảng viên, nhân viên và nghiên cứu viên (đánh giá, khen thưởng, công nhận, v.v.) dựa trên hiệu quả công việc	0.0	6.7	20.0	73.3	0.0	73.3	3.7

56	Giảng viên, nhân viên, nghiên cứu viên hài lòng về kết quả đánh giá (đặc biệt là thi đua khen thưởng và công nhận)	6.7	6.7	13.3	73.3	0.0	73.3	3.5
57	Quy trình quy hoạch và bổ nhiệm CBQL phù hợp và rõ ràng	0.0	6.7	13.3	73.3	6.7	80.0	3.8
<b>XI</b>	<b>Cơ sở vật chất và dịch vụ hỗ trợ đào tạo và NCKH</b>							
60	Nhân viên làm công tác phục vụ đào tạo (thư viện, văn phòng, quản lý đào tạo) đáp ứng nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng	0.0	0.0	26.7	60.0	13.3	73.3	3.9
61	Môi trường làm việc thân thiện, tạo không khí thoải mái để thực hiện hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu	0.0	0.0	0.0	80.0	20.0	100.0	4.2
62	Khu hiệu bộ, giảng đường, phòng/khoa được bố trí hợp lý, thuận lợi cho công tác giảng dạy, học tập và NCKH	0.0	0.0	13.3	66.7	20.0	86.7	4.1
63	Cảnh quan sự phạm sạch sẽ, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tạo sự thoải mái	0.0	0.0	6.7	46.7	46.7	93.3	4.4
64	Có đủ hệ thống phòng làm việc, phòng học và phòng chức năng hỗ trợ hoạt động đào tạo	0.0	6.7	26.7	53.3	13.3	66.7	3.7
65	Hệ thống phòng làm việc, phòng học và các phòng chức năng có đầy đủ trang thiết bị phù hợp để hỗ trợ hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	6.7	26.7	60.0	6.7	66.7	3.7
66	Nguồn học liệu trên thư viện đầy đủ, cập nhật, phù hợp đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	26.7	60.0	13.3	73.3	3.9
67	Thư viện, phòng đọc được trang bị đầy đủ các trang thiết bị để hoạt động (chỗ ngồi, bàn ghế, máy tính/thiết bị, phần mềm tra cứu, thiết bị in ấn, nội quy, v.v.)	0.0	0.0	20.0	60.0	20.0	80.0	4.0
68	Có đủ phòng thực hành để phục vụ đào tạo và nghiên cứu	0.0	0.0	13.3	73.3	13.3	86.7	4.0
69	Phòng thực hành được trang bị đầy đủ các thiết bị phù hợp để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu.	0.0	0.0	20.0	73.3	6.7	80.0	3.9
70	Hệ thống công nghệ thông tin (bao gồm hạ tầng cho học tập trực tuyến) phù hợp, cập nhật để hỗ trợ các hoạt động đào tạo và nghiên cứu	0.0	13.3	13.3	60.0	13.3	73.3	3.7
71	Các tiêu chí về tốc độ, dung lượng, giao diện sử dụng của các thiết bị trong hệ thống CNTT đáp ứng nhu cầu đào tạo và nghiên cứu	0.0	20.0	13.3	53.3	13.3	66.7	3.6
72	Môi trường tự nhiên và xã hội trong nhà trường đảm bảo sức khỏe và an toàn	0.0	0.0	6.7	66.7	26.7	93.3	4.2
<b>XII</b>	<b>Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của Học viện</b>							
73	Thầy/Cô hài lòng công việc hiện tại của mình	0.0	6.7	13.3	60.0	20.0	80.0	3.9
74	Tự hào khi làm việc tại đơn vị, tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền	0.0	0.0	6.7	20.0	73.3	93.3	4.7

**26. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao hiệu quả hoạt động của cán bộ quản lý?**

Cán bộ quản lý cần có kiến thức nền tảng; cần có tầm nhìn phát triển; cần vô tư và vì công việc và lo cho ACE chứ đừng tập trung nịnh nọt cấp trên.

Cần có sự đánh giá lại của lãnh đạo Học viện trong bình bầu thi đua đối với cán bộ quản lý các đơn vị. Đây cũng là biện pháp tạo sự công bằng, cân bằng và thúc đẩy tinh thần lao động của cán bộ quản lý.

Các đầu mối công việc cố gắng có tính hệ thống và liên kết cao nhất, tiết kiệm nhất thời gian và công sức cho cán bộ. Vd: các phần mềm quản lý

**27. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao mối quan hệ với đồng nghiệp?**

Cần môi trường nghiên cứu khoa học để trao đổi chia sẻ, hợp tác.

Sự tôn trọng vị trí công việc của nhau, luôn ứng xử trên tinh thần yêu thương và nhân văn.

**58. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ...)**

Không lần nào	7%
Từ 1 - 3 lần	93%
Từ 3 - 5 lần	0%
Hơn 5 lần	0%

**59. Số lần trong 1 năm thầy/cô được tham dự tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, hội nghị, hội thảo trong và ngoài nước**

Không lần nào	0%
Từ 1 - 3 lần	47%
Từ 3 - 5 lần	40%
Hơn 5 lần	13%

**75. Thầy/Cô có đề xuất gì để cải tiến nâng cao chất lượng đầu tư của Học viện?**

Hỗ trợ thêm kinh phí nghiên cứu khoa học, nhất là kinh phí giáo trình in sách.

Thiếu chiến lược tuyển chọn, đào tạo, phát triển giảng viên cán bộ NCGD; thiếu môi trường học thuật; thiếu đội ngũ cán bộ quản lý có tầm, trung thực, bản lĩnh; nhưng lại thừa đội ngũ xu nịnh.

Giảm bớt các yêu cầu mang tính thủ tục hành chính để giảng viên có thời gian tập trung vào nghiên cứu và giảng dạy, nâng cao trình độ chuyên môn.

**76. Thầy/Cô có đề xuất gì để nâng cao văn hóa chất lượng Học viện?**

Lãnh đạo Học viện đã nhìn nhận đúng năng lực của cán bộ quản lý cấp dưới. Thời gian tới, cần có sự hỗ trợ tinh thần, đánh giá lại với những trường hợp cán bộ cụ thể cần đến sự hỗ trợ, giúp đỡ của Lãnh đạo Nhà trường để tạo động lực làm việc và thúc đẩy môi trường văn hoá chất lượng của các đơn vị trong Học viện.

TRUNG TÂM KT&KĐCLĐT  
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ngọc Hoa